L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE - SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

KHẢO VỀ CHÍNH-TRỊ NƯỚC PHÁP (1)

IV

CÁCH TỔ-CHỨC QUYỀN TƯ-PHÁP (*tiếp theo*)

3. — Các tòa-án phúc-thẩm

Tòa-án phúc-thẩm (*Cour d'appel*) là một tòa thuộc về đệ-nhị-cấp, phàm những án không chung-thẩm của các tòa-án đệ-nhất-thẩm và các tòa-án thương-mại muốn kháng-cáo phải đem lên đấy. Việc nào đem lên kháng-cáo thời tòa phúc-thẩm xử lại cả, vừa xử thực-sự, vừa xử pháp-luật.

1. — *Cách tổ-chức.* — Trong địa-hạt nước Pháp có 26 tòa phúc-thẩm. Mỗi tòa được quyền thẩm-phán trong mấy quận, gồm lại gọi là « quản-hạt » (*ressort*) của tòa ấy.

Các tòa phúc-thẩm đều đồng-đẳng nhau cả, trừ có tòa phúc-thẩm thành Paris thời đứng vào biệt-hạng mà thôi. Nhưng sự phân-biệt ấy không có quan-hệ gì về quyền-chức, chức-quyền tòa nào cũng như nhau cả. Tòa phúc-thẩm chia ra một hay là hai ban, tùy to nhỏ. Luật ngày 30 tháng 8 năm 1883 đã định số các quan thẩm-phán của mỗi tòa. Quan thẩm-phán tòa phúc-thẩm tên tây gọi là *conseillers*.

Các viên-chức trong một tòa phúc-thẩm thời có :

1º Một chánh viện-trưởng (*premier président*), tức là quan tư-pháp-trưởng trong quản-hạt. Tòa nào có nhiều ban thời làm tọa-chủ ban thứ nhất và tùy-ý muốn làm tọa-chủ các ban khác cũng được. Tự mình không có quyền thẩm-phán riêng như các quan chánh tòa-án dưới ;

2º Các ban-trưởng (*présidents de chambre*), tòa nào có nhiều ban thời mỗi ông làm tọa-chủ một ban.

3º Các thẩm-phán-quan (*conseillers*).

Tòa phúc-thẩm không có chức trợ-thẩm.

Cho được lập thành phiên-tòa, tòa phúc-thẩm phải họp đủ 5 quan thẩm-phán; nếu quan thẩm-phán bị mắc bận không họp đủ được thời thiếu ai có thể lấy thày-kiện hay là trạng-sư thay được.

Gặp mấy cái trường-hợp riêng (như khi tòa phải xét về việc cáo-tố thẩm-quan (*prise à partie*) hay là khi một việc đã do tòa Thượng-thẩm phá-án rồi mà lại phải tái-thẩm lần nữa), thời tòa phúc-thẩm phải họp cả hai ban lại mà xét. Khi ấy thời phiên tòa gọi là « phiên đại-hội » (*audience solennelle*),

(1) Xem *Nam-Phong* số 31, 32 và 36.

các quan thẩm-phán phải mặc áo đỏ. Phiên tòa thường thời chỉ mặc áo đen, đội mũ nhung có khoanh vàng.

Tòa phúc-thẩm cũng có phiên họp không công-đồng (*réunion non publique*), họp tổng-hội (*assemblée générale*) để cử quan thầy-thuốc giám-định (*médecins experts*), để tỏ ý-kiến về các dự-án luật của Bộ tư hỏi, để quyết-nghị về các việc phạm quan-kỷ (*matière disciplinaire*).

2. — *Chức chưởng-lý.* — Chức chưởng-lý ở tòa phúc-thẩm thời trên có quan tổng-chưởng-lý (*procureur général*), rồi dưới có các quan tổng-hộ-biện (*avocats généraux*) phải ra nói ở phiên tòa, và các quan phó tổng-chưởng lý (*substituts du procureur général*) coi những việc hành-chính trong chưởng-lý-cục (cai-trị trong quản-hạt, giám-đốc các chưởng-lý-cục dưới, án-xá, v. v.). Nhưng sự phân-biệt đó không lấy gì làm nhất-định, thường-thường thời các quan phó tổng-chưởng-lý và tổng-hộ-biện cũng đồng-chức với nhau.

3. — *Tư-cách các quan tòa Phúc-thẩm.* — Tư-cách các quan tòa phúc-thẩm cũng giống như các quan tòa đệ-nhất-thẩm, chỉ trừ về khoản niên-tuế mà thôi. Các quan trưởng tòa (viện-trưởng, ban-trưởng) và tổng-chưởng-lý phải 30 tuổi, tổng hộ-biện và phó tổng-chưởng-lý 25 tuổi, thẩm-phán-quan phải 27 tuổi.

Các quan phúc-thẩm cũng như các quan đệ-nhất-thẩm là do sắc-lệnh quan Giám-quốc bổ-nhiệm. Chức trưởng tòa và chức thẩm-phán là những chức bất-dịch (*inamovibles*), nhưng nếu phạm quan-kỷ thời do « Tư-pháp-cao-đẳng hội-nghị » (*Conseil supérieur de la magistrature*) xét-xử.

Các quan chưởng-lý thời có thể thuyên-chuyển và cách-chức được.

4. — *Các chức lục-sự và công-lại ở tòa phúc-thẩm.* — Ở tòa phúc-thẩm có một viên chánh-lục-sự (*greffier en chef*) và các tham-biện lục-sự, để coi về việc biên chép các giấy-má, lưu-trữ các bản thẩm-định (*arrêts*) cùng những bút-lục thuộc về các công việc trong tòa. Chức lục-sự phải 27 tuổi.

Trạng-sư (*avoués*) ở tòa phúc-thẩm thời do quan Giám-quốc bổ-nhiệm. Chức trạng-sư cũng truyền-nhượng cho nhau như các chức công-lại khác. Việc trong phiên tòa thời do các mõ-tòa (*huissiers*). — Còn như thầy-kiện ở mỗi tòa phúc-thẩm thời họp nhau lại làm một hộ-biện-tịch (*barreau*), có đặt một tòa hội-nghị (*conseil de l'ordre*) và một ông tịch-trưởng (*bâtonnier*).

5. — *Chức-quyền của tòa phúc-thẩm.* — Tòa phúc-thẩm đặt ra là để xét lại những đơn kháng-cáo án của các tòa-án dân-sự và thương-sự. Cứ phép thời phàm việc gì tòa đệ-nhất-thẩm đã xử rồi thời tòa phúc-thẩm mới được xét nghị lại; bởi thế nên trong luật có nói rằng « tòa phúc-thẩm không được nhận đơn tố-cáo mới.» Nhưng không nên lẫn đơn tố-cáo mới với phương-pháp tố-cáo mới; ở phúc-thẩm người đương-sự muốn thêm mạnh cho sự yêu-cầu của mình có thể dùng một cách chứng-minh gì mới mà ở toà dưới chưa dùng đến, như có thể xin điều-tra khám-nghiệm được.

Lệ toà phúc-thẩm không được nhận đơn tố-cáo mới thời gặp trường-hợp như sau này được miễn-trừ : là khi đơn tố-cáo ấy là một cách hộ-vệ, hay là một sự đòi bồi-thường, vì cái người đòi mình một món tiền gì đó chính lại là người có nợ mình một món ngang như thế. Những tiền lãi, tiền thuê, tiền bồi vì sự tổn-hại đã phải chịu từ khi kết án trước, có thể đem lên toà phúc-thẩm đòi được. Sau hết, về việc li-hôn, thời có thể làm đơn phản-tố (*demande recon-*

ventionnelle) ở tòa phúc-thẩm được; như người vợ đã kiện li-hôn người chồng, việc đem lên phúc-thẩm lần thứ nhất, người chồng có thể lấy duyên-cớ khác mà làm đơn phản-tố, kiện li-hôn lại người vợ được. Gặp mấy trường-hợp riêng như khi toà phúc-thẩm thụ-lý đơn kháng-cáo về một cái án trung-gian (*jugement interlocutoire*) nào như án truyền điều-tra khám-nghiệm — hay là một cái án quyết-nghị (*jugement définitif*) về một sự xảy ra trong thủ-tục (*incident de procédure*), thời có quyền « hoán-khởi » (*évoquer*) việc tố-tụng đó nghĩa là đem ra xét-xử ngay được. Nhưng quyền đó chỉ được thi-hành khi nào việc đã gần giải-quyết được mà thôi.

Toà phúc-thẩm lại được xét những việc như sau này nữa:

Phúc-thẩm những lời phán của người trung-tài (*sentences des arbitres*), nghĩa là khi hai bên đã tình-nguyện chọn người đứng giữa để xét xử việc phân-tranh của mình, không đem ra tòa kiện, nhưng sau không ưng lời phán của người trung-tài, đem lên tòa phúc-thẩm kháng-cáo, thời tòa cũng có quyền xét.

Phúc-thẩm những lệnh cấp-thẩm (*ordonnances de référé*) [1];

Quyết-nghị những sự khó-khăn thuộc về cách thi hành các lời thẩm-định (*arrêts*) của mình;

Phúc-thẩm những lời nghị về quan-kỷ (*décisions disciplinaires*) thuộc về thày-kiện, về các công-lại, và một đôi khi được phúc-thẩm cả những lời phán nghị của các hội-nghị của hộ-biện-tịch (như khi thày-kiện có phân-tranh với quan tòa).

Còn những chức-quyền của toà phúc-thẩm về hình-sự thời sau này sẽ xét.

6. — *Mấy điều sơ lược về thủ tục ở các tòa phúc-thẩm.* — Ở tòa phúc-thẩm cũng như ở tòa đệ-nhất-thẩm, phàm việc tố-tụng phải nhờ đến tay trạng-sư làm môi-giới. Ở tòa phúc-thẩm nào cũng có trạng-sư do quan Giám-quốc bổ-nhiệm như ở tòa đệ-nhất-thẩm.

Trong tờ trát kháng-cáo phải đề rõ tên người trạng-sư nào thay mặt ở tòa.

Ở phúc-thẩm cũng như ở đệ-nhất-thẩm, thủ-tục có ba đường: một là thủ-tục việc thường (*procédure ordinaire*), hai là thủ-tục việc giản (*procédure sommaire*), ba là thủ-tục bằng giấy (*procédure par écrit*).

a) Thủ-tục việc thường. — Trong hạn tám ngày từ khi mõ-tòa đưa trát kháng-cáo, nếu bên bị kháng-cáo không muốn khuyết-tịch thời phải mượn trạng-sư, rồi người kháng-cáo thông-đạt các phương-kế của mình cho người bị kháng-cáo bằng giấy đại-tự (*requête grossoyée*); người bị cũng trả lời theo cách thế. Xong rồi trạng-sư một bên làm giấy thỉnh-lai (*avenir*), nghĩa là mời xin đem việc ra tòa xét.

b) Thủ-tục việc giản. — Theo thủ-tục giản thời không có gửi đi gửi lại giấy đại-tự. Sau khi người bị kháng-cáo đã mượn thày-kiện thời đưa giấy thỉnh-lai ngay.

Khi nào việc xử ở đệ nhất-thẩm là việc giản thời lên phúc-thẩm theo thủ-tục giản như trên; khi nào người bị kháng-cáo khuyết-tịch thời cũng thế.

c) Thủ-tục bằng giấy. — Khi nào ở đệ-nhất-thẩm đã dùng thủ-tục này, thời việc cũng cứ đem lên phiên toà phúc-thẩm; nhưng tòa phúc-thẩm vẫn có quyền hễ cần đến thời truyền cho dự-thẩm bằng giấy (*instruction par écrit*) được.

7. — *Thẩm-định của tòa phúc-thẩm.* — Khi nào các việc thủ-tục đã

(1) Xem kỳ trước, N. P. số 36, trang 475-476

xong, thời tòa họp phiên tòa cho hai bên chống cãi, xong rồi tuyên lời thẩm-định, nói rằng việc khang-cáo có thụ-lý được hay không, nghĩa là khang-cáo có hợp lẽ hay không.

Nếu không thụ-lý được thời toà nghĩ phạt người khang-cáo mười quan, và cái án trước vẫn hoàn-toàn hiệu-lực.

Nếu thụ-lý được thời toà mới xét đến cốt việc, hoặc là chuẩn, hoặc là bác cái án trước, bác nghĩa là hoặc đổi lại cả toàn án, hoặc đổi lại một phần.

Xong rồi cho sao lời thẩm-định, thống-đạt cho người đương-sự, người ấy còn có quyền thượng-cáo lên thượng thẩm được.

III

Thương-sự tài-phán

1. — Các tòa-án thương-mại

(*Luật ngày mồng 8 tháng 12 năm 1883*)

1 — *Tính-cách các tòa-án thương-mại.* — Ta đã biết rằng các tòa-án dân-sự là những tòa-án phổ-thông, nghĩa là phàm việc gì trong luật không nói rõ rằng không được xử thời được xử hết. Trái lại thời các tòa-án thương-mại là những tòa-án đặc-biệt, nghĩa là cũng như các tòa-án trị-án, việc gì trong luật đã định cho xử mới được xử.

2 — *Cách tổ-chức các tòa-án thương-mại.* — Phàm những đô-thành nào có buôn-bán công-nghệ to thời đặt tòa-án thương-mại. Đặt phải do sắc-lệnh quan Giám-quốc, ban theo lối hành-chánh sắc-lệnh (*décret rendu en la forme de règlement d'administration publique*). Trong địa-hạt nước Pháp có 227 tòa-án thương-mại. Ở những huyện-lị không có tòa-án thương-mại thời là tòa-án dân-sự đặt phiên-tòa riêng để xét việc thương-mại.

Tòa-án thương-mại cho được đặt thành phiên-tòa phải có ba quan tòa (một quan chánh tòa và 2 quan thẩm-phán).

Các viên-chức trong một tòa-án thương-mại thời có :

Một quan Chánh tòa ;
Các quan Thẩm-phán ;
Các quan Trợ-thẩm.

Lại mỗi năm tòa-án kê một cái sổ những quan « bổ-thẩm » (*juges complémentaires*), để phòng khi nào các quan Chánh-thẩm Trợ-thẩm khuyết thời bổ vào cho sung số; thứ-tự bổ bỏ thăm mà định. Ở Paris thời sổ ấy có năm-mươi viên chọn trong những người có tư-cách bầu được ; ở các nơi khác thời hoặc 25 hay là 15 người, tùy theo tòa-án to hay nhỏ.

Ngồi phiên tòa thời các quan tòa mặc áo đen, chỗ gấp trái ra ngoài bằng nhung.

Ở tòa-án thương-mại nào cũng có một viên lục-sự và những tham-biện lục-sự đủ số cho chạy việc.

Ở các tòa-án thương-mại không có chức chưởng-lý.

3 — *Việc bầu-cử các quan tòa thương-mại.* — Các thương-mại thẩm-phán-quan (*juges commerciaux ou consulaires*) do các nhà buôn-bán trong huyện-hạt bầu theo lối tổng-tuyển-cử, kỳ-hạn là hai năm, mỗi năm thay lại một nửa ; người cũ có thể tái-cử được đến hai kỳ, mỗi kỳ hai năm nữa. Về sau thời trong hạn một năm không được ra ứng-cử nữa (luật ngày 17 tháng 7 năm 1908). Tuy vậy, các quan thẩm-phán đã mãn-hạn rồi có thể bầu làm chánh tòa được.

Ai là người có quyền đi bầu? Mỗi một năm thị-trưởng mỗi chợ thuộc về quản-hạt một tòa-án thương-mại, cùng với hai thị-tỉnh-nghị-viên do thị-tỉnh-hội-nghị cử ra, vào khoảng thượng-tuần tháng chín, phải hội lại để kê cái sổ những người có quyền

đi bầu. Sổ kê rồi tư lên quận-trưởng, quận-trưởng họp các sổ lại làm một cái sổ tổng-cộng rồi để ở phòng lục-sự tòa-án thương-mại. Lại mỗi tổng làm một cái sổ riêng để ở phòng lục-sự tòa-án trị-án.

Trong hạn 15 ngày sau khi để sổ ở phòng lục-sự, ai muốn dị-nghị hoặc yêu-cầu gì phải làm đơn lên quan-án trị-an, trong hạn 10 ngày quan-án sẽ quyết-nghị. Lại trong hạn 10 ngày sau khi lời quyết-nghị ấy thông-đạt cho người đương-sự, người ấy có quyền kháng-cáo lên Thượng-thẩm được. Hai mươi ngày trước ngày bầu-cử thời sổ phải đính-định hẳn.

Những hạng như sau này thời được kê tên vào sổ bầu-cử :

1º — Những người thuộc dân-tịch Pháp buôn-bán có đứng tên môn-bài hay là có hiệp-cổ công-ti ít ra đã được năm năm, cùng những người đàn-bà buôn-bán hợp tư-cách như thế ;

Các thuyền-trưởng coi những tàu buôn đi biển hay đi men bờ biển ít ra đã được năm năm ;

Các quản-lý những nặc-danh công-ti Pháp chuyên những việc lý-tài, buôn-bán, công-nghệ ;

Các lái chuyên việc hối-đoái (*agents de change*), việc bằng-hải-bảo-hiểm (*courtiers d'assurances maritimes*), việc buôn-bán đồ-hàng, hoặc làm thông-ngôn cho việc mậu-dịch với ngoại-quốc (*courtiers interprètes*) ;

2º — Những người trước đã có chân hay hiện đương có chân các tòa-án thương-mại, các thương-nghiệp hội-nghị, các bách-công tư-vấn hội-nghị (*chambres consultatives des arts et manufactures*) ; các ông chánh tòa công-sự thẩm-phán (*présidents des conseils de prud'hommes*) cũ hay hiện tại-chức.

Phàm những người nào vì cớ gì mà mất công-quyền, mất quyền bầu-cử, hoặc can án can khoản gì theo như điều thứ 2 trong luật ngày mồng 8 tháng 12 năm 1883 đã kể rõ, thời không có quyền đi bầu.

Đó là tư-cách những người đi bầu ; nay tư-cách những người bầu được thời thế nào ? Những người có thể bầu được là những hạng như sau này :

1º — Những người đàn ông có tên kê trong sổ bầu cử-các tòa-án thương-mại và ít ra là 30 tuổi ;

2º — Những người buôn-bán cũ đã làm nghề buôn ít ra là năm năm ở trong quản-hạt và có trụ-cư ở đấy.

Cho được làm chánh-thẩm (*juge titulaire*) thời phải làm trợ-thẩm ít ra là một năm.

Cho được làm chánh-tòa thời phải làm chánh-thẩm ít ra là hai năm.

Cách-thức sự bầu-cử thời như sau này :

Vào thượng-tuần tháng 12, quận-trưởng cho giấy cáo gọi các người có quyền bầu-cử. Bầu thời cứ từng tổng một, bỏ vé ở thị-sảnh nơi sở-tại tổng.

Tòa chủ-sự việc bầu-cử thời có thị-trưởng làm tọa-chủ với hai người ít tuổi nhất và hai người nhiều tuổi nhất trong những người đi bầu có mặt đấy giúp việc. Tòa cử một người làm thư-ký.

Đầu-phiếu bắt đầu từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều thời thôi

Bầu chánh-thẩm và trợ-thẩm thời bầu bằng lối « hợp-sách tuyển-cử » (*scrutin de liste*), bầu chánh-tòa thời bầu bằng lối « nhất-danh tuyển-cử » (*scrutin individuel*). Các phiếu phải để vào hai cái hộp khác nhau.

Lần thứ nhất phải có đủ « hoàn-toàn đa-số » (*majorité absolue*), thời mới được bầu, mà hoàn-toàn đa-số là phải bằng một phần tư tổng-số những người có quyền đi bầu đã kê tên trong sổ.

Nếu không được hoàn-toàn đa-số thời 15 ngày sau đầu-phiếu một lần nữa ; lần thứ hai này ai nhiều vé người ấy được bàu.

Tòa chủ-sự tuyên tên người nào được bàu, rồi lập biên-bản tư lên quận-trưởng ; quận-trưởng đặt một hội-đồng chính mình làm tọa-chủ để chứng-nhận việc bàu-cử, rồi yết ra trước nhà thị-sảnh mỗi tổng.

4 — *Chức-quyền các tòa-án thương-mại.* — Đại-đề thời chức-quyền của tòa-án thương-mại là để quyết-xử những sự phân-tranh thuộc về các việc buôn-bán của người buôn-bán với nhau hay là với người thường.

Việc buôn-bán (*actes de commerce*) là những việc buôn đi bán lại mà chủ lấy lợi ở trong đó. Trong luật còn coi mấy cách doanh-nghiệp như sau này cũng là những « việc buôn-bán » : chế tạo (*manufactures*), mãi-biện (*commissions*), vận-tống (*transports*), hối-đoái (*change*), ngân-hàng (*banque*), kiến-chúc (*constructions*), v. v. Nhưng mà công việc của người buôn-bán phải có chủ về sự buôn-bán thời mới thuộc tòa-án thương-mại xử : thí-dụ như một nhà hàng thực-vật buôn các đồ thực-vật để bán lại cho khách mua, thế thì việc đó gọi là việc buôn-bán, nếu có xảy ra sự phân-tranh gì thời do tòa-án thương-mại xét ; nhưng nếu nhà hàng ấy mua các đồ thực-vật để gia-dụng thời không thuộc về quyền-hạn của tòa-án thương-mại vậy.

Lại có nhiều việc bán sản-vật hóa-vật mà cũng không thuộc về tòa-án thương-mại xét, như người làm ruộng hay là người chủ ruộng chủ đất bán thóc-lúa hoa-mầu của mình vậy.

Người không phải nghề buôn mà khi nào làm những việc buôn-bán thời cũng thuộc tòa-án thương-mại xét-xử, như người chơi đồ cổ mua một cái vật quí gì không phải để chơi riêng mà lại đem bán cho người khác để ăn lời, thế thời cũng coi như người buôn bán.

Phàm những việc phá-sản (*faillite*) là thuộc quyền thẩm-phán của tòa-án thương-mại cả.

Tòa-án thương-mại được quyền chung-thẩm — nghĩa là xử rồi người đương-sự không được kháng-cáo ở đâu nữa — những việc như sau này :

Những việc mà hai bên đồng-tình thuận rằng tòa xử thế nào cũng không kháng-cáo ;

Những việc mà số tiền gốc không quá 1500 quan ;

Những việc kiện đòi tổn-hại nhân một việc chính mà ra, cùng những việc kiện phản-tố (*demandes reconventionnelles*), dẫu khi việc phản-tố ấy hiệp với việc chính mà số tiền gốc tới hơn 1500 quan cũng được. Song nếu mỗi việc trong mấy việc ấy, hoặc là nguyên-tố, hoặc là phản-tố, mà đơn-độc đã tới quá 1500 quan, thời tòa-án thương-mại chỉ được sơ-thẩm mà thôi.

Nay xảy ra một sự phân-tranh về việc buôn-bán thời tòa-án thương-mại nào có quyền thụ-lý ? Lệ-luật đây không giống như về dân-sự, và ba tòa sau này án đều có thể thụ-lý được cả :

Tòa ở nơi trụ-cư bên bị ;

Tòa ở nơi hai bên đã ký giao-ước với nhau và đồ-hàng đã trao nộp ;

Tòa ở nơi bên nào phải trả tiền.

5. — *Mấy điều sơ-lược về thủ-tục các tòa-án thương-mại.* — Ở tòa-án thương-mại thời thủ-tục đã giản-dị lắm. Không cần phải có trạng-sư, hai bên cứ việc thân-hành ra tòa, song có thể ủy người thay mặt cũng được, nhưng phải có giấy riêng ủy-quyền hay là người đương-sự phải cùng đến với người mình ủy mới được. Chữ ký trên tờ ủy-quyền phải có thị-trưởng sở-tại nhận thực.

Ở các tòa-án thương-mại lớn có những hạng ủy-viên (*mandataires*) riêng gọi là « công-nhận ủy-viên » (*agréés*), không phải là thuộc vào ngạch công-lại như các trạng-sư, nhưng tòa-án cũng có quyền giám-đốc, người đương-sự có thể nhờ những hạng ấy thay mặt ra tòa chắc-chắn hơn là người ngoài.

Tòa-án thụ-lý bằng trát gọi, không có dự-án hòa-giải.

Hạn trát là một ngày tròn, nghĩa là từ lúc tống-trát cho đến lúc xuất-tịch vừa đầy một ngày, từ nửa đêm hôm trước đến nửa đêm hôm sau. Hạn ấy cứ năm vạn thước thời tăng lên một ngày nữa.

Nhưng hạn ấy có phép quan chánh-tòa thời có thể rút đi cũng được ; như về việc hằng-hải thời có nhiều khi cần-cấp không phải xin phép cũng được.

Nếu đình-nhật người nguyên-cáo không xuất-tịch hay là không ủy người ra thay thời tòa xử « hưu-khuyết » (*défaut-congé*). Việc kiện ấy về sau có thể kiện lại được.

Nếu bên bị không ra hay là không ủy người ra thay thời hễ xét ra đơn bên nguyên phải lẽ thời xử bên bị phải án khuyết-tịch (*condamné par défaut*). Bên bị có quyền phản-đối cho đến ngày thi-hành án, nhưng mà án hễ quá sáu tháng không thi-hành thời tiêu-duyệt thời-hiệu.

Nếu bên bị có ra mặt hoặc có ủy người thay mặt, nhưng không kết-luận đến cốt việc, thời trong hạn tám ngày sau khi tống-đạt tờ án, có thể làm đơn phản-đối được, khi ấy thời án không thi hành trong sáu tháng không phải tiêu-duyệt thời-hiệu.

Nay ta thí-dụ cả hai bên nguyên bị đều thân-hành ra tòa hay là ủy người ra thay : bên nguyên thời đã nói rõ lời kết-luận của mình trong giấy trát rồi, bên bị bèn bày những phương-kế chống-cãi cửa mình, hoặc tự ra tòa nói, hoặc làm giấy ; bấy giờ đến thày-kiện cãi và tòa-án xử.

Nếu việc diên-man ra lâu mà hai bên nguyên bị không có trụ-cư ở tỉnh có tòa-án thời phải chọn lấy một nơi trụ-cư, nghĩa là phải chỉ một chỗ nào để khi án kết thời thông-đạt về đấy, nếu không thời chỉ lưu ở tòa lục-sự mà thôi.

Án thời có thể thi-hành tạm trước được (*exécutoires par provision*), hoặc có thể thi-hành một ngày sau khi thông-đạt.

Đơn kháng-cáo không đình được sự thi-hành tạm, nhưng người nào được án nếu trong án không nói rõ rằng không phải ký-quỹ thời phải nộp tiền ký-quỹ.

Cách phản-đối những án về thương-mại cũng theo như lệ thường. Phản-đối thời hoặc làm trát, hoặc khi mỗ tòa đến thi-hành án thời biên vào tờ biên-bản. Nhưng mà khi biên vào tờ biên-bản thời hạn trong ba ngày cũng lại phải làm trát. Có phản-đối thời đình cái hiệu-lực của sự thi-hành tạm.

Phải nhận rằng các tòa-án thương-mại không có quyền quyết-xử những sự khó-khăn thuộc về khi thi-hành án.

Nếu việc không thể xử được thời tòa-án truyền cho hai bên phải thân-hành đến mà thuyết-minh trước tòa.

Thường-thường thời sau khi thày-kiện cãi, tòa đem việc ra bàn-nghị ; một quan thẩm-phán nghe hai bên thuyết-minh, rồi làm một tờ báo-cáo trình tòa.

Tòa-án cũng có quyền bắt điều-tra để tìm ra chứng-cớ, cách đó thường dùng lắm, vì về thương-sự bao giờ cũng được gọi người làm chứng. Tòa cũng lại có quyền giao việc cho những người « trung-tài ủy-viên » (*arbitres*

rapporteurs) là những người có cái tri-thức chuyên-môn về cái việc đương tranh-tụng đó, nếu việc phiền-phức khó-xử thời tòa ủy cho chất-vấn hai bên, thử hòa-giải xem có được không, xong rồi làm tờ báo-cáo cho tòa biết.

Về thương-sự, không có cấp-thẩm (*référés*), không có điều luật nào cho quan chánh tòa được quyền ấy. Có người nói rằng quan chánh tòa dân-sự lâm-thời có quyền cấp-thẩm các việc thương-mại được, nhưng thường-thường thời người ta cho cái thuyết ấy là không phải. Song quan chánh tòa-án thương-mại vẫn có quyền cho « lưu-tồn tịch-ký » (*saisie-conservatoire*) (nghĩa là tịch-ký để giữ lại đó đợi cho án xong) những đồ vật của bên bị.

6 — *Nói về tòa-án dân-sự xử về thương-sự.* — Ở những hạt không có tòa-án thương-mại, thời tòa-án dân-sự được quyền xét về thương-sự. Thủ-tục cũng giống như là thủ-tục thương-sự vừa kể trên kia.

Tòa-án phải có quan chưởng-lý, nhưng quan chưởng-lý không phải can-thiệp vào.

7 — *Cách kháng-án về thương-sự.* — Cách thường là cách kháng-cáo lên tòa phúc-thẩm. Hạn kháng-cáo thời thuộc về án đối-tịch là hai tháng kể từ ngày thông-đạt, thuộc về án khuyết-tịch là bắt đầu từ ngày hết hạn phản-đối. Về việc phá-sản thời hạn ấy rút xuống 15 ngày.

Xét đơn kháng-cáo về thương-sự là tòa phúc-thẩm ở quản-hạt tòa-án thương-mại (hay là tòa-án dân-sự xét về thương-sự) đã xử việc trước.

Ra phúc-thẩm thời hai bên phải trạng-sư thay mặt, trạng-sư ấy trong trát kháng-cáo phải chỉ rõ ; vậy thời hoặc muốn kháng-cáo, hoặc muốn đối lại sự kháng-cáo, đều phải cần đến trạng-sư và mõ-tòa vậy.

Thủ-tục cũng giống như về dân-sự ; song các việc thương-sự thời coi vào hạng việc giản (*affaires sommaires*).

Còn những cách kháng-án đặc-biệt thời cũng giống như về dân-sự, có ba cách : đầu-đơn xin cải (*requête civile*), ngoại-nhân phản-đối (*tierce opposition*), và thượng-cáo thượng-thẩm (*pourvoi en cassation*) (1).

IV

Công-sự tài-phán

(*Luật ngày 27 tháng 3 năm 1907*)

1. — Nói về các công-sự thẩm-phán-hội

1 — *Chức-vụ của các công-sự thẩm-phán hội.* — Những hội này đặt ra không cốt là để quyết-xử, nhưng phần nhiều là để hòa-giải những sự phân-tranh thuộc về tờ giao-kèo của các nhà buôn-bán và nhà công-nghệ với bọn thợ và bọn người làm mình, hoặc những sự phân-tranh trong bọn thợ với nhau. Việc phân-tranh về buôn-bán đã lấy người buôn-bán ra mà xử, thời ý nhà làm luật cũng muốn rằng những việc phân-tranh của chủ với người làm nên giao cho một hội-đồng những chủ và thợ họp nhau lại thành một tòa-án riêng để xử thời hợp lẽ hơn ; bởi thế nên mới đặt ra các công-sự thẩm - phán-hội (*conseils de prud'hommes*).

2 — *Cách tổ-chức.* — Ở những tỉnh-thành nào việc buôn-bán công-nghệ to, thời theo ý-kiến của các thương-nghiệp hội - nghị (*chambres de commerce*), bách-công hội-nghị (*chambres des arts et manufactures*) và thị-tỉnh hội-nghị (*conseils municipaux*), Chánh-phủ hạ sắc-lệnh theo lối hành-chánh sắc-lệnh

(1) Xem kỳ trước, N. P. số 36, trang 477-478.

đặt ra những hội công-sự thẩm-phán, trong sắc-lệnh đặt thời định rõ cái quản-hạt và các hạng-ngạch (*catégories*) của mỗi hội.

Hội phải có vừa chủ vừa thợ hay là người làm, hai bên ngang số nhau, và số ấy không được kém 12 người. Mỗi một hạng-ngạch phải có ít ra là 2 người chủ và hai người thợ hay là người làm công.

Hội-viên bầu hạn sáu năm, ba năm bầu lại một nửa.

Khi khuyết vì chết, vì từ chức hay là vì cớ gì khác thời hạn một tháng từ ngày khuyết phải bầu người thay, trừ khi nào chỉ còn ba tháng nữa là hội mãn-hạn phải tái-cử thời thôi.

Nhưng mà khi nào hoặc vì bầu-cử rồi mà thiếu số, hay là vì có người xin từ-chức, hay là không chịu đến hội, hay là vì cớ gì mất chân hội, đã phải bầu thêm cho sung số rồi, mà lại xảy ra những việc như trên kia nữa, khiến cho hội vẫn phải khuyết, thời bấy giờ không bầu lần nữa, và tư-cách hội-viên thế nào mặc dầu, hội vẫn có quyền xét-nghị, miễn là số không kém nửa cái tổng-số hội-viên thì thôi.

Hội chia ra từng ban (*sections*), mỗi ban gồm mấy nghề buôn, mấy nghề công. Mỗi ban có một buồng hòa-giải, một buồng xử-án.

Mỗi ban có một ban-trưởng và phó ban-trưởng do các hội-viên trong ban họp đại-hội-đồng bỏ mật-phiếu bầu, hội-đồng ấy hội-viên nào nhiều tuổi hơn nhất làm tọa-chủ. Nếu ban-trưởng là người chủ thời phó ban-trưởng phải là người thợ hay người làm công, hay là trái lại nếu ban-trưởng là người thợ hay người làm công thời phó-ban-trưởng phải là người chủ. Hạn bầu-cử là một năm, hết hạn có thể tái-cử.

Các ban-trưởng và phó-ban-trưởng mỗi năm họp lại để bầu một ông hội-trưởng hội Công-sự-thẩm-phán, chức-vụ của ông hội-trưởng ấy là để giao-thiệp với chánh-phủ, liên-lạc các ban và quản-trị các công-việc trong hội.

Ra phiên tòa thời các hội-viên đeo một cái dấu hiệu riêng, tức là một cái mền-đay buộc bằng cái giây về bên tả.

Khi nào các hội-viên hội thẩm-phán phạm lỗi nặng thời phải xử theo tội đã định trong quan-kỷ : quan tư-pháp tổng-trưởng có quyền hoặc khiển-trách, hoặc đình-chức; muốn bãi-chức thời phải có sắc-lệnh.

Chính-phủ cũng có quyền giải-tán hội công-sự-thẩm-phán hay là giải-tán các ban trong hội, khi nào giải-tán như thế thời trong hạn hai tháng phải bầu-cử lại.

Trong hội có những chánh thư-ký và phó thư-ký làm chức lục-sự.

Cách bầu-cử các hội-viên hội công-sự-thẩm-phán như sau này. Hạng chủ thời do các chủ bỏ vé bầu, hạng thợ hay người làm công thời do thợ và người làm công bỏ vé bầu. Mỗi năm thị-trưởng mỗi chợ thuộc về quản-hạt một hội công-sự-thẩm-phán, cùng với một người thợ, một người làm công và một người chủ có công-quyền bầu-cử trong chợ do thị-tỉnh-hội-nghị cử ra, họp lại để kê ra ba cái biểu, một cái biểu những người làm thợ, một cái biểu những người làm công và một cái biểu những người làm chủ trong hàng chợ. Các biểu ấy tư lên quận-trưởng để làm sổ cho mỗi hạng. Cái sổ ấy lưu ở phòng thư-ký hội công-sự-thẩm-phán và ở phòng thư-ký mỗi thị-sảnh ; xong rồi làm yết-thị công-cáo cho những người có quyền bầu-cử biết, và trong hạn mười-lăm ngày ai muốn dị-nghị sự gì phải làm đơn lên quan toà rị-án.

Luật ngày 27 tháng 3 năm 1907 định các người có quyền bầu-cử ra ba hạng (đàn-bà cũng kể trong hạng đó) :

a) Hạng thợ, là : những thợ, cai thợ, đốc-công chính tay mình làm các việc công-nghệ và những chủ xưởng riêng chính tay mình làm.

b) Hạng làm công, là : những người làm công cho các nhà buôn nhà nghề, và những đốc-công trông-nom coi-sóc.

c) Hạng chủ là : những chủ có mướn một hay nhiều người thợ hay người làm công, những người hiệp-cổ trong một công-ti, những người thay mặt người khác mà quản-lý hay là giám-đốc một sở chế-tạo, một xưởng làm công, một cửa bán hàng, một sở khai mỏ, hay là đại-đề một nghiệp công hay nghiệp thương gì, những chánh hội-trưởng và hội-viên trong toà quản-trị của các công-ti lớn, những kỹ-sư kiêm việc quản-đốc trong các sở mỏ và sở công-nghệ.

Ngoài các tư-cách ấy, lại còn phải hợp thể-thức như sau này :

1° Phải có tên trong các sổ bầu-cử nghị-viên, hay là đàn-bà thời phải không thuộc vào các trường-hợp mà đàn-ông mất quyền bầu-cử ;

2° Phải trọn 25 tuổi ;

3° Phải đã làm một nghề gì kê trong sắc-lệnh đặt hội công-sự-thẩm-phán được ba năm rồi, kể cả hồi tập-sự, và phải ở trong quản-hạt hội thẩm-phán ấy được một năm.

Luật ngày 27 tháng 3 năm 1907, điều thứ 6, định rằng chỉ có đàn-ông mới được bầu vào hội thẩm-phán. Luật ngày 15 tháng 11 năm 1908 đổi lại điều ấy mà định rằng đàn-bà cũng có thể bầu được.

Cho được bầu-cử thời phải hợp những tư-cách như sau này :

1° Phải ở trong quản-hạt hội thẩm-phán đã ba năm ;

2° Phải 30 tuổi trở lên ;

3° Phải biết đọc biết viết ;

4° Phải có tên hay là đủ tư-cách để được biên tên vào các sổ bầu-cử.

Lại những người trước có quyền đi bầu-cử mà đã làm nghề mình hơn 5 năm và làm ở trong quản-hạt ít ra là 5 năm, thời cũng có quyền ứng-cử được.

Cách bầu-cử như sau này. Ít ra là hai mươi ngày trước, quận-trưởng phải công-cáo cho các người có quyền bầu-cử biết rõ ngày giờ và nơi nào định để đầu-phiếu. Bầu phải chọn vào một ngày chủ-nhật và đặt ra hai hội bầu, một hội cho thợ và người làm công, một hội cho chủ. Các hội bầu ấy thời do quan-án trị-án hay là một quan trợ-thẩm làm toạ-chủ.

Cách bầu bằng lối « hợp-sách tuyển-cử » (*scrutin de liste*). Lần thứ nhất phải được hoàn-toàn đa-số, nghĩa là số vé phải bằng một phần tư tổng-số những người có tên trong sổ bầu-cử, thời mới được bầu. Nếu cần phải bầu lại lần thứ hai thời ngày chủ-nhật sau phải bầu lại, lần thứ hai này thời cứ ai nhiều vé người ấy được.

Bằng vé nhau thời người nhiều tuổi được bầu.

Ai được bao nhiêu vé, khi kiểm xong rồi, do ông toạ-chủ hội bầu xướng danh lên. Rồi làm tờ biên-bản tư lên quận-trưởng. Ai có phản-đối dị-nghị điều gì thời cũng đầu-đơn, cũng quyết-nghị như về việc bầu-cử các toà-án thương-mại.

Trước khi lĩnh chức, các ông hội-viên mới phải tuyên-thệ ở trước tòa-án dân-sự.

3. — *Chức-quyền của công-sự thẩm-phán hội.* — Hội thẩm-phán có quyền hạn như sau này :

Việc gì tiền gốc tự dưới cho đến ba trăm quan thời được chung-thẩm, nghĩa là không thể kháng-cáo được.

Việc phân-tranh thuộc về hạng người làm công thời giá-ngạch tới 1000 quan được sơ-thẩm, nghĩa là có thể kháng-cáo được ; ngoài 1000 quan thời toà-án dân-sự mới được xử.

Việc phân-tranh của thợ với chủ thời cũng chỉ được sơ-thẩm mà thôi.

Bao giờ cùng hai bên nguyên bị ấy mà có nhiều việc phân-tranh thuộc về lời giao-kèo thuê mướn, thời phải gồm cả bấy nhiêu việc làm một đơn tố-cáo chung.

Khi nào có nhiều đơn nguyên-tố hay là phản-tố thời quyền-hạn như sau này: Nếu cái giá-ngạch của mỗi đơn kém cái giá-ngạch chung-thẩm của hội thời hội cứ việc chung-thẩm. Nếu một đơn trong bấy nhiêu đơn giá-ngạch cao hơn giá chung-thẩm, thời hội xử sơ-thẩm hết, trừ khi nào chỉ có một cái đơn phản-tố đòi bồi tổn-hại thuộc về việc nguyên-tố là cao hơn số-ngạch chung-thẩm thời không kể.

Khi là việc phân-tranh của người làm công với chủ, thời nếu cái nguyên-đơn ra ngoài số-ngạch chung-thẩm, hội thẩm-phán vẫn được xử cái phản-đơn thuộc về nguyên-đơn ấy, dẫu phản-đơn số-ngạch cao hơn 1000 quan cũng được, nhưng chỉ xử sơ-thẩm mà thôi.

Hội thẩm-phán lại còn có những chức-quyền như sau này:

a) Khi người chồng vắng, bị ngăn-trở hay là không chịu ra tố-cáo, thời hội có quyền cho phép người vợ ra tố-cáo tại hội;

b) Cũng có quyền cho phép người vị-thành-niên (*mineur*) ra tố-cáo, khi nó không có cha hay người bảo-hộ giúp;

c) Có quyền truyền đặt đủ các cách phòng-bị để cho những đồ vật có người đương kiện không bị chuyển đi, dịch đi, hay là trộm mất;

d) Quan cai-trị tư-vấn về việc gì thời hội phải bày ý-kiến cho quan hay;

e) Ngoại-giả còn có mấy cái chức-quyền nhỏ đã có điều luật riêng định.

Thuộc về công việc trong một sở làm công nào thời sở ấy ở đâu, hội thẩm-phán ở đấy có quyền xử; thuộc về công việc ở ngoài mọi sở, thời tờ giao-kèo thuê mướn ký ở đâu hội thẩm-phán ở đấy có quyền xử. Nếu trong hội có chia ra ban thời mỗi ban chuyên xử một hạng công việc riêng.

4 — *Nói về thủ-tục.* — Luật năm 1907 cố giảm cho thủ-tục bớt phiền và khỏi mất nhiều tiền lệ-phí.

Việc trước hẳng đem lên một buồng hòa-giải (*bureau de conciliation*) có một người chủ và một người thợ hay một người làm công, hai người thay nhau làm tọa-chủ. Tòa hòa-giải cố điều-đình cho hai bên hòa-thuận với nhau. Phiên-tòa không công-đồng. Giấy gọi lên tòa hòa-giải thời do người thư-ký gửi đến cho người đương-sự. Cũng có khi tự người đương-sự đến xin hòa-giải cũng được.

Bên nguyên bên bị phải thân-hành đến; song khi vắng mặt hay là tật-bệnh gì có thể ủy người thay được, người thay ấy phải là một người thợ, người làm công, hay là người chủ nào cùng một nghề ấy. Các chủ công-nghiệp (*chefs d'entreprise*) có thể ủy cho người quản-lý hay là một người làm công thay được.

Ủy cho ai thay phải làm cái giấy ủy-quyền vào giấy thường; nhưng nếu ủy cho thày-kiện có tên trong hộ-biện-tịch hay là trạng-sư ở tòa-án hàng huyện thời không cần phải giấy ủy-quyền.

Nếu đính-nhật, bên nguyên không xuất-tịch, thời việc bị tiêu và trong hạn tám ngày không thể khởi-phục được.

Nếu bên bị không xuất-tịch hay không có người thay thời việc chuyển sang buồng xử-án (*bureau de jugement*)

Trát gọi gửi theo lối giấy ký-nhận có tờ báo nhận (*lettre recommandée avec avis de réception*). Nếu không có

tờ bảo nhận, thời bên bị do mõ-tòa gọi. Hạn là một ngày tròn, từ nửa đêm nọ đến nửa đêm kia.

Khi xuất-tịch để hoà-giải, nếu hai bên không thể hoà-giải được, thời có thể tức-khắc lên buồng xử-án ngay.

Buồng xử-án có bốn hội-viên : hai người chủ và hai người thợ hay người làm công.

Quyết-nghị phải có số nhiều người bằng lòng mới được. Khi nào số người ưng người không ưng bằng nhau thời để đến phiên sau xử, phiên xử ấy thời lấy quan-án trị-án hay là quan trợ-án làm toạ-chủ, hễ ưng về bên nào thời quyết-định theo bên ấy.

Buồng xử-án phải đặt phiên toà công, nhưng nếu việc bàn-nghị có thể sinh ra tai-tiếng thời toà có quyền cấm thiên-hạ vào xem. Song bao giờ lúc tuyên án cũng phải đặt phiên toà công.

Nếu một bên không xuất-tịch thời xử án khuyết-tịch, trong hạn ba ngày từ khi thông-đạt có thể phản-đối được.

Án sơ-thẩm có thể cho tạm thi-hành được, trừ ký-quỹ cho một phần tư tiền, phần tư ấy không được hơn 100 quan; hơn thời vẫn thi-hành tạm được mà bên nguyên phải nộp tiền ký-quỹ.

Các hội công-sự-thẩm-phán, không được xét những sự xảy ra trong khi thi-hành án. — Trong những hạt không có hội công-sự thẩm-phán thời là quan án trị-án có quyền được xử những việc phân-tranh của chủ, thợ hay là người làm công với nhau, cũng theo thể-thức như trên.

5. — *Cách kháng-án của các hội công-sự thẩm-phán.*—Những án của hội công-sự thẩm-phán không chung-thẩm thời có thể kháng-cáo ở toà phúc-thẩm được.

Kháng-cáo thời làm tờ trát gọi lên toà-án dân-sự, thông-đạt cho chính-thân hay là tới trụ-cư người đương-sự. Trong hạn ba ngày sau khi kết án không được kháng-cáo (trừ khi có tạm thi-hành không kể). Mười ngày sau khi thông-đạt thời không được kháng-án nữa. Đơn kháng-án phải đệ lên toà án dân-sự ở huyện sở-tại hội công-sự thẩm-phán.

Thủ-tục kháng-cáo giản-dị lắm; cũng giống như thủ-tục về thương-sự không bắt buộc phải dùng đến trạng-sư, hai bên có thể ủy người thay như ở các buồng hội thẩm-phán được, nhưng nếu ủy một người trạng-sư hay người thày-kiện thời không cần phải làm giấy ủy-quyền.

Toà dân-sự phải xử đơn kháng-cáo trong hạn ba tháng từ khi đầu-đơn.

Án chung-thẩm thời có thể thượng-cáo lên thượng-thẩm vì lạm quyền hay là vì trái luật. Lên thượng-thẩm cũng không cần phải thày-kiện. Muốn thượng-cáo thời phải trình ở phòng thư-ký hội công-sự thẩm-phán. Tờ trình ấy phải làm trong hạn năm ngày và thông-đạt trong hạn tám ngày.

Đây thượng-cáo không cần phải ký-quĩ tiền phạt trước như ở các tòa-án khác.

Án của tòa dân-sự xét đơn kháng-cáo cũng có thể đem lên thượng-cáo, khi ấy thời phải trình ở phòng lục-sự tòa-án dân-sự.

Trong hạn mười-lăm ngày từ khi thông-đạt, các bút-lục phải đệ lên tòa Thượng-thẩm, tòa phải xét trong hạn một tháng sau khi nhận được đủ giấy-má.

— Còn các cách kháng-cáo khác, như : ngoại-nhân phản-đối, đầu-đơn xin cải, cáo-tố thẩm-quan, cũng có thể dùng được cả, theo như lệ thường.

V

Hình-sự tài-phán

1. — Tổng-luận

Trở lên là các bậc tài-phán đặt ra để quyết-xử những sự phân-tranh của

người tư-dân với nhau thuộc về những lợi-quyền riêng. Nay ta xét đến bậc hình-sự-tài-phán là bậc phải xử tội — tội thân-thể hay tội phạt tiền — những kẻ phạm vào các khoản trong luật đã dự-định, thiệt-hại đến sinh-mệnh tài-sản của người riêng hay là của đoàn-thể; không những xử tội, có khi lại có quyền bắt kẻ phạm tội phải thường-hoàn bồi-tổn cho người bị hại nữa. Như kẻ nào lừa-gạt mà lấy tiền của người ta thời không những bị phạt giam mà lại còn phải hoàn lại cái tiền đã ăn-cắp vậy. Kẻ nào đã đánh đập người ta bị thương thời không những phải phạt giam phạt bạc mà lại phải bồi tổn-hại cho người bị thương vậy. Bên có quyền được đòi bồi-thường như vậy, trong luật gọi là « bên dân-sự nguyên-cáo » (*partie civile*). Trước khi xét cách tổ-chức của các tòa-án hình-sự, xin kể lược qua mấy điều cốt-yếu về hình-luật như sau này.

A. — Mấy điều cốt-yếu về hình-luật

1. — *Muốn luận tội cần phải có điều luật đã định.* — Điều cốt-yếu thứ nhất trong hình-luật là muốn xử tội một việc gì thời việc ấy phải đã có định sẵn trong luật mới được. Có nhiều việc thật là đáng trừng-trị mà trong luật không nói đến, không định tội, cũng không thể khép vào án, luận vào tội được; như tội gian-thông, tội loạn-luân, trong luật không định, chỉ nói rằng khi nào gian-thông mà có cưỡng hay là có lộ thời mới có tội.

Cứ như thế thì luận tội không có thể suy-loại được, nghĩa là không thể nhân một việc giống với một điều trong luật đã định mà khép theo điều đó được. Thí-dụ như một người trong tay không có đồng tiền nào mà vào ăn uống ở một nhà hàng cơm hàng rượu rồi không trả tiền người ta, thời là phạm vào tội ăn-cắp đồ-ăn đã định trong điều thứ 401 Hình-luật. Nhưng người trong tay không có đồng tiền nào mà trèo lên xe đi hay là vào nhà khách-sạn ngủ, thời không có tội gì cả, vì những sự đó trong luật hình không nói đến. Gặp những trường-hợp như thế thời quan tòa phải xét những tình-tiết ở ngoài việc mà dùng cách gián-tiếp để luận tội, chớ không thể trị ngay cái tội ấy được.

Lại khi nào mới đặt ra một điều luật để trị một cái tội trước kia trong luật chưa định, thời muốn luận tội một việc theo luật mới ấy tất phải là việc phạm sau khi luật mới đã tuyên-bố, nếu phạm từ trước thời không được.

Nói tóm lại, ý nhà lập-pháp định phân-minh như thế là khiến cho người ta ai cũng biết những việc mình phải tránh để khỏi phạm vào, nếu đã biết mà cứ phạm mới đáng trị tội, còn như trong luật đã không định quan tòa không được tự mình định lấy là để cho khỏi lạm-quyền, khỏi thiên-vị vậy.

Cho được thành một tội luật hình phạt, thời phải có một việc phạm và một người phạm, người phạm ấy phải có hoàn-toàn trách-nhiệm (*personne responsable*) mới được.

2. — *Thế nào là người hoàn-toàn trách-nhiệm?* — Là người có ý-thức về các việc mình làm. Như người điên thời không thể phạm tội được. Không những là người điên, có thể nói rộng ra rằng phàm người nào gặp những cơ-hội đặc-biệt nó làm mất cái quan-niệm về sự trách-nhiệm của mình đi, thời dầu có phạm việc đáng tội-lỗi mà thật không phải hẳn là người có tội. Bởi thế nên ở tòa đại-hình, xử việc án-mạng, quan tòa hỏi ý bộ bồi-thẩm (*jury*) rằng người phạm án-mạng ấy có đáng có tội không — hỏi là người phạm có đáng có tội không, chớ không

hỏi là việc phạm có hay không — thời bộ bồi-thẩm có khi trả lời rằng : « Người ấy có giết người, nhưng người ấy không đáng tội. »

Vậy thời người phạm phải có hoàn-toàn trách-nhiệm mới là người đáng tội. Nhưng phải có việc đã phạm rồi (*acte commis*) mới được. Vì một người dẫu có dụng-ý lắm một sự tội-lỗi, cái dụng-ý ấy dẫu về đường đạo-đức là tội thật, nhưng nếu chưa xuất-hiện thành việc hay là chưa bắt đầu thực-hành, thời cũng chưa phải là tội đối với hình-luật.

3. — *Việc chưa toại-phạm* (tentative). Khi nào việc đã bắt-đầu thực-hành mà người thực-hành ấy vì một cái duyên-cớ gì ngoại-ý ngăn-trở không làm thành được, như tên ăn trộm đương cậy tủ mà chợt có người đến phải bỏ chạy không lấy được gì, thời thế gọi là « việc chưa toại - phạm » (*tentative*).

Việc chưa toại-phạm không phải là bao giờ cũng đáng tội ; như việc nhỏ-nhặt thuộc về vi-cảnh thời không bắt tội bao giờ ; nhưng những việc to hơn nặng hơn mà trong luật đã định thời dẫu chưa toại-phạm cũng thành tội.

4 — *Tòng - phạm* (complicité). — Không những các người tự mình phạm cái việc đáng tội là phải tội (người ấy gọi là người thủ-phạm = *auteur principal*), mà những người gián-tiếp giúp vào việc ấy luật cũng bắt tội gọi là tòng-phạm (*complice*). Thí-dụ như việc trộm : người nọ bày mưu rõ-ràng cho người kia đi ăn trộm, người bày mưu ấy gọi là « tùng-phạm vì bày mưu » (*complice par instructions*). Người đi ăn trộm lại có giắt hai anh bạn nữa ; một anh cũng vào trong nhà với anh ăn trộm, một anh đứng ngoài để dình ; anh cùng vào trong nhà ăn trộm là anh « đồng-phạm » (*co-auteur*), nhưng anh đứng ngoài tuy không mó vào đồ - vật ăn trộm cũng là « đồng-phạm », vì không có nó tham-giúp vào thì việc trộm không thành, như thế là nó cũng có dự phần vào việc trộm, nó cũng phải luận tội theo lệ « gia-trọng tình - trạng » (*circonstances aggravantes*), như tội « đập giương phá tủ » (*effraction*), dẫu chính tay nó không đập không phá mặc lòng. — Lại tên ăn trộm có đem cái thang để trèo tường, mà người cho mượn cái thang ấy biết rằng hắn dùng để đi ăn trộm ; người cho mượn ấy cũng là tòng-phạm vì giúp phương-kế cho thực-hành việc phạm. Đại-đề thời phàm ai biết rằng việc phạm mà tham-dự hay giúm-giúp vào thời gọi là tòng-phạm cả. Lại người nào biết rằng của ăn trộm mà dụng-tâm thủ-lợi vào đấy thời là tòng-phạm vì chứa-chấp (*complice par recel*).

Sau này ta phân-biệt các hạng tội khác nhau thế nào.

B. — Các hạng tội

Luật chia ra ba hạng tội : vi-cảnh (*contraventions*), khinh-tội (*délits*) và trọng-tội (*crimes*).

1. — *Vi-cảnh.* — Tội vi-cảnh là những tội nhẹ hơn nhất, người phạm-tội không có cái ý làm hại gì cả, chỉ vì sao-lãng không tuân theo những lệ cảnh-sát đã đặt ra để giữ-gìn sự ích-lợi chung. Luật chỉ phạt cái việc phạm hiển-nhiên mà thôi, không tìm cái dụng-ý của người phạm.

Muốn biết một việc thuộc về vi-cảnh hay thuộc về khinh-tội, thời phải xét cái hình-phạt trong luật định thế nào. Nếu phạt bạc từ 1 đến 15 quan, phạt giam từ 1 đến 5 ngày thời là thuộc về vi-cảnh.

Vi-cảnh mà việc chưa toại-phạm thời không phải tội. Vi-cảnh cũng không có lệ tòng-phạm, trừ những trường-hợp đặc-biệt, như tội đêm tối làm ồn-ào (*tapage nocturne*) thời không kể.

2.— *Khinh-tội.*— Khinh-tội là những tội nặng hơn vi-cảnh, trong tội đã có phần dụng-ý (*élément intentionnel*) và phạt theo hình trừng-trị (*peines correctionnelles*), phạt bạc ít ra là từ 16 quan và phạt giam từ 6 ngày đến 5 năm; có nhiều tội tòa-án đã phạt rồi, lại cấm người phạm tội không được thi-hành những dân-quyền, công-quyền, quyền gia-tộc.

Việc chưa toại-phạm không phải tội, trừ mấy trường-hợp riêng trong luật đã định (như về việc trộm cắp).

Tòng-phạm cũng phải tội như thủ-phạm.

3. — *Trọng-tội.*— Trọng-tội là những tội nặng hơn nhất, vì cái ác-tâm của người phạm, vì sự tai-hại cho xã-hội. Nhiều việc liệt vào hạng trọng-tội là vì cái tính-cách việc, như việc giết người, việc cưỡng-dâm (*attentat à la pudeur*), việc chế bạc giả, mạo sổ-sách buôn bán, mạo giấy chứng-thư (*faux en écriture de commerce ou en écriture authentique*). Nhiều việc mục là trọng-tội vì cái tình-trạng việc : như việc trộm thường-thường vẫn cho vào hạng khinh-tội, nhưng nếu có những tình-trạng riêng như trèo tường, phá giương, làm sự cường-bạo, vào chỗ có người ở, vào ban đêm, thời thành ra trọng-tội. Những tình-trạng làm cho việc thành trọng-tội như thế gọi là « gia-trọng tình-trạng » (*circonstances aggravantes*).

Hình-phạt về trọng-tội thời có hai hạng : một là thể-hình kiêm nhục-hình (*peines afflictives et infamantes*), hai là nhục-hình không (*peines infamantes*).

Thể-hình kiêm nhục-hình là những hình vừa khổ đến thân-thể, vừa nhục đến phẩm-giá : như hình tử (*mort*), hình khổ-sai chung-thân hay là có kỳ-hạn (*travaux forcés à perpétuité ou à temps*), hình đồ-dịch (*réclusion*), hình phát-lưu (*déportation*), hình cấm-cố (*détention*).

Nhục-hình không thời có hình phóng-trục (*bannissement*) và hình tước công-quyền (*dégradation civique*).

C. — Cách gia giảm trong khi luận tội

1. — *Nói về khinh-giảm tình-trạng* (điều 463 luật hình). — Các điều luật định hình-phạt có định cái tối-cao-số và tối-thiểu-số, nghĩa là cái giới-hạn định tội đến thế nào là cao nhất, thế nào là thấp nhất. Quan tòa tùy tội nặng nhẹ mà khép hình trong cái giới-hạn ấy; nhưng khi nào xét ra có những « khinh-giảm tình-trạng » (*circonstances atténuantes*) thời có thể hạ cái hình xuống dưới tối-thiểu-số được, như một tội đáng phải hình đồ-dịch hạ xuống làm hai năm phạt giam. Thuộc về hình trừng-trị (*peines correctionnelles*), nghĩa là hình phạt hạng khinh-tội, thời có thể hạ đến tận bậc dưới là bậc hình vi-cảnh được.

2. — *Luật án treo* (loi de sursis). — Theo luật ngày 26 tháng 3 năm 1871, gọi là « luật Béranger » (lấy tên ông thượng-nghị-viên Béranger là người thủ-xướng ra luật ấy), thời các tòa-án khi nào nghĩ phạt giam hay phạt bạc mà xét ra người bị tội ấy trước chưa bao giờ bị phạt giam về tội thường-phạm thời có thể truyền cho đình-chỉ sự thi-hành án được : thế gọi là án treo. Nếu hết hạn 5 năm người bị tội không phạm tội nào đến phạt-giam nữa, thời án trước coi như là không, nhưng trong hạn ấy thời án trước vẫn còn.

3. — *Tái-phạm* (Récidive). — Trái lại, người nào lần trước đã bị tội, trong hạn ít lâu lại bị tội lần nữa, thời hình khép phải nặng hơn : thế gọi là « tái-phạm».

Lại một người trước đã bị tội nhiều lần (ba, bốn hay bảy lần), sau lại mắc tội nữa, thời ngoài cái hình thuộc về tội ấy, có khi lại còn phải chịu một cái hình phụ nữa, gọi là tội «giam-trí»

(*relégation*), nghĩa là sau khi đã chịu cái hình trên rồi phải đem phóng ra ở một thuộc-địa nào (thường-thường là thuộc-địa Nouvelle-Calédonie), không được ở trong nước nữa.

4. — Người vị-thành-niên (Mineurs). — Khi nào là kẻ vị-thành-niên phạm tội thời luận tội khép hình có châm-chước như sau này:

Đứa vị-thành-niên tự 18 tuổi trở xuống, thời tòa-án hình phải xét xem khi nó làm việc phạm nó có biết suy-xét hay không. Nếu làm bậy không có suy-xét thời tha cho về với bố mẹ, hay là phóng ra một chỗ có nhà giam trừng-trị, trong án định mấy năm đó, nhưng không được quá hạn 20 tuổi. Nếu nó làm có suy-xét mà tuổi tự 16 đến 18, thời khép hình cũng như người đã thành-niên.

Tự 16 tuổi trở xuống, nếu xét ra không có suy-xét thời xử như trên, nếu có suy-xét thời hình sẽ giảm theo như điều 67 luật Hình đã định.

Đứa vị-thành-niên mới có 16 tuổi mà phạm trọng-tội (ngoài những tội đáng tử-hình, khổ-sai chung-thân, cấm-cố) thời do tòa-án trừng-trị xử, không phải đem ra tòa Đại-hình, trừ khi nào có những đứa tùng-phạm nhiều tuổi hơn nó thời không kể.

— Nếu người phạm-tội khi kết án đã trọn 70 tuổi, thời tội phát-lưu thay bằng tội đồ-dịch.

D. — Nói về sổ phạm-nhân

(Luật ngày 5 tháng 3 năm 1889 và 11 tháng 7 năm 1900).

1. — Cách tổ-chức. — Phàm người nào phải án về khinh-tội trọng-tội thời biên vào những cái phiếu (gọi là phiếu số 1 = *bulletin n° 1*), họp lại ở phòng lục-sự tòa-án nơi sinh của người can ấy (hay là người ngoại-quốc hoặc người sinh ở ngoài địa-hạt Pháp, hoặc người không biết nơi sinh ở đâu, thời họp lại ở bộ Tư-pháp); thế gọi là « phạm-nhân danh-bạ » (*casier judiciaire*), hay là sổ phạm-nhân.

2. — Trích-lục. — Các quan chưởng-lý, quan dự-thẩm, quan cảnh-sát, và các quan binh, trong việc xét án, xử án, tầm-nã, hay là tuyển lính, thường phải cần tra xem một tên nào trước đã phải án chưa. Vậy các quan ấy được quyền giữ trích-lục của sổ phạm-nhân, sao vào những phiếu riêng gọi là phiếu số nhì (*bulletin n° 2*). — Lại các thị-trưởng, cho được làm sổ bầu-cử, cũng phải cần đến trích-lục sổ phạm-nhân, nhưng chỉ cần biết những tên nào đã mất quyền bầu-cử mà thôi.

Sau nữa, người riêng cũng có quyền xin trích-lục sổ phạm-nhân, ai xin như thế thời được một cái phiếu gọi là phiếu số 3 (*bulletin n° 3*), trong ấy biên rằng người ấy trước đã can án gì chưa, nhưng thường biên đó cũng không đủ, vì có nhiều cái án phải biên vào sổ phạm-nhân và nhiều cái thì không, nên cũng không đủ làm bằng-cứ được. Cho nên người nào mướn người làm hay thuê đứa ở cũng không nên tin ở tờ trích-lục sổ phạm-nhân cho lắm: có kẻ tờ trích-lục trắng như tuyết mà trước đã có can án vậy.

(*Còn nữa*)

THƯỢNG-CHI *biên-dịch*

KHẢO VỀ TIỀN-TỆ[1]

La monnaie ne remplit jamais mieux son office que lorsqu'elle ne fait pas parler d'elle.

MICHEL CHEVALIER

Tiền-tệ hễ không ai nghị-luận đến thời mới là làm trọn chức-vụ.

Câu tiêu-đề trên này là của một nhà bác-học nước Pháp chuyên-trị về kinh-tế-học, ý nói rằng chức-vụ của tiền-tệ là để làm cái cơ-quan cho sự mậu-dịch, vậy thời lúc bình-thường hóa-vật lưu-thông, tiền-bạc trao-đổi, mọi sự đều thông-thoát cả, tất không ai bàn đến tiền-tệ làm chi ; chỉ khi nào trong kinh-tế-giới xảy ra sự biến, việc mậu-dịch không được lưu-thông, sự trao-đổi có điều trở-ngại, bấy giờ thiên-hạ mới nghị-luận đến tiền-tệ, bấy giờ mới khởi ra cái vấn-đề tiền-tệ vậy. Thế-giới vừa rồi mới kinh-qua một sự biến thật cổ-lai chưa từng thấy bao giờ, sự biến ấy có ảnh-hưởng đến kinh-tế-giới rất sâu-xa, khiến cho cái tình-hình kinh-tế của các nước sau khi chiến-tranh đối với trước khi chiến-tranh thực đã đổi khác hẳn. Tiền-tệ của các nước cũng nhân đó đổi cái giá-trị cũ đi nhiều, chỗ thì đột cao lên, chỗ thì vụt thấp xuống, gây ra trong thương-giới công-giới một sự khủng-hoảng to. Sau khi chiến-tranh thời trên chợ buôn tiền vạn-quốc đồng phật-lăng (*le franc*) của Đại-Pháp bị giảm-giá đi nhiều, mà đồng hoa-viên (*la piastre*) của Đông-Pháp ta thời lại được tăng-giá lên to; Đại-Pháp với Đông-Pháp cũng tức là một nước, mà tiền-tệ hai bên chênh nhau như vậy, thật là bất-tiện cho sự giao-thông, trở-ngại cho đường mậu-dịch. Nhân đó mới khởi ra cái vấn-đề tiền-tệ (*le problème monétaire*) ở Đông-Pháp, đã hai ba năm nay trên tự Chánh-phủ, dưới đến công-thương các giới, cùng các báo-quán, nghị-luận cũng đã nhiều mà chưa giải-quyết ra làm sao. Mới đây quan Toàn-quyền cho được quảng-tập ý-kiến của các giới đã họp tại Sài-gòn một hội-đồng gọi là « Đông-Pháp tiền-tệ ủy-viên hội » (*Commission monétaire indochinoise*) gồm các quan tài-chánh, quan chuyên-môn, cùng các đại-biểu của các hội-nghị và các nhà công-thương, để nghiên-cứu cho kỹ về cái vấn-đề tiền-tệ và bàn xét xem cái chế-độ tiền tệ ở Đông-Pháp có nên cải-cách không và cải-cách ra thế nào. Vậy thời việc tiền-tệ thật là việc quan-trọng hiện bây giờ, quốc-dân ta không thể không để ý mà cứu-xét cho kỹ vậy. Nhưng muốn cứu xét cho đến nơi đến chốn thời phi có cái học-thức riêng về tài-chính, về kinh-tế, không thể hiểu được. Trong nước ta bây giờ tuy những người buôn to bán lớn cũng nhiều mà những người có cái học-thức riêng ấy thật còn ít lắm. Cho nên cứ bình-tĩnh mà nói, có lẽ hiện nay ở nước ta chưa được mấy người là lý-hội được hết các mánh-mối phiền-phức trong cái vấn-đề tiền-tệ vậy. Việc là việc quan-hệ đến cuộc lý-tài cả nước, không có lẽ người mình mang-nhiên mà không hiểu được. Nay khảo trong sách kinh-tế, tóm-lược những điều cốt-yếu về tiền-tệ, dịch-thuật ra sau này, lại kể

(1) Bài này nên đọc tham-bác với bài « Khảo về tiền bạc » của ông NGUYỄN TẤT-TẾ đăng kỳ 33, trang 219-225, và bài « Khảo về ngân-hàng » của tôi đăng kỳ 28, trang 300-314.

qua ngành-khái cái vấn-đề tiền-tệ ở Đông-Pháp ta thế nào, tưởng cũng có thể giúp cho những người chưa có cái học chuyên- môn lý-hội được những sự nghị-luận về tiền-tệ của các hội-nghị, các báo-quán đương bây giờ vậy. Đó là mục-đích bài khảo-cứu sơ-lược này.

1. — Khái-luận về tiền-tệ

Đời xưa chưa có tiền-tệ thời sự giao-dịch tức là đem vật nọ trao đổi lấy vật kia, như đem thóc đổi lấy thịt, đem chè đổi lấy quần-áo, v. v.; thế gọi là « vật-vật giao-hoán » (*troc en nature ou échange direct*); cách ấy thật là không tiện lắm, và không hợp với những xã-hội trình-độ đã cao-cao một chút.

Theo cách vật-vật giao-hoán thời người nào cần-dùng đến vật gì tất phải tìm được người khác có sẵn vật ấy mà đổi lại cho mình, người khác ấy cũng lại phải cần - dùng đến cái vật người kia có sẵn mà muốn đổi đi vậy

Như tôi cần dùng đến cái áo mà trong nhà tôi có thú g thóc. Muốn đem thóc nọ đổi lấy áo kia, thời phải tìm thế nào được một người có thừa áo mà lại thiếu thóc, muốn đem áo mà đổi lấy thóc; thật là phiền.

Cách vật-vật giao-hoán lại còn một sự bất-tiện nữa, là đồ vật không phải bao giờ giá-trị cũng ngang nhau và không phải bao giờ cũng có thể chia đều ra được.

Như tôi có cái áo đáng giá là năm thúng thóc mà tôi chỉ cần-dùng đến một thúng thóc mà thôi; nhưng áo ấy tôi không thể cắt ra làm năm để đổi cho vừa một thúng thóc, thế-tất phải đổi lấy cả năm thúng, quá sự cần-dùng vậy.

Sau nữa, lại còn một sự bất-tiện là đổi vật nọ lấy vật kia thời chỉ so sánh hai vật với nhau được mà thôi, không thể đối-giá cả các vật trong một lúc được.

Như tôi có một con trâu đáng giá là mười thúng thóc, nhưng con trâu ấy đáng giá mấy cái áo hay đáng giá mấy thúng chè thời không biết được.

Bởi cách vật-vật giao-hoán có nhiều sự bất-tiện và phiền-nhiễu như thế nên mới chế ra tiền-tệ (*la monnaie*).

Người ta đã giải nghĩa tiền-tệ là một cái hóa-vật mọi người đều công-nhận để dùng làm môi-giới cho sự giao-dịch và làm cái tỉ-lệ chung cho vật-giá.

Cái chức-vụ thứ nhất của tiền-tệ là để làm môi-giới cho sự giao-dịch. Như tôi có một cái áo mà tôi cần-dùng đến thóc, thời tôi không có đem áo mà đổi thẳng lấy thóc, tôi đem áo đổi lấy tiền, rồi đem tiền ấy đổi lấy thóc vậy.

Như vậy thời trong sự giao-dịch có hai việc: một là bán, hai là mua.

Mới xét ra thời tưởng thế lại phiền hơn trước, vì trước chỉ có một việc đem vật nọ mà đổi lấy vật kia, nay thành ra hai việc: trước phải bán đi, rồi sau mới mua về. Nhưng xét bề ngoài thời như thế, mà kỳ-thực sự giao-dịch có giản-dị hơn trước nhiều. Vì tôi có một cái áo, bây giờ tôi chỉ phải tìm người nào thuận mua cái áo ấy mà thôi; có người mua rồi thời đã sẵn tiền trong tay, tôi tùy-ý muốn mua đồ vật gì cũng được, vì tiền-tệ là một cái hóa-vật muốn trao đổi với vật gì khác cũng được cả.

Cái chức-vụ thứ nhì của tiền-tệ là dùng làm tỉ-lệ chung cho vật-giá. Muốn so-sánh giá-trị của nhiều vật đối với nhau thế nào, thời không cần phải cứ lấy hai cái một mà so-sánh như trước nữa, nay chỉ định cái số tiền mỗi vật đáng bao nhiêu là biết hơn kém thế nào vậy. Nếu hai vật số tiền mua cùng ngang nhau thời hai vật ấy giá-trị bằng nhau; nếu một vật nhiều tiền hơn vật kia là vật ấy giá cao hơn.

Như vậy thời tiền-tệ đối với vật-giá chức-vụ cũng giống như là thước đo đối với sự ngắn dài, cân lượng đối với sự nặng nhẹ vậy. Có điều khác, là thước đo là một cái tỉ-lệ hoàn-toàn và nhất-định không có thay đổi, chớ tiền-tệ là một cái tỉ-lệ có thay đổi, khi hơn khi kém, như các hóa-vật khác vậy.

Tiền-tệ cho được hoàn-toàn thời phải hợp những tính-cách như sau này :

1° Phải mọi người đều công-nhận làm cái cơ-quan cho sự giao-dịch vừa ở trong địa-hạt một nước vừa ở ngoài nước đối với các nước khác ;

2° Phải thể-tích nhỏ mà giá-trị to, để chuyển-dịch chỗ này sang chỗ khác cho dễ ;

3° Phải thể-chất hợp-nhất, khiến cho một đồng tiền cân-lượng bao nhiêu giá-trị bao giờ cũng bấy nhiêu, không có thay đổi ;

4° Phải có thể chia đều được, để muốn mua gì cũng được ;

5° Phải có cái thời-hạn vô-cùng, lưu-tồn được mãi, không hư-tổn, không mất giá ;

6° Phải có một cái giá-trị nhất-định.

Nay cái chất dùng để làm tiền-tệ thời phải chọn chất gì ? Xét lịch-sử thời không phải đời nào cũng dùng một chất vậy Những dân-tộc mọi-rợ đời cổ xưa thời dùng những con trai, cái hến, rồi đến những vòng-hoãn, đồ nữ-trang làm tiền-tệ. Các dân du-mục thời dùng các thóc lúa cùng các giống vật chăn nuôi như trâu, bò, dê làm mực-thước cho sự giao-dịch.

Đến những dân-tộc đã văn-minh thời đều dùng các loài kim qui làm tiền-tệ, như vàng, bạc, đồng. Mấy chất ấy thật là gồm được cả các tư-cách của tiền-tệ như trên kia đã kể, thứ nhất là thể-chất hợp-nhất, khiến cho một kí-lô vàng nọ với một kí-lô vàng kia bao giờ giá cũng bằng nhau, dù sản-xuất ở đâu hay ngoại-dạng thế nào mặc dầu. Xét như thế thời chất kim-cương tuy thể-tích rất nhỏ mà giá-trị rất to, hợp với điều thứ hai trên kia thật, nhưng không dùng làm tiền-tệ được, vì lắm khi cân-lượng chênh nhau có một tí mà giá-trị khác nhau nhiều lắm, vả lại cái giá một hòn kim-cương phần nhiều là ở cách rũa các mặt khéo hay vụng và ở sự sáng ít hay nhiều vậy.

Nay dùng các loài kim qui như vàng bạc để làm cái cơ-quan cho sự giao-dịch, làm cái tỉ-lệ cho các vật-giá, thời thật là hợp với các điều-kiện trên kia, duy có một điều sau cùng về giá-trị nhất-định thời chưa được đúng, là bởi các lý-do như sau này.

Tiền-tệ chẳng qua là một thứ hóa-vật, một cái đồ-hàng, người ta mặt-ước với nhau chọn riêng ra để làm môi-giới cho sự giao-dịch. Vẫn biết rằng trong tiếng nói thường thời đồ-hàng với tiền-tệ hai tiếng nghĩa trái nhau ; nhưng về kinh-tế-học thời phàm cái gì trao-đổi được là đồ hàng, là hóa-vật (*une marchandise*) cả ; vậy nói tiền-tệ là một thứ đồ-hàng là nói theo nghĩa ấy. Nhưng đồ-hàng này không giống các đồ hàng khác, như quần áo, thóc lúa, thịt rau, là những đồ trực-tiếp dùng ngay được cho người ta, để thỏa-mãn một sự nhu-yếu của người ta. Tiền-tệ thời không thế ; tự nó, nó không được việc gì cho người đời cả ; nó chỉ có ích-lợi cho người ta là vì nhờ nó mà người ta mua được cả các đồ-vật khác cần-dùng để mà sinh-tồn ở đời. Thành ra nếu bây giờ thế-giới không dùng các loài kim qui để làm tiền-tệ nữa, thời cũng vẫn còn dùng để làm những đồ tư-trang, những bát đĩa, ấm chén, cùng các đồ thực-khí, nhưng mà đến khi ấy thì vàng bạc chắc còn thừa nhiều không dùng đến, giá-trị chắc sẽ kém sút đi nhiều vậy.

Tiền-tệ đã là một hóa-vật thời tất cũng theo lệ thường của các hóa-vật, lệ thường ấy như sau này :

1º Tiền-tệ tự nó vẫn có giá-trị như các hóa-vật khác; muốn được tiền thời phải đem một cái đồ hàng khác mà trao-đổi lấy;

2º Giá-trị nó không có nhất-định; cũng như giá-trị các hóa-vật khác, tùy phép cung cầu (*loi de l'offre et de la demande*) mà thay đổi.

Tiền-tệ thay đổi giá-trị vừa trong không-gian (*l'espace*), vừa trong thời-gian (*le temps*).

Trong không-gian thời cùng một món tiền mà xứ nọ sang xứ kia giá-trị không bằng nhau; ở những nơi có mỏ nhiều, có lắm các loài kim quĩ, như ở Mĩ-châu, thời cái giá-trị của tiền-tệ thường sút, cái sức mua bán của tiền-tệ thường kém; trái lại, ở những xứ nào vàng bạc hiếm có thời cái giá-trị của tiền-tệ lại cao hơn.

Trong thời-gian thời cứ đem sánh cái giá-trị của tiền-tệ về hai thời-đại khác nhau, hay là về thế-kỷ trước với thế-kỷ sau, hay là cùng trong một thế-kỷ mà cách nhau mười-lăm hai-mươi năm, tất thấy càng gần về đời ta giá-trị của tiền-tệ lại càng hạ mãi xuống, vì càng về cận-đại người ta lại càng phát-minh ra được nhiều những mỏ vàng mỏ bạc mới vậy.

Sự thay đổi trong giá-trị của tiền-tệ như trên vừa nói đó tức là cái khuyết-điểm to nhất của tiền-tệ làm bằng loài kim vậy. Vì bởi thời-giá bất-nhất như thế nên tiền-tệ không thể dùng làm cái tỉ-lệ hoàn-toàn cho các vật-giá trong không-gian thời-gian được, như thước đo là cái tỉ-lệ nhất-định cho sự ngắn dài, cân lượng là cái tỉ-lệ nhất-định cho sự nặng-nhẹ vậy.

Thí-dụ như cùng một cái đồ hàng gì mà ngày nay mua đắt gấp đôi hơn một trăm năm trước, thời không nên thấy thế mà vội tưởng rằng cái thực-giá của đồ hàng ấy trong khoảng một trăm năm quả đã tăng lên gấp đôi đâu; nếu ngày nay đồ hàng ấy phải mất nhiều bạc hơn ngày xưa mới mua được, thời có lẽ chỉ là bởi cái giá-trị của bạc trong khoảng ấy đã hạ kém trước vậy.

Cùng một thời-đại mà xứ nọ sang xứ kia khác nhau, cũng là bởi một lẽ đó. Thí-dụ như ở Mĩ-châu, những đồ vật thường dùng hằng ngày bán đắt hơn cái giá thường ở Âu-châu nhiều lắm, không phải rằng cái thực-giá của những vật ấy ở Mĩ-châu có cao hơn gì ở Âu-châu đâu, nhưng chỉ là bởi cái giá-trị tiền-tệ ở Mĩ-châu hạ kém ở Âu-châu vậy.

Nay có thể làm thế nào mà chữa lại được sự bất-nhất ấy không? Có cách nào đặt cho các vật-giá một cái tỉ-lệ cũng chắc-chắn, cũng nhất-định như cái thước đo cho sự dài ngắn không? Cái đó xét ra không thể nào làm được, vì rằng muốn đo lường các hóa-vật, thế-tất phải dùng một cái hóa-vật làm tỉ-lệ, mà phàm đã gọi là hóa-vật, là đồ hàng, thời tất phải theo cái « luật cung cầu », nghĩa là tùy khi người bán ít người mua nhiều, hay là người mua ít người bán nhiều, mà thời-giá có cao có hạ khác nhau vậy.

Cứ xét về phương-diện ấy thời vàng bạc sánh với các hóa-vật khác còn có điều tiện-lợi hơn, vì giá-trị của vàng-bạc tuy có thay-đổi mà không có thay-đổi mau như các hóa-vật khác, thí-dụ như thóc-lúa vậy. Vả lại vàng-bạc hư-mòn cũng chậm, nên càng ngày càng tích-lũy nhiều mãi lên, cái số sản-xuất mỗi năm sánh với số tích-lũy ấy không thấm vào đâu vậy.

Coi như thế thời tiền-tệ tuy cũng là một thứ hóa-vật như các đồ hàng khác, nhưng là cái hóa-vật tiện-lợi hơn cả. Thậm-chí đã có một hồi người ta coi tiền-tệ là cái của quí nhất trong một nước, nước nào cũng nên thu lấy tiền-bạc cho thật nhiều, khánh cả các tài-sản khác để mà tích lấy tiền cho nhiều. Trong lịch-sử kinh-tế-học thời những người giữ cái chủ-nghĩa ấy gọi là « phái tích-trữ » (*école mercantile*); phái ấy xuất-hiện ở Italie về thế-kỷ thứ 16,

và thịnh-hành trong suốt thế-kỷ thứ 17, cho mãi đến thế-kỷ thứ 18 vậy. Nhưng lâu nay người ta đã chứng-minh rằng cái chủ-nghĩa ấy không hợp với phép kinh-tế. Vì rằng tiền-tệ đã là một thứ hóa-vật và cũng có giá như các hóa-vật khác, thời trong một nước chỉ nên có đủ số tiền-bạc cần cho sự mậu-dịch và sự lưu - thông các tài - hóa trong nước mà thôi, không nên tích - trữ nhiều quá làm gì. Nếu đã đủ rồi mà còn tích-trữ thời thật là vô-ích quá, vì cái tiền bỏ đó là tiền không dùng được việc gì, thà rằng tích-trữ những đồ vật thiết-dụng cho dân, những vật-liệu cùng máy-móc để giúp cho sự chế-tạo còn hơn.

Song xét cho kỹ thời trong cái chủ-nghĩa tích-trữ cũng có một phần lẽ phải ở đó, nhưng phải xét cái chức-vụ của tiền-tệ về phương-diện riêng từng người, chớ không xét về phương-diện chung xã-hội được. Xét về phương-diện riêng từng người thời chắc tiền-tệ là một cái hóa-vật cao-quí hơn các hóa-vật khác thật, vì nó có sức mua được cả các đồ-vật, trả được cả các nợ-nần vậy (*pouvoir d'acquisition et de libération*).

Tiền-tệ là một vật cần-dùng cho khắp mọi người, nên người nào cũng công-nhận, thành ra ai đã có cái đồ hàng ấy ở trong tay thời muốn trao đổi lấy vật gì mình cần-dùng cũng được; chắc được tiện-lợi hơn là người trong tay chỉ có một thứ đồ-hàng riêng, chỉ dùng được một việc riêng, như quần áo, thóc lúa, thịt rau, vì người sau ấy muốn đổi lấy tiền phải gặp được người nào cần đến đồ-hàng mình mà muốn mua cho mình mới được.

Lại người có nợ thời đã có tiền trong tay nợ gì cũng trả được; vì chỉ có một cái đồ-hàng gì mà thôi thời dẫu muốn gán cho chủ nợ vị-tất chủ nợ đã chịu nhận. Vì thế nên có khi một người buôn-bán trong cửa hàng còn đầy những đồ-hàng mà bị tuyên-bố phá-sản, là bởi những đồ-hàng ấy không kịp bán được đủ tiền để trả nợ cho trái-chủ.

Bởi các lẽ đó nên tiền-tệ tuy cũng là một thứ đồ-hàng mà người đời quí chuộng hơn các đồ-hàng khác, coi là cái của báu đệ-nhất ở đời vậy.

Tiền-tệ lại còn là một cái đồ-hàng lưu-thông mạnh hơn nhất, vì phàm các đồ-hàng khác muốn giao-dịch tất phải cần đến tiền-tệ mới được. Nhưng tiền-tệ đều bằng vàng bạc cả, vàng bạc dẫu thể-tích nhỏ mà giá-trị to hơn phần nhiều các loài kim khác thật, song khi nào cần phải chuyển-vận những món to, thời cũng không khỏi nặng-nề phiền-nhiễu vậy. Bởi thế nên mới chế ra bạc-giấy (*papier-monnaie*) và « ngân-phiếu nhà băng » (*billet de banque*) để cho tiện việc tiền-tệ lưu-thông. Đây không bàn về « ngân-phiếu nhà băng », chỉ nói qua về bạc-giấy như sau này. (1)

Bạc-giấy là gì ? Bạc-giấy là một cái phiếu do một Quốc-gia phát-hành ra, đảm-đương lấy, để dùng làm môi-giới cho sự giao-dịch, và cũng có quyền mua quyền trả giống như tiền-tệ bằng vàng bằng bạc vậy.

Bạc-giấy có những đặc-tính như sau này :

1° Do Nhà-nước phát-hành và kỳ-nhận ;

2° Theo pháp-luật được lưu-hành (*cours légal*), nghĩa là cũng có quyền trả nợ như bạc đồng ;

3° Nhà-nước có quyền bắt « cưỡng-hành » (*cours forcé*), nghĩa là người mang bạc-giấy ấy không thể đem đến kho-bạc công đòi đổi lấy bạc đồng được. Bởi thế nên người ta thường gọi bạc-giấy là cái « phiếu không đổi được » (*billet inconvertible*), trái với giấy-bạc nhà băng bao giờ cũng có thể đổi ra bạc đồng được (trừ một vài

(1) Muốn xét về « ngân-phiếu nhà băng » thời xin đọc lại bài « Khảo về ngân-hàng » đã đăng trong N. P. số 28 trang 300-314, nhất là trang 306-311.

trường-hợp riêng không kể). Giấy-bạc nhà băng cũng là một thứ tiền bằng giấy, vì theo pháp-luật được lưu-hành, nhưng không giống với « bạc-giấy » của Nhà-nước vì không phải « cưỡng-hành ».

Nay bạc-giấy có thể thay-vì được bạc đồng không ? Cái giá-trị của tiền-tệ phần nhiều là do một cái ước-lệ chung của xã-hội khiến cho ai ai cũng đồng lòng mà công-nhận để cho việc giao-dịch tài-hóa được tiện-lợi, như vậy thời Nhà-nước là gồm cả các quyền trong nước sao lại không có quyền đặt ra một thứ phiếu riêng tự đảm-đang lấy, phát-hành cho thiên-hạ tiêu-dùng cũng như bạc thật ? Có người quyết rằng cách làm như thế có nhiều sự tiện-lợi lắm.

Trước hết Nhà-nước bằng được cái lợi nhỡn-tiền ngay : như hiện nay ở nước Pháp cái số bạc lưu-thông ở trong toàn-quốc ước là 8 ngàn triệu quan (*8 milliards*), số ấy chỉ dùng cho việc giao-dịch mà thôi, không sinh-lợi được gì nữa. Nếu rút cái số tiền thật ấy về, lấy bạc giấy cho lưu-thông thay, mà đem tiền thật đặt lãi ở ngoại-quốc, thời cứ 8 ngàn triệu ấy mỗi năm lợi-tức biết bao nhiêu ?

Có người lại nói rằng dùng bạc giấy thời vật-giá được điều-hòa hơn là dùng bạc thật, vì bạc-giấy không còn sợ nhân sản-số vàng-bạc khi nhiều khi ít mà thời-giá tiền-tệ khi thấp khi cao, chênh-lệch nhau vậy. Nhà-nước cứ việc định lấy số bạc-giấy nên phát ra bao nhiêu, cho lưu-hành bao nhiêu, tùy sự cần-dùng trong thương-giới và theo những qui-tắc đã nhất-định.

Mới nghe như thế thời tưởng dùng bạc-giấy thay bạc thật không còn gì hay và lợi bằng. Nhưng xét kỹ ra thời có nhiều điều bất-tiện lắm.

Điều thứ nhất là bạc-giấy chỉ dùng được cho sự giao-dịch trong địa-hạt một nước mà thôi, không thể dùng để giao-dịch với ngoại-quốc được.

Điều thứ nhì là sợ Quốc-gia không biết khéo hạn-chế sự phát-hành bạc-giấy cho vừa với sự cần-dùng trong nước mà lại lạm-dụng cái kế ấy để kiếm tiền thêm.

Như vậy thời bạc-giấy chắc mỗi ngày một giảm-giá mãi đi, lại thêm chỉ tiêu-dùng được ở địa-hạt trong nước mà thôi, không mong có giao-dịch với ngoại-quốc mà có ngày nhờ thời-giá sẽ tăng-tiến lên được. Đến bấy giờ thời chính Nhà-nước cũng không thể can-thiệp vào mà rút bớt cái số giấy thừa ấy về được, vì rút về bao nhiêu là thiệt hại cho mình bấy nhiêu.

Bấy giờ sẽ xảy ra cái hiện-tượng như sau này : trong thị-trường thời vàng bạc càng ngày càng cao giá mãi lên ; các hàng-hóa cùng đồ vật càng ngày càng đắt tới gấp đôi gấp ba, và vật gì cũng thành ra có hai giá, một giá hạ cho tiền thật, một giá rất cao cho tiền giấy.

Bởi những sự nguy-hiểm như thế nên có nhà kinh-tế-học đã nói rằng sự chế-tạo ra bạc-giấy hại cho xã-hội nhiều hơn là giặc-giã chiến-tranh vậy.

Bởi thế nên các chánh-phủ chỉ khi nào cùng bất-đắc-dĩ mới phải dùng đến cái kế ấy, đại-khái như gặp những cơ-hội đặc-biệt như sau này :

1° Khi tài-chính ủng-tắc, không mong đặt thuế mới hay là mở công-thải mà đủ cho sự kinh-phí trong nước được ;

2° Khi Nhà-nước có nợ ngoại-quốc nhiều ; tiền bạc thật đem trả ra ngoài mất, không còn đủ cho sự giao-dịch trong nước, phải lấy bạc-giấy mà thế vào.

Hiện nay nhiều nước vẫn phải dùng đến kế ấy, như nước Espagne, Italie, Portugal, Grèce, Serbie và nhiều nước cộng-hòa ở Mĩ-châu.

Cái giá-trị của bạc-giấy chỉ là ở sự hi-vọng rằng có một ngày tài-chính trong nước sẽ khôi-phục lại thời có thể đem giấy ra đổi lấy tiền thật được. Còn bạc giấy mà đã mất giá đi thời Nhà-nước cũng không thể lấy oai-quyền mà giữ cho được. Xem như nước Pháp về đời Cách-mệnh cũng có đặt ra những thứ bạc-giấy cưỡng-hành như thế gọi là « ngân-trát » (*assignats*), tuy định hình-phạt rất nặng để giữ cho giá khỏi suy-sút, mà cũng không giữ được, các ngân-trát kết-cục đến không có giá-trị gì nữa, thời đủ biết vậy.

2. — Nói về tiền-tệ chế-độ

Tiền-tệ chế-độ (*système monétaire*) là gồm những qui-điều luật-lệ đặt ra để định hình-thức cho các tiền-tệ, định cách chế-tạo và cách lưu-hành thế nào. Các nước văn-minh mỗi nước có một cái tiền-tệ-chế-độ riêng. Nay ta xét qua những tính-cách chung của các chế-độ ấy như sau này.

Phàm tiền-tệ do Nhà-nước phát-hành hay là Nhà-nước đã công-nhận phải biên rõ cái « suất-số » ra. Suất-số (*titre*) là cái số vàng bạc thật ở trong đồng tiền, đối với cái trọng-lượng cả đồng tiền.

Như trong tiền-tệ-chế-độ của nước Pháp thời suất-số các đồng tiền vàng tiền bạc là 900 phần nghìn (900/1000), nghĩa là mỗi đồng nặng 1000 phần thời có 900 phần vàng hay bạc lõi và chỉ có 100 phần đồng vậy.

Nhà-nước có cái đặc-quyền (*tolérance*) được phát-hành những tiền suất-số hơi kém cái suất-số công một chút, vì rằng khi chế-tạo phải pha mấy loài kim cho chất tiền được tốt, không thể nào pha cho thật đúng số được. Ở nước Pháp thời cái đặc-quyền làm kém một chút ấy được tới 2 phần nghìn (2/1000), nghĩa là một đồng tiền vàng chỉ có 898 phần vàng lõi mà thôi cũng được phép công-nhận vậy.

Trong chế-độ tiền-tệ nào cũng chia ra hai hạng tiền : một là tiền chủ, hai là tiền phụ.

Tiền chủ hay là tiền bản-vị (*étalon monétaire*) tức là thứ tiền chính trong nước, được theo pháp-luật lưu-hành vô-hạn (*cours légal illimité*), nghĩa là người có nợ được dùng tiền ấy trả người chủ nợ đến bao nhiêu người chủ nợ cũng phải lấy.

Ở nước Pháp thời tiền chủ là đồng tiền 5 quan bằng bạc và tất cả các tiền vàng.

Tiền phụ (*monnaies d'appoint*) là hạng tiền chỉ dùng được có hạn mà thôi, để chi-tiêu hoặc trả những món nhỏ-nhỏ ; nhất-danh là tiền ước-định (*monnaies conventionnelles*), vì thường-thường chế kém suất-số công, chỉ có cái giá-trị đã tiêu ra trên đồng tiền đo, người trong nước công-nhận với nhau mà thôi.

Như ở nước Pháp thời các thứ tiền đồng $0^{fr}10$, $0^{fr}05$, các thứ tiền bạc $0^{fr}20$, $0^{fr}50$, 1 quan, và 2 quan, đều là tiền phụ hay là tiền ước-định. Những đồng $0^{fr}10$, $0^{fr}20$, thực-giá chỉ bằng một phần ba công-giá mà thôi, chế ra thế để cho mang khỏi nặng. Những đồng tiền bạc $0^{fr}20$, $0^{fr}50$, 1 quan, và 2 quan, mới phát-hành tự năm 1865, suất-số là 835/1000 ; sau này sẽ nói nhân cơ-hội thế nào và vì mục-đích gì mà phát-hành ra thứ tiền đó.

Ngoài mấy hạng tiền phụ trên kia, nước Pháp lại còn có một thứ tiền bằng « kền » (*nickel*) giá 0f.25, suất-số 980/1000, nặng 7 « gam » (*grammes*), do luật tài-chính ngày 31 tháng 3 năm 1903 cho phép Chính-phủ phát-hành.

Người chủ nợ có quyền không nhận những tiền đồng, tiền « kền » ngoài hạn 5 quan, và các tiền bạc con ngoài hạn 50 quan (luật ngày 6 tháng 5 năm 1852 và luật ngày 14 tháng 7 năm 1866). Nhưng các công-khố Nhà-nước

thời tiền bạc con bao nhiêu cũng phải nhận không được từ chối (điều thứ 5 luật năm 1866).

Cái chức-vụ của Nhà-nước về việc tiền-tệ to lớn lắm. Đại-khái gồm lại ba khoản như sau này :

1° Nhà nước định hình-thức, trọng-lượng, thể-tích và suất-số của các hạng tiền ;

2° Nhà nước phải đảm-đương mà in dấu-hiệu vào mỗi đồng tiền, nghĩa là đối với công-chúng nhận rằng mỗi đồng có đủ cái số vàng hay bạc đã tiêu-đề ra đó ;

3° Nhà nước cho tiền-tệ được chiếu luật lưu-hành, nghĩa là cho được quyền trả nợ (*pouvoir libératoire*), bắt người chủ nợ phải nhận cứ theo giá đã tiêu-đề ra đấy.

Hiện nay chế-độ tiền-tệ ở các nước chia ra làm chế-độ « tiền chủ đơn » (*monométallisme*) và chế-độ « tiền chủ kép » (*bimétallisme*).

Chế-độ « tiền chủ đơn » là cái chế-độ chỉ dùng một loài kim, hoặc vàng hoặc bạc, làm tiền chủ, được phép lưu-hành vô-hạn.

Chế-độ « tiền chủ kép » là cái chế-độ kiêm dùng cả hai loài kim, vàng và bạc, làm tiền chủ, được phép lưu-hành vô-hạn. Song cái giá buôn của hai loài kim không giống nhau, luật phải định một cái lệ đối-giá nhất-định. Như trong chế-độ nước Pháp thời cùng trọng-lượng bằng nhau vàng định-giá cao hơn bạc là 15 lần rưỡi.

Những nước theo « tiền chủ đơn bằng vàng » (*monométallistes-or*) là những nước này : Angleterre (Anh) tự năm 1816, Portugal (Bồ-đào) tự năm 1873 ; Danemark (Đan-mạch), Suède (Thụy-điển) và Norvège (Na-uy) tự năm 1875 ; Etats-Unis (Mĩ Hoa-kỳ), Roumanie (Lỗ-mã-ni), Autriche (Áo), Russie (Nga), Japon (Nhật), Pérou.

Những nước theo « tiền chủ đơn bằng bạc » (*monométallistes-argent*) là những nước này : Chine (Tàu), Maroc (Ma-lặc-kha), Tripolitaine, Abyssinie, Mexique (Mặc-tây-kha), Bolivie, Equateur.

Những nước theo « tiền-chủ kép » là : France (Pháp) Belgique (Tỉ), Italie (Í), Suisse (Thụy-sĩ), Grèce (Hi-lạp), Espagne (Tây-ban-nha). v. v.

Nước Đức thời thuộc một cái tình-trạng riêng : cứ lý-thuyết thời tự năm 1873 nước ấy là theo chế-độ tiền-chủ đơn bằng vàng, nhưng cứ thực-sự nước ấy vẫn giữ tiền chủ kép ; về sau sẽ nói tường.

Hai chế-độ tiền đơn và tiền kép phản-đối nhau đã lâu lắm, các nhà học-giả người giữ bên nọ, người theo bên kia, tranh-luận nhau kịch-liệt, tới nay vẫn chưa xong.

Các nhà ưng cái chế-độ tiền đơn thời viện những lẽ như sau này :

1° Dùng tiền chủ đơn mới là hợp lẽ, vì tiền chủ kép là căn-cứ ở cái đối-giá huyền hai loài vàng bạc với nhau, đối-giá ấy không đúng với sự thực. Thời-giá của vàng bạc trên thị-trường biến đổi luôn, khi cao khi hạ, hoặc mới tìm thấy mỏ vàng thời vàng nhiều hạ-giá mà bạc thành ra cao, hoặc mới tìm thấy mỏ bạc thời bạc nhiều hạ-giá mà vàng thành ra cao; giá ấy thế nào mà nhất-định được Như theo chế-độ tiền-tệ của nước. Pháp thời cái số đối-giá vàng với bạc là 15 1/2, mà hiện nay thời-giá cao tới 42. 96.

2° Như thế thời đặt ra tiền chủ kép thật là phiền. vì thời-giá của vàng bạc khi cao khi hạ, tiền-tệ trong nước dẫu giữ-gìn thế nào cũng không khỏi tùy thời-giá mà lên xuống, nhất là trong khi giao-dịch với nước ngoài, như vậy thời tiền-tệ chẳng thành ra bất-nhất ru? Bất-nhược theo tiền chủ đơn là tiện hơn cả.

Những nhà ưng cái chế-độ tiền kép viện những lẽ như sau này :

1° Hiện nay bạc đã giảm giá lắm rồi ; nếu các nước đều lấy một tiền vàng làm tiền chủ thời bao nhiêu tiền

bạc bây giờ phải đem hủy ra hết (*démonétisation*), giá bạc tất sút xuống quá độ. Nước nào làm như thế thời thiệt hại to, vì phải rút cả tiền bạc về mà đem tiền vàng thay vào, cái bạc rút về ấy chỉ đem bán làm bạc nén (*lingot*), bạc bấy giờ ứ ra các chợ, giá còn ra gì nữa ; cứ xem cái gương nước Đức lấy vàng thay bạc, hại bao nhiêu thời đủ biết.

2° Lại còn một sự không tiện nữa : là nếu nước nào cũng dùng vàng cả thời số vàng trong thế-giới không sao đủ cho sự lưu-thông; bấy giờ vàng kém mà nhiều người cần đến, giá chắc cao lên, sức mua hàng-hóa cũng mạnh gấp hơn trước, giá hàng sút kém đi, hại cho công-nghệ thương-nghiệp.

3° Còn nói rằng dùng tiền kép thời nhận thời-giá vàng bạc cao thấp khác nhau giá tiền tất thay-đổi mà không được đồng-nhất, thời dẫu dùng tiền đơn cũng không khỏi được sự thay-đổi ấy; có lẽ về phương-diện này tiền kép lại còn lợi hơn tiền đơn, vì hai thứ tiền cùng lưu-hành, theo luật GRESHAM chắc thứ nọ đuổi thứ kia, dẫu có chênh nhau rồi cũng chẳng bao lâu lại quân-bình vậy.

Luật GRESHAM (*loi de Gresham*) là gì và đối với chế-độ tiền kép thế nào ? Luật GRESHAM là một cái luật về kinh-tế-học của ông tể-tướng tên là GRESHAM về đời bà Nữ-hoàng ELISABETH nước Anh (1519-1579) xướng ra đầu nhất đã hơn ba trăm năm nay.

Luật ấy nói rằng : *phàm trong một nước có hai thứ tiền cùng thông-hành thời thứ tiền xấu tất đuổi thứ tiền tốt*. Nay muốn chứng-minh cái luật ấy thời ta lấy ngay nước Pháp là nước theo chế-độ tiền kép, ta giả-thiết bạc ở Pháp đương mất giá.

Những người nào có nợ phải trả ở trong nước thời tất là dùng cái tiền đã mất giá để mà trả hơn là cái tiền đương cao giá. Người ngoại-quốc có nợ với người Pháp cũng lấy tiền ấy để trả người Pháp, mà người Pháp không thể từ chối được, vì theo pháp-luật tiền bạc tiền vàng đều có quyền trả nợ được cả. Nhưng trái lại thời người Pháp có nợ với người ngoại-quốc phải lấy tiền tốt mà trả, vì chủ nợ là người ngoại-quốc chắc không chịu lấy tiền xấu vì không có pháp-luật nào bắt người ta phải lấy được. Như thế thời vàng sẽ bị bạc đuổi mà biến đi mất cả : người thì thấy vàng cao tích-trữ, kẻ thì đem ra làm đồ tư-trang, kẻ thì đem ra bán nén, kẻ thì trả ra ngoại-quốc, toàn là những nguyên-nhân làm cho vàng đình lại không lưu-thông vậy.

Cứ như vậy tất sẽ có một lúc bạc lại làm chủ trong thị-trường: tiêu dùng gì cũng bằng bạc cả, người ta cần đến bạc mỗi ngày một nhiều, bạc lại cao giá lên, mua hàng lại mạnh như trước, giá đồ hàng tất giảm bớt đi. Được ít lâu rồi vàng bạc lại quân-bình như thường vậy.

Nhưng đối với chế-độ tiền đơn thời không thể được : vì tiền chủ có một thời khi cao khi hạ chỉ phải chịu một mình, gặp lúc khủng-hoảng không lấy gì bổ-cứu được, phải đợi cho bao giờ mãn kỳ mới thôi.

Song những nước theo tiền chủ kép cũng có sự nguy-hiểm bởi những nước theo tiền chủ đơn ở chung-quanh mình. Sự nguy-hiểm ấy là ở lối buôn « đầu-cơ » (*spéculation*) [1], xét cơ-hội biết thứ tiền nào mất giá, lấy tiền cao giá buôn lấy, rồi lại bán lại để ăn lời.

---

[1] *Đầu-cơ* 投機 — Tiếng về lý-tài, nghĩa là nhà buôn xem xét cơ-hội mà xuất tiền ra buôn, để được nhiều lợi ; như dự liệu biết rằng vật nào sắp đắt, buôn trữ lấy để đợi cao giá bán, được lời to, nhưng cũng có khi xét lầm bị lỗ to cũng có. — SPÉCULATION ; SPÉCULATEUR.

Thí-dụ như hiện nay ở nước Pháp một ki lô vàng giá ngang bằng 42 ki-lô linh 96 bạc ; một nhà buôn kia mua một ki-lô vàng ở Pháp giá là 3100 quan gửi sang chợ vàng bạc bên Londres đổi lấy 42 ki-lô 96 bạc. Bạc ấy đem về Pháp chế ra tiền, cứ 1 ki-lô bạc thời chế ra 200 đồng tiền 1 quan, 42,96 × 200 = 8992 quan, thành ra được lãi 5892 quan Cách buôn « đầu-cơ » như thế thật là nguy-hiểm cho nước dùng tiền kép, vì nó làm cho cái tiền mất-giá mỗi ngày một nhiều mãi ra, tức là mỗi ngày một mất-giá mãi đi. Sau này xét về tiền-tệ-chế-độ nước Pháp sẽ nói cách Nhà-nước Pháp phòng-bị sự nguy-hiểm ấy thế nào.

Tiền-tệ-chế-độ của nước Pháp tổ-chức từ năm 1804 (luật ngày 7 *germinal an XI*). Theo luật ấy thời tiền bản-vị (*unité monétaire*) là đồng phật-lăng (*franc* = quan tiền tây), nặng là 5 « gam » (*grammes*) bạc, suất-số là 900/1000. Như vậy thời tiền chủ tức là tiền bằng bạc, nhưng không phải chỉ dùng một thứ bạc mà thôi : theo luật thời vàng và cả đồng nữa đều có thể tiêu dùng được vô-hạn.

Đối-giá vàng với bạc luật định là 15 1/2, nghĩa là một ki lô vàng giá bằng 15 lần rưỡi một ki-lô bạc. Đối-giá ấy là ám-chỉ trong luật theo cái ước-giá như sau này :

5 « gam » bạc đã định - giá là 1 quan (phật-lăng) thời một ki-lô bạc tất đáng giá 200 quan.

Nay 1 ki-lô vàng chế ra được 155 đồng tiền 20 quan, thời tất đáng giá là 3100 quan.

Như vậy thời cái tỉ-lệ 200 đối với 3.100 tức là tỉ-lệ 1 đối với 15 1/2 vậy.

Còn tiền đồng thời theo sắc-lệnh ngày 18 tháng 8 năm 1810 không được lưu-hành vô-hạn nữa và thành một thứ tiền phụ, không thể trả đi trả lại được ngoài hạn 5 quan.

Sự phát-hành tiền vàng và tiền bạc thời hồi bấy giờ được tự-do lắm.

Ấy đại-khái cơ-sở của chế-độ tiền-tệ nước Pháp đặt ra năm 1804 như vậy. Không được bao lâu, nhân thời-giá của vàng bạc thay-đổi mà cái cơ-sở ấy bị đảo-điên cả.

Năm 1847, có người phát-minh được mỏ vàng ở Cựu-Kim-sơn (Californie) ; năm 1851, lại tìm được mỏ vàng nữa ở Úc-châu (Tân-Kim-sơn) ; bấy giờ vàng xuất-hiện ra đầy các chợ ; giá vàng sụt mất 6 phần trăm (6/100), thành ra 5 quan tiền vàng thực chỉ đáng giá 4fr.70. Bạc bèn đắng giá lên ; bấy giờ mới thấy thực-nghiệm cái luật Gresham, « tiền xấu đuổi tiền tốt » ; ngoại-quốc trả mình thời trả bằng tiền xấu, mà mình trả ngoại-quốc phải trả bằng tiền tốt. Lại thêm hồi ấy bên Mĩ-châu đương Nam-Bắc-chiến-tranh (*Guerre de Sécession*), cái tình-trạng trên thị-trường lại càng nguy-cấp lắm ; vì trước kia nước Pháp vẫn mua bông sợi ở Mĩ-châu, hồi ấy phải mua của Ấn-độ, mà Ấn-độ thời theo cái chế-độ tiền đơn bằng bạc, nên trả tiền bông ở Ấn-độ thế-tất phải trả bằng tiền bạc. Kết-quả thời bạc ở Pháp mỗi ngày một hiếm đi ; những đồng bạc con 0fr.20, 0fr.50, 1 quan và 2 quan lậu-chi ra ngoài cả. Thậm-chí dùng để trả những món nho-nhỏ chỉ có tiền đồng vừa nặng-nề vừa không tiện.

Bấy giờ nước Pháp mới khởi-xướng lập một hội-nghị gồm mấy nước láng giềng đồng quyền-lợi với mình, là ba nước Belgique (Tỉ), Italie (Ý) và Suisse (Thụy-sĩ) để cùng nhau bàn-định đặt kế phòng-bị cho bạc con trong nước khỏi lậu-chi ra ngoài mất. Ngày 23 tháng 12 năm 1865 mấy nước cùng nhau ký một cái ước đồng-minh về tiền-tệ, gọi là « đồng-minh la-tinh » (*union latine*). Năm 1868, nước Grèce (Hi-lạp) cũng xin nhập-ước.

Điều cốt-yếu trong ước đồng-minh ấy là mấy nước cùng bằng lòng công-nhận theo cái chế-độ tiền-tệ của nước Pháp đặt năm 1804, dùng hai thứ tiền

chủ, một thứ bằng vàng, một thứ bằng bạc. Phàm tiền vàng tiền bạc đem nộp tại các công-khố của mấy nước có ký-ước ấy đều thâu-nhận cả.

Cho được phòng-bị các bạc con khỏi lậu-chi ra ngoài, thời định kế như sau này : hạ cái suất-số những bạc con ấy xuống 835 / 1000 (835 phần nghìn). Từ đó thời bạc con tiện-thị thành một thứ tiền ước-định (*monnaies conventionnelles*), công-giá tiêu-đề ra ngoài cao hơn thực-số chất bạc ở trong ; như vậy thời những « kẻ đầu-cơ » không có lợi gì mà buôn ra ngoài nữa. Các nước ký-ước lại cho Nhà - nước được chuyên - quyền phát-hành những bạc con ấy, sự phát-hành cứ chiếu dân-số mà hạn-định, tính theo mỗi người dân là 6 quan. Lại định những bạc con ấy chỉ được phép trao trả trong hạn 50 quan mà thôi.

Các kế-hoạch phòng-bị như vậy đã thành kết-quả tốt : các bạc con công-giá đã không đúng với thực-giá, thời người ngoài chẳng có lợi gì mà đến buôn, bạc không phải cái nguy-hiểm lậu-chi ra ngoài vậy.

Tự năm 1873, thời cái tình-trạng lại đổi ngược lại. Nhân mỏ bạc ở Mĩ-châu sản-xuất được nhiều hơn trước, lại nhân mấy nước, nhất là nước Đức, trước vẫn dùng tiền kép bấy giờ đổi theo tiền đơn vàng, thành ra số bạc lưu-thông nhiều hơn số vàng, bạc lại bị giảm-giá. Cái đối-giá của vàng với bạc không phải là 1 đối 15 1/2 nữa, mà tới 1 đối 42,96.

Các nước đồng-minh la-tinh vì đó mà bị cái nguy-hiểm « đầu-cơ » như trên kia đã nói : Một nhà buôn có thể mua ở nước Pháp 1 ki-lô vàng theo giá 3100 quan, đem sang Londres bán lấy 42 ki-lô 96 bạc, rồi mang bạc ấy về Pháp đúc ra tiền, cứ mỗi ki-lô 200 đồng, thành ra $42,96 \times 200 = 8.992$ quan. Tiện-thị được lãi là $8.992 - 3100 = 5.892$ quan.

Cho được tiệt cách buôn « đầu-cơ » như thế, đồng-minh la-tinh trước định hạn-chế sự đúc những tiền 5 quan bằng bạc; rồi đến năm 1874-1875 và 1878 thì định thôi hẳn không đúc nữa.

Vì thôi không đúc tiền chủ bằng bạc nữa, nên hiện nay cái tình-trạng nước Pháp và nước Đức về đường tiền-tệ thành ra không hẹn mà giống nhau. Trên kia đã nói rằng nước Đức năm 1870 và 1873 ban-hành luật bỏ tiền chủ kép để theo tiền chủ đơn bằng vàng. Chính-phủ Đức bèn rút cả các tiền bạc đương lưu-thông về để đem bán lại ra chợ vàng-hạc ; nhưng nhân bấy giờ giá bạc hạ, lại thêm nhất-đán nước Đức xuất ra một số bạc nhiều như thế, thành ra bán lỗ, hại cho công-khố Đức nhiều lắm ; năm 1879, Chính-phủ Đức định đình sự bán bạc ấy lại, còn bao nhiêu tiền bạc chưa rút về, bấy giờ ước tới 600 triệu, cứ để cho lưu-hành vô-hạn như cũ.

Thành ra cứ lý-thuyết thời nước Pháp là theo tiền chủ kép, nước Đức theo tiền chủ đơn bằng vàng, nhưng cứ thực-sự thời hai nước hiện nay vẫn có hai thứ tiền chủ, nhưng tiền chủ bạc thời thôi hẳn không phát-hành nữa, chỉ tiêu dùng cái số cũ còn lại mà thôi.

Đông-Pháp ta tuy là thuộc-địa của Đại-Pháp mà chế-độ tiền-tệ không giống chế-độ nước Pháp. Xứ ta tức là theo tiền chủ đơn bằng bạc. Bản-vị tiền của ta là đồng hoa-viên bạc, trọng-lượng 27 « gam », suất-số 900/1000. Đồng bạc được chiếu pháp-luật lưu-hành trong toàn-hạt Đông-Pháp, không có hạn-định. Đồng bạc đối với quan tiền nước Pháp tức là một thứ đồ hàng tùy thời-giá bạc nén trong thị-trường thế-giới mà khi cao khi thấp theo phép hối-đoái thường. Cứ bình-thường thời một đồng bạc ta đáng giá 2fr.50, 2fr.60, nhưng từ khi chiến-tranh đến giờ quan tiền tây sút giá đi nhiều mà giá bạc nén thời lại cao lên lắm, thành ra một đồng bạc

ta có khi ăn tới 15, 16 quan tiền Pháp, gần đây đã sút xuống 8 quan, nhưng mới rồi lại lên rồi. Bởi cái đối-giá đồng-bạc ta với quan tiền Pháp chênh nhau như thế, nên mới khởi ra cái vấn-đề tiền-tệ ở Đông-Pháp vậy.

Đồng-bạc là tiền chủ bản-vị, còn dưới đồng-bạc là tiền phụ cả. Tiền phụ bằng bạc thời có : tiền 1/2 đồng bạc, tức là đồng năm hào, nặng 13gam 50, suất-số cũng bằng đồng-bạc ; tiền 1/5 đồng bạc, tức là đồng hai hào, nặng 5gam40, và tiền 1/10 đồng bạc, tức là đồng 1 hào, nặng 2gam70, hai đồng ấy suất-số chỉ có 835/1000. Tiền phụ bằng đồng thời có đồng xu là 1/100 đồng bạc, nặng 10 gam, có 95 phần đồng, 4 phần thiếc, và 1 phần kẽm. Còn tiền kẽm và tiền đồng là tiền riêng của Triều-đình ta, chánh-phủ Bảo-hộ không có luật-lệ gì qui-định sự lưu-thông cả. (1)

3 — Vấn-đề tiền-tệ ở Đông-Pháp

Trên kia đã nói rằng hiện nay ở Đông-Pháp đương khởi ra cái vấn-đề tiền-tệ, trên từ Chính-phủ dưới đến công thương các giới và các báo-quán bàn-luận đã nhiều, phí đã nhiều giấy mực mà chưa thể giải-quyết được. Vấn-đề tiền-tệ quả là một Vấn-đề khó giải thật, và sau này dẫu Chánh-phủ giải-quyết ra phương-diện nào chắc cũng không thể nào bằng lòng được khắp mọi người, vì việc là việc quan-hệ đến lợi-quyền của nhiều hạng người lắm và lợi-quyền của hạng nọ thường phản-đối với lợi-quyền của hạng kia, làm thế nào điều-hòa cho ổn được. Đứng cái địa-vị của Chánh-phủ thật cũng khó xử lắm : được lòng bên này tất mất lòng bên nọ mà cái lợi chung trong nước tức là gồm những lợi riêng của mỗi người, làm thế nào cho lợi riêng không mâu-thuẫn thời lợi chung mới an-toàn. Không những ở Đông-Pháp này là vấn-đề tiền-tệ mới khó giải. Dẫu ở đâu cũng vậy : hễ gặp khi tài-chính khủng-hoảng tất bàn đến việc tiền-tệ, mà bàn-định không bao giờ được thập-phần thỏa-mãn. Là bởi việc tiền-tệ là việc rất phiền-phức, rất khó-khăn, mành-mối chằng-chịt, dẫu tay nhà nghề bạc đầu với con toán gỡ cho được cũng nhọc thay, huống chi là người thường. Một nhà báo ở Nam-kỳ có thuật lại mấy câu bình-phẩm của một vị qui-quan ở Đông-Pháp ta thật là người rất am-hiểu việc tài-chính bản-xứ, qui-quan nói rằng : « Vấn-đề tiền-tệ đối với kinh-tế-học, khác nào như môn siêu-hình-học (*métaphysique*) đối với triết-học vậy; thật là gian-nan, thật là hiểm-hóc, khó lòng mà hiểu được. Tôi thường nghe những tay lý-tài thượng-hạng ở Paris nói rằng hễ khi nào có một cái vấn-đề tiền-tệ nào xuất-hiện ra ở một hội những nhà chuyên-môn họp lại để bàn-định thời dẫu tay thật giỏi cũng không thể nói được hơn mười phút đồng-hồ mà không nói bậy, không thốt ra những câu dầu Ngô mình Sở vậy . . . » Coi đó thời biết việc tiền-tệ khó là dường nào.

Vậy đây không dám tự-phụ nghị-luận gì về vấn-đề tiền-tệ ở Đông-Pháp hiện bây giờ ; việc đó đã có các nhà chuyên-môn tưởng bàn-định cũng đủ nhọc trí vậy. Nay chỉ xin kỷ-thuật về vấn-đề ấy xuất-hiện ra thế nào và tóm-tắt những ý-kiến của các nhà tranh-luận đương bây giờ để giúp cho nhất-ban quốc-dân ta lĩnh-lược được qua những mành-mối lớn trong cái vấn-đề rất quan-trọng ấy, chỉ mong kỷ-thuật cho khỏi lầm, tóm-tắt cho khỏi sai, còn kết-luận phán-đoán, xin để những bậc cao-minh vậy.

Vấn-đề tiền-tệ ở Đông-Pháp không phải mới xuất-hiện ra bây giờ là lần đầu

(1) Về tiền các triều trước của nước ta, xem bài « Khảo về tiền bạc » của ông Nguyễn Tất-Tế, N. P. số 33, trang 224-225.

vậy. Có thể nói rằng ngay tự khi đặt ra đồng bạc Đông-Pháp thời vấn-đề ấy đã manh-nha ra rồi. Đông-Pháp là thuộc-địa của Đại-Pháp mà đồng bạc Đông-Pháp đối với đồng phật-lăng Đại-Pháp là đứng cái địa-vị độc-lập như đối với tiền-tệ ngoại-quốc vậy. Đồng bạc cứ theo cái thời-giá của bạc nén định tự các chợ Luân-đôn (Londres), Nữu-ước (New-York). mà khi lên khi xuống, khi hạ khi cao, nghiễm-nhiên không có quan-hệ gì với đồng phật-lăng cả. Có lẽ nào tiền-tệ của một thuộc-quốc đối với tiền-tệ của mẫu-quốc mà lại tuyệt-nhiên không có quan-hệ như thế được chăng? Lúc bình-thường, giá bạc không cao không hạ, trong các chợ buôn tiền không xảy ra sự gì bất-thường, thời cái tình-trạng ấy còn khả-dung được. Cho nên những khi đồng bạc đánh giá 2f.50, 2f.60, thời cứ lý-thuyết cái vấn-đề tiền-tệ vẫn có, mà cứ thực-sự không thấy phát-hiện ra rõ-ràng. Nhưng hốt-nhiên có một ngày trong thị-trường biến-động, các giá-ngạch đảo-điên, thời cái vấn-đề ngấm-ngầm kia mới ở đâu xuất-lộ ra một cách kịch-liệt, như một cái dấu hỏi to đánh trên giữa trường kinh-tế vậy. Cái dấu hỏi ấy mới thấy càng ngày càng to mãi ra từ khi bên Âu-châu xảy ra việc chiến-tranh kinh-thiên động-địa vừa rồi, việc chiến-tranh ấy rồi sau diên-man ra tới gần khắp các nước trong thế-giới. Chiến-tranh đã xong, cái di-hại cho việc kinh-tế mới lại càng kịch-liệt lắm. Bấy giờ mới thấy xuất-hiện ra cái tình-trạng lạ-lùng như sau này

Đồng phật-lăng đem sang các chợ Anh, Mỹ, Hòa lan (Hollande), Thụy-sĩ (Suisse), Tây-ban-nha (Espagne), thời mất giá đi tới 60, 65 phần trăm (60,65%). Đem sang Đông Pháp là thuộc-địa của Pháp thời không những không cao giá hơn được chút đào, mà lạ thay, lại giảm giá kém ở các nước [illegible] thành ra tiền của nước [illegible] bán cho nước ngoài còn đắt hơn là bán cho thuộc-địa mình. Trước khi chiến-tranh đồng bạc giá 2f.20, bây giờ giá 15, 16 quan, tức là năm 1914 thì một phật-lăng (một quan) bằng 45/100 đồng bạc, bây giờ chỉ bằng 6/100 mà thôi, giảm giá tới 85/100. — Cái tình-trạng như thế thời có lợi cho người nọ mà hại cho người kia; lợi cho chánh-phủ Đông-Pháp vì tiền thâu-nhập vào công-khố không tính theo thời-giá mà tính theo một cái giá ước-định là 2f.50, còn những khoản của chánh-phủ phải trả cho người riêng theo những khế-ước làm bằng quan từ trước, hồi giá bạc còn hạ, thời lại trả theo hiện-giá; lợi cho quan-lại Pháp ở Đông-Pháp, vì lương quan-lại định bằng quan, nhưng tính theo giá Nhà-nước là 2f.50, chớ không theo thời-giá, thành ra một viên quan-lại lương đồng-niên 7500 quan lĩnh ra thành bạc được 3000 đồng, ba nghìn đồng ấy tính theo thời-giá 15 quan thời được tới 45.000 quan; nhưng sự lợi đó tuy to thật mà không thấm vào đâu với cái hại cho việc buôn-bán giao-dịch Đông-Pháp với Đại-Pháp, hại ấy có thể ngăn-trở đường kinh-tế của Đông-Pháp ta sau này vậy. Vì đồng bạc mà cao quá, hay là cứ bấp-bông khi lên khi xuống, thời những nhà tư-bản bên Đại-Pháp không dám xuất vốn kinh-doanh công việc gì bên này nữa; những nhà buôn bên Đại-Pháp cũng không dám buôn đồ-hàng cùng sản-vật bên này, vì buôn phải trả bằng bạc mà về bán bằng quan thời lỗ quá: đồng-thời những nhà nông, công, thương trong xứ ta muốn tiêu-thụ đồ-hàng cùng sản-vật sang Đại-Pháp cũng không sao được nữa, con đường xuất-cảng sẽ bị trở-lắc vậy.

Nói tóm lại thời cái giá đồng bạc của ta hoặc cao quá, hoặc khi lên khi xuống thất-thường như bây giờ, thật là không lợi cho việc kinh-tế trong nước. Điều đó ai cũng đã công-nhận cả.

nhưng bàn đến những phương-kế nên dùng để bổ-cứu lại, thời ý-kiến rất là phân-vân, mỗi người hiến một sách, mỗi người bầy một phương, khó lòng mà phân-biện được phải trái vậy.

Đại-khái chia ra làm ba phái lớn, ý-kiến thật là khác nhau; tựu-trung còn nhiều phái nhỏ nữa, nhưng cũng tham-bác ba phái kia vậy. Một là phái muốn giữ như cũ; hai là phái muốn định-giá nhất-định cho đồng-bạc; ba là phái muốn đem cái chế-độ tiền-tệ của nước Pháp sang Đông-Pháp mà đặt đồng phật-lăng làm tiền bản-vị của ta; còn ngoại-giả cũng có nhiều người không muốn giữ như cũ mà cũng không muốn thay đổi hẳn, muốn tùy-thời châm-chước mà thôi. Nay ta tóm lại cái lý-luận của ba phái như sau này, cứ bình-tĩnh mà thuật, không dám hạ-bút phán-đoán vậy.

— Phái muốn giữ như cũ là phái những nhà chỉ có giao-dịch trong bản-xứ, hay là giao-dịch với các nước Á-đông, mà ít giao-dịch với Pháp, như những nhà đồn-điền cấy lúa trong Nam-kỳ, những nhà buôn xuất-cảng gạo, v. v. Đại-để thời phần nhiều các nhà công-thương ở Đông-Pháp và hết thảy các hội-nghị Nông-nghiệp Thương-nghiệp ở Bắc-kỳ và Nam-kỳ đều thuộc về phái này cả. Chu-nghĩa là cứ để cho đồng bạc theo thời-giá tự-nhiên như các hóa-vật khác, không nên thay đổi, mà cũng không cần phải hạn-chế gì. Đồng bạc bây-giờ cao là bởi những duyên-cớ đâu đâu, quan-hệ đến cuộc giao-dịch chung của cả thế-giới, không tự-ý riêng ai làm cho cao mà cũng không tự-ý riêng ai hạ cho thấp được, bất-nhược cứ để cho tùy cái khuynh-hướng tự-nhiên là hơn. Vả lại bạc càng cao thời càng lợi cho Đông-Pháp; còn đồng phật-lăng bị mất giá là bởi cái tình-trạng riêng bên Âu-châu, trách đồng bạc thời đồng bạc cũng vô-khả-nại vì đồng bạc dẫu hạ đi mà quan tiền tây cũng không vì đó cao lên được; đến như sự trở-ngại cho việc giao-dịch với Pháp, thời hiện nay sự giao-dịch ấy chưa lấy gì làm thịnh cho lắm, Chánh-phủ chỉ nên trù ra một khoản gọi là tiền thưởng xuất-cảng (*prime à l'exportation*) để giúp cho những người có sản-vật xuất-cảng là đủ vậy. Cái chủ-nghĩa ấy, ông Caussin là hội-viên « Nông-nghiệp hội-nghị » (*Chambre d'agriculture*) Nam-kỳ đã diễn-giải ra rất phân-minh ở một kỳ hội-đồng hội ấy. Ông nói rằng: « Đồng phật-lăng của Pháp bị mất giá, các thuộc-địa của Pháp đều phải hại lây, duy có Đông-Pháp ta là không, đồng-bạc của ta giá cứ cao mãi lên theo với giá đồng hoa-viên của Mĩ và đồng tiền vàng của Anh. Đông-Pháp ta được may như thế, tưởng rằng những người hữu-tâm với xứ này và chính mẫu-quốc nữa, cũng nên mừng thay cho ta mới là phải, vì tiền-tệ của mẫu-quốc suy-sút mà ta không đến nỗi bị hại lây, thế cũng là vớt-vát được phần ta, và dẫu ta có suy-sút theo mẫu-quốc thời cũng chẳng đỡ cho mẫu-quốc được tí gì. Nhưng mà không, có người lại lấy thế làm không bằng lòng, cho rằng đồng-bạc giá 15 quan cũng hại như là một quan giá 30 *centimes*. Chính những người khen tiền nước Anh nước Mĩ là lợi là tốt lại chê tiền Đông-Pháp là hại là xấu, thật là trái ngược lắm vậy.

« Chúng ta vẫn biết rằng các nhà trồng cao-xu, trồng cà-phê, trồng hồ-tiêu, lập dự-toán bằng quan, tiêu-thụ hàng bằng quan, mà trả công người làm ở đây bằng bạc, thời giá bạc cao có thiệt-hại to thật. Nhưng ta cũng phải biết rằng số những nhà trồng cao-xu, trồng cà-phê, trồng hồ-tiêu ấy sánh với số những nhà trồng thóc buôn gạo thời có là bao nhiêu, trăm phần không bằng một phần vậy.

« Tôi nói thế không phải là nói không nên chú-ý đến những nhà trồng hồ-tiêu, trồng cao-xu, trồng cà-phê đâu: không, ý tôi là muốn phải hết sức giúp cho những nhà ấy qua khỏi những bước khó-khăn

nhưng tôi không muốn đề vị riêng những nhà ấy là phần số ít mà thiệt-hại đến người khác là phần số nhiều.

« Tôi rất ưng cho Nhà-nước đặt ra những khoản « tiền thưởng xuất-cảng » to để giúp cho các nhà ấy mà không đến nỗi thiệt-hại cho đồng bạc của Đông-Pháp ta. Nhưng tôi tưởng không nên quên rằng cái vốn của các nhà ấy xuất ra để trồng cao-xu, trồng cà-phê, trồng hồ-tiêu ở đây bất-quá là một trăm triệu quan mà thôi, mà những ruộng thóc ở Nam-kỳ giá-trị tới mấy mươi ngàn triệu, mỗi năm sản-xuất gạo đem ra ngoài bán cũng tính từng ngàn triệu.

« Gạo ấy ta phải cố bán thế nào cho thật đắt, vì giá gạo càng đắt bao nhiêu ta càng thâu được nhiều bạc bấy nhiêu, và Đông-Pháp ta cũng được giàu thêm lên bấy nhiêu.

« Có người nói rằng đồng bạc bao giờ cũng là đồng bạc, nếu đồng bạc tính ra quan ít thời người sản gạo sẽ thu được bạc nhiều. Đã từng nghiệm lời đó không đúng, vì mới rồi đồng bạc đương 15 quan hạ xuống 8 quan, giá thóc cũng trước 8 p. 50 một tạ nay hạ xuống 6 p. 50.

« Vậy thời nếu ta cố-ý làm cho đồng bạc của ta giảm giá đi, ta chỉ làm lợi cho ngoại-quốc mà thôi, ngoại-quốc được mua gạo ta rẻ, ta đã thu được ít bạc mà cái sức mua của đồng bạc ta lại không được mạnh như trước nữa.

« Vả ngày nay không những một mình tôi, các nhà thực-nghiệp ở Đông-Pháp, kể cả những nhà trồng cà-phê, cao-xu, hồ-tiêu cùng những nhà khai mỏ, cũng đồng-ý như tôi, và không thấy ai yêu-cầu muốn định giá kém cho đồng bạc cả. Chỉ có mấy người ở tự bên Pháp mà muốn can-thiệp đến việc bên này là cố kêu-nài cho định giá đồng bạc xuống hai quan năm-mươi mà thôi. Trong bọn các người ấy, đứng đầu cả có ông quan Bernard là quản-lý công-ti tàu chạy sông Nam-kỳ (*Messageries fluviales*), công-ti ấy trước làm tờ giao-kèo với Nhà-nước bằng quan hồi giá bạc hạ, nay giá bạc cao lĩnh được ít bạc, nên ông không bằng lòng. Nhưng công-ti ông là một công-ti riêng, quyền-lợi dẫu trọng cũng không thể át được quyền-lợi cả xứ Đông-Pháp này vậy.

« Năm nay, ta có một cái dịp rất tốt để củng-cố cuộc tài-chính của ta và cải-lương lại cái chế-độ tiền-tệ cho hợp thời. Lúc này thật là cơ-hội nên thi-hành cái nghị-định năm trước của quan Phó Toàn-quyền Monguillot bắt ngoại-quốc mua gạo của ta phải trả một phần năm ($^1/_5$) bằng tiền vàng, nhưng nghị định ấy Chính-phủ đã đình lại rồi, và hiện nay không thấy đề-cập đến nữa.

« Chính-phủ đã không cho thi-hành cái nghị-định ấy, lại hạ lệnh bắt giấy bạc phải cưỡng-hành (*cours forcé*); một lần thứ nhất đã phát-hành 25 triệu bạc giấy, định sau này còn phát-hành nhiều lần nữa; rồi có một ngày kia « ngân-phiếu đình-ứ » (*inflation fiduciaire*), đồng bạc của ta rồi cũng mất giá chẳng kém gì đồng phật-lăng vậy....

« Ấy cái tình-trạng nguy-hiểm như thế. Nghĩa-vụ ta ở chốn hội-nghị này là phải cất tiếng lên mà cảnh-cáo cho ai nấy đều biết. Ta không yêu-cầu phải hạn-định giá đồng bạc là bao nhiêu, ta không xin định cho đồng bạc là 15 quan, hay là 10 quan; ta xin cứ để cho đồng bạc theo cái khuynh-hướng tự-nhiên của nó, mà đừng ai cản-trở vậy. Ta không muốn cho ai được tự-ý đặt một cái giá vô-bằng, vì làm thế là phạm vào luật-pháp kinh-tế một nước, làm thế tất có ngày tai-hại không thể tránh được... »

— Xét như trên, thời phái thứ nhất phản-đối sự hạn-định giá bạc (*stabilisation*). Phái thứ nhì lại lấy sự hạn-định ấy làm tôn-chỉ. Phái này muốn điều-hòa cả các quyền-lợi mà dùng

một cái thủ-đoạn triết-trung. Giá đồng-bạc đã bất-nhất, khi cao khi hạ, thời nay lấy một cái giá trung-bình, ấn-định từ giờ cứ theo như thế, không có bấp-bông nữa. Cái ý đó thời hay lắm, nhưng có thể thực-hành được không ? Không những bây giờ, đã lâu nay cái vấn-đề hạn-định giá-bạc đã nhiều người bàn lắm. Tự năm 1907, quan DÉTIEUX, hiện nay làm tổng-lý sở Tài-chánh Đông-Pháp ta, đã có soạn một quyển sách tường lắm, đề là « Vấn-đề tiền-tệ ở Đông-Pháp » (*La question monétaire en Indochine*), trong sách ấy ngài kết-luận rằng sự hạn-định giá bạc là một việc rất nên làm và có thể làm được. Sách ấy bây giờ đã hơi cũ rồi, nhưng gần đây, năm 1915, quan DÉTIEUX lại có đăng một bài chuyên-luận về vấn-đề ấy trong tập « Thực-nghiệp kỷ-yếu » (*Bulletin économique*), xét tường các phương-kế nên dùng để thực-hành sự hạn-định giá-bạc; xem ra các nhà chủ-trì cái thuyết hạn-định đại-ước cũng là đồng ý-kiến như quan DÉTIEUX, vậy xin tóm-lược các phương-kế ngài dự-bàn như sau này.

Muốn hạn-định giá bạc cho sự hối-đoái khỏi bấp-bông thời phải làm theo mấy điều như sau :

1° — Tổ-chức một kho trử (*réserve*) bằng tiền vàng ít ra là 25 triệu quan ;

2° — Điều-đình với nhà Ngân-hàng Đông-Pháp mà hạn-chế cái số giấy bạc lưu-thông ;

3° — Đình hẳn không đúc bạc đồng nữa, trừ đúc riêng cho Chánh-phủ Đông-Pháp thời không kể ;

4° — Đúc một đồng bạc mới nặng là 25 « gam », suất-số 835 1000 ;

5° — Định cái giá bình-chuẩn của đồng bạc theo giá vàng là 2 fr 50 ;

6° — Chánh-phủ Đông-Pháp tùy mà định bao giờ nên phát-hành đồng bạc mới, nhưng tất phải khi nào đã đúc được tới ít ra là 10 triệu đồng và khi nào cái giá bạc nén của đồng bạc cũ thấp kém cái công-giá đã hạn-định thời mới được;

7° — Đúc tiền mới được lợi bao nhiêu phải để vào kho trử ;

8° — Chánh-phủ Đông-Pháp nên đúc bạc cho vừa đủ dùng thôi, không nên làm nhiều, và những năm nào giá hối-đoái lợi thời nên chuyển đổi sang Pháp, nhưng chỉ khi nào giá hối-đoái là 2fr.52 1/4 và mỗi đồng bạc thu được đúng số 2fr.52 1/4 thời mới nên cho đem đổi ;

9° — Khi nào giá hối-đoái xuống 2fr.47 3/4 thời các trái-quyền của Chánh-phủ Đông-Pháp ở Pháp phải chuyển về bên này cả :

10° — Tiền kho trử thời chia ra hai phần, một phần có thể đem đặt lãi bên Pháp bằng vé công-thải kỳ-hạn ngắn, một phần thời phải để thường-chực luôn, hai phần ấy nhiều ít thế nào lâm-thời sẽ định.

Nói rút lại thời cái yếu-điểm trong vấn-đề hạn-định giá-bạc là cần phải tổ-chức một kho trử bằng tiền vàng, để phòng khi xuất-nhập-cảng không cân thời lấy tiền mà bù ; nếu sự giao-dịch với ngoại-quốc bình-thường thời không cần phải dùng đến, nhưng bao giờ cũng phải có sẵn. Theo ý quan DÉTIEUX thời kho trử ấy phải ít ra là 25 triệu quan ; có người nói cần phải 40 triệu. Nhưng ba bốn mươi triệu quan ấy sẽ lấy ở đâu ? Người thì bàn nên vay các nhà tư-bản bên Đại-Pháp, người thì nói Đông-Pháp đã có sẵn được một phần nhiều rồi ; ý-kiến còn phân-vân vậy.

— Nay xét cái chủ-nghĩa của phái thứ ba muốn lấy đồng phật-lăng làm tiền bản-vị cho Đông-Pháp. Chủ-nghĩa ấy mới xuất-hiện ra mấy tháng nay mà thôi. Ở Sài-gòn có chủ-bút báo *Opinion* xướng-suất nhiệt-thành lắm. Ở bên Pháp thời có mấy hội có thế-lực như « Đông-Pháp Công-Thương Ủy-hội » (*Comité du commerce et de l'Indoch*

và « Đại-Pháp thuộc-địa liên-hiệp-hội » (*Union coloniale française*) cũng khuynh-hướng về chủ-nghĩa ấy. Đại-khái nói rằng đồng bạc giá còn bất-nhất thời chỉ lợi cho những kẻ « đầu-cơ » (*les spéculateurs*) nhân bạc cao hạ buôn đi bán lại mà ăn lời ; những người thật có ý muốn doanh-nghiệp thấy thế sợ không dám xuất vốn ra ; bởi thế nên trong thực-nghiệp-giới ở Đông-Pháp này lâu nay lưu-tệ nhiều như vậy. Vả lại Đông-Pháp là thuộc-địa của Đại-Pháp, không có lẽ tiền thuộc-địa lại tuyệt giây quan-hệ với tiền mẫu-quốc được ; vẫn biết rằng hiện nay đồng phật-lăng bị giảm giá, nhưng đó chẳng qua là cái tình-trạng nhất-thời mà thôi, hễ nước Pháp khôi-phục lên thời đồng phật-lăng cũng sẽ tăng giá dần được như cũ, cứ xem mấy tháng trước một quan đáng giá 30 *centimes*, bây giờ ở chợ Luân-đôn đã đánh giá tới 55 *centimes* thời đủ biết. Bởi các lẽ đó Đông-Pháp nên lấy hẳn đồng phật-lăng làm tiền chủ, cho cái chế-độ tiền-tệ được phân-minh, trước là tiệt cái họa đầu-cơ, mở rộng trường công thương cho những người thực có chí muốn doanh-nghiệp, sau là vừa cố-kết cái giây liên-lạc của thuộc-địa với mẫu-quốc, vừa giúp cho sự giao-dịch Đại-Pháp với ta ngày một thịnh-vượng hơn lên, vì từ nay trở đi Đại-Pháp bị hư-hao về cuộc chiến-tranh mới rồi sẽ phải cần đến hàng-hóa sản-vật của ta gấp năm gấp mười khi trước vậy. — Các nhà bênh đồng bạc cũ và phản-đối đồng phật-lăng thời nạn ba lẽ như sau này : 1° Muốn đặt cái chế-độ tiền-tệ của Pháp ở đây, thời phải trữ tiền vàng nhiều lắm, hiện nay không thể làm được ; 2° Cứ như giá đồng bạc bây giờ mà đem phật-lăng thay thời làm điên-đảo cả cuộc kinh-tế trong nước ; 3° Cứ giá bạc nên bây giờ mà khởi-hành đúc bạc mới theo chế-độ Pháp hãy lỗ to. — Ông Héloury, chủ-bút báo *Opinion* cãi lại ba điều ấy như thế này : 1° Mục-đích trữ tiền vàng là chỉ để phòng năm nào nhập-cảng nhiều xuất-cảng ít lấy tiền ấy mà trả ra ngoại-quốc. Nhưng xét tình-trạng thương-nghiệp Đông-Pháp trong khoảng hai năm nay chỉ thấy có hai năm như thế mà thôi, là năm 1903 số nhập-cảng nhiều hơn xuất-cảng 34 triệu 1/2 và năm 1905 nhiều hơn 8 triệu. Vậy thời kho trữ chỉ cần tới 40 triệu là đủ, có phòng xa thời cho 70, 80 triệu cho dư-dũ. Tiền ấy hiện trong công-khố Đông-Pháp đã có sẵn rồi, còn phải kiếm đâu nữa. Năm trước quan Phó Toàn-quyền Monguillot có ký nghị-định bắt ngoại-quốc mua gạo của ta phải trả một phần năm (1/5) bằng tiền vàng. Nghị-định tuy 13 ngày sau có lệnh bên Paris đình thi-hành, nhưng trong 13 ngày ấy tiền vàng thâu vào Đông-Pháp tưởng không kém 60 triệu. Lại xét biểu thống-kê (*statistique*) của chánh-phủ thời trong một tháng ba vừa rồi tiền vàng nhập-cảng ta tới 14 triệu 1/2 quan bằng tiền Mĩ (*gold dollars*) và 18 triệu 1/2 bằng tiền Anh. Cộng cả thảy trong nước hiện nay có được 93 triệu quan bằng tiền vàng không ? Vì tiền ấy chắc là ở trong kho nhà Ngân-hàng Đông-Pháp, chớ không đâu. Như vậy thời lo gì là không có tiền để lập kho trữ. — 2° Giá bạc nên bây giờ cao chỉ là bởi giá đồng phật-lăng bị giảm, và sự hối-đoái Paris-Londres không lợi cho Pháp. Nhưng đồng phật-lăng rồi có ngày sẽ đứng giá, khi nào hối-đoái lợi cho Pháp thời bấy giờ hẵng lấy phật-lăng mà thay cho đồng bạc, đại-ước khi nào giá bạc xuống 5 quan. — 3° Đúc bạc mới không những là không lỗ mà lại có lời to cho công-khố. Chánh-phủ phải đặt một nhà đúc tiền (*Hôtel des monnaies*) riêng ở Đông-Pháp, khi nào được thời-cơ tốt thời hạ-lệnh rút cả bạc cũ về. Số bạc cũ hiện đương lưu-thông trong nước có người ước là

một trăm triệu đồng. 100 triệu đồng bạc cũ mà đúc ra đồng bạc mới thời được 108 triệu đồng năm quan. Đồng bạc Đông-Pháp ta nặng là 27 gam mà có 24 g. 3 bạc lõi (*argent fin*). Đồng tiền năm quan của Pháp chỉ nặng có 25 gam và có 22 g. 5 bạc lõi. Nay đổi tiền Pháp vào tiền ta thời mỗi đồng bạc được lợi 1 g. 8, trăm đồng lợi 180 g.; 180 g. vừa đúng trọng-lượng của 8 đồng tiền Pháp năm quan, thành-thử một trăm đồng bạc được lợi 40 quan, một trăm triệu đồng được lợi 40 triệu quan. Còn tiền công-phí về sự đúc ước chỉ tới 4 triệu là cùng. — Như thế thời không những không lỗ mà lại lãi được 36 triệu vậy.

Ấy ba phái tranh-luận như vậy. Xét qua thời phái nào cũng có lẽ phải của phái ấy; còn nghiên-cứu thâm cho biết khuyết-điểm ở đâu, mâu-thuẫn chỗ nào, thời phải có tay chuyên-môn mới khám-phá cho vỡ được. Ký-giả không dám phán-đoán vậy.

Nay các phái trên kia toàn là người Đại-Pháp cả, xét cái vấn-đề ra phương-diện người Đại-Pháp, tuy cũng có quan-hệ với ta, nhưng không phải là phương-diện người ta. Chắc rằng người An-nam mình thời chỉ biết cái hiện-tình ở trong nước mà thôi, không rõ phép giao-dịch với vạn-quốc thế nào, nên chưa đủ nghị-luận cho sác-đáng được. Song ý-kiến cũng nên biết cho rõ các phương-diện. Báo Echo Annamite (Việt-Nam hướng-truyền) là một tờ báo có giá-trị của đồng-bào ta trong Nam-kỳ viết bằng chữ Pháp, có đăng ý-kiến của một nhà điền-chủ và công-chủ to trong Lục-châu như sau này:

« Tôi thiết-nghĩ rằng bây giờ đem phật-lăng thay vào đồng bạc ở Đông-Pháp ta chưa tiện, vì phá bạc cũ đúc bạc mới không phải là một việc dễ, thật là phiền-nhiễu nhiều lắm. Hiện nước ta có nhiều nhà giàu trôn bạc, thu cho hết bạc cũ về cũng khó. Tôi vẫn biết rằng ta theo quan tiền lây, thời đối với Đại-Pháp không có hối-đoái gì nữa, và các nhà tư-bản Pháp sẽ đem vốn sang doanh-nghiệp bên này nhiều. Nhưng mà cứ lấy lẽ thiển-cận mà nói, tôi tưởng cũng khó lòng kiếm cho đủ số bạc nén để đúc tiền mới cho đủ dùng được. Vả lại bạc mới suất-số kém bạc cũ, người An-nam mình thật-thà chắc cho là Nhà-nước bây giờ nghèo nên không phát cho dân được đồng bạc to như trước. Còn dùng phật-lăng chắc cũng không giảm được sự sinh-hoạt đắt-đỏ, vì cái đồ hàng bây giờ 1$, sau này sẽ bán 2, 3, 4 quan, vân vân.... Tôi thiết-tưởng bây giờ chỉ có một kế là định-giá cho đồng bạc, giá bao nhiêu sẽ do Hội-đồng Tiền-tệ định, và đúc ra một thứ bạc mới chừng 21 gam bạc lõi, rồi thời đúc cho thật nhiều những bạc con 5 hào, 2 hào, 1 hào, 5 xu, và nhiều xu đồng, cho dân tiện tiêu-dùng. Dưới đồng xu cũng nên đúc tiền đồng tiền kẽm, mỗi xu ăn mấy đồng, cho dân nghèo tiện tiêu. Còn bao nhiêu những giấy 5 hào, 2 hào, 1 hào đương lưu-hành bây giờ xin rút về hết, vì tiêu-dùng không tiện và bẩn-thỉu lắm... »

Thượng Chi

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ LUÂN-LÝ-HỌC NƯỚC TÀU (1)

IV

4. — Mặc-gia

A. — Mặc-tử 墨子

Họ Khổng họ Lão đã đại-biểu cái tư-tưởng phương Nam phương Bắc, mà lúc ấy lại có một biệt-phái tư-tưởng ở phương Bắc quật-khởi lên chống nhau với phái Nho-gia, là phái Mặc-tử. Hàn-Phi tử 韓非子 rằng: « Đời nay đạo học rõ-rệt là phái nhà Nho, họ Mặc »; xem đó thời biết cái thế-lực phái Mặc-học vậy.

Tiểu-truyện. Mặc-tử tên là Địch 翟, *Sử ký* chép là làm quan Đại-phu nước Tống, khéo phòng-thủ, tiết chi-dụng. Niên-thứ sinh về nam nào không rõ, nhưng ở về sau đời đức Khổng phu-tử một ít. Trang-tử khen Mặc-tử là hay giữ được thẳng-mặc để dự-bị việc cần-cấp cho đời, Mạnh tử khen Mặc-tử rằng dẫu mòn trán mòn gót mà làm lợi được thiên-hạ thời Mặc-tử cũng làm; đó là Mặc-tử chủ-trì cái thuyết kiêm-ái mà thực-hành như vậy.

Uyên-nguyên học-thuyết tự đâu — Nước Tống là con cháu sa[illegible] nhà Ân, đức Khổng phu-tử bàn thói người nhà Ân nói rằng: « Người nhà Ân tôn thần, đem cả dân mà thờ thần, trước việc quỉ thần mà sau việc lễ, trước hành phạt mà sau ban thưởng. » Mặc-tử sáng việc quỉ-thần mà tôn thờ Trời, cũng là nhân tập cái tư-tưởng người nhà Ân. Sách *Hán-thư* mục *Văn-nghệ-chí* bảo phái Mặc học là xuất tự khi giữ nhà tôn-miếu, cũng là nghĩa ấy. Đức Khổng phu-tử dẫu cũng là con cháu sau nhà Ân, nhưng sinh-trưởng ở nước Lỗ, chuyên học lễ nhà Chu. Mặc-tử thời làm quan ở nước Tống, theo giữ đạo nhà Ân, ấy là cái đại-nguyên-nhân phái Nho-học, Mặc học phân-biệt khác nhau như vậy. Còn như những chủ-nghĩa của Mặc-tử: tiết việc chi-dụng, kiệm việc tang ma, thời lại kiêm theo cả đạo nhà Hạ, nên sách ông ấy thường khen cái công-nghiệp ông Hạ-Vũ, mà bảo Công Mạnh-Tử 公孟子 rằng: «Người bắt chước nhà Chu mà không bắt chước nhà Hạ, cái cồ của ngươi không phải là cái cồ vậy.» Đó cũng là cái chứng rõ vậy.

Học trò. — Học trò Mặc-tử rất nhiều, những người có tiếng là Cầm Hoạt-Ly 禽滑釐, Tùy-Sào 隨巢, Hồ-Phi 胡非, mà cùng tranh-biện với ông Mạnh-tử ấy là người Di-chi 夷之; còn người Tinh Phi-Công 耕柱攻 nước Tống cũng là một chi về phái Mặc-học vậy.

Bàn về lẽ có thần. — Học thuyết của Mặc tử, cái cơ-sở cốt bản về lẽ có thần, trong thiên *Minh-quỉ* sở-dĩ thuật rõ cái tính-chất và chủng-loại các bậc quỉ-thần ra rất đủ, là nói việc quỉ-thần phải nên rõ vậy. Có nói rằng: « Các đấng thánh-vương đời tam-đại đã mất đi rồi, thiên-hạ mất cả nghĩa-lý, nước chư-hầu chuộng sức chinh-phạt, vua tôi không giữ được ơn-huệ trung-thành, cha con anh em không giữ được từ-hiếu, thuận-trinh, người chánh-trưởng không giới

(1) Dịch theo sách *Trung-quốc luân-lý-học sử* 中國倫理學史 của ông Sái-Chấn 蔡振 — Tiếp tục kỳ trước, Nam-Phong số 36 trang 495-502

việc cai-trị, kẻ hèn-hạ không chăm làm việc, nhân-dân sinh ra dâm loạn trộm cắp, đem binh-đao, thuốc-độc, nước lửa đuổi đánh người vô-tội ra đường cái, rồi kết lên đi lấy xe ngựa áo cừu của người làm lợi cho mình, thói ấy dấy lên, từ đó thiên-hạ thành ra loạn, cớ ấy là tại làm sao? là tại còn nghi-hoặc quỉ-thần có hay không, nếu cứ tin rằng quỉ-thần hay thưởng người hiền, phạt kẻ bạo, thời thiên-hạ sao đến nỗi loạn. Nay cứ nắm cái cớ vô-quỉ mà bảo rằng quỉ-thần vẫn không có, sớm tối cứ dạy bảo người thiên-hạ như thế, làm ngờ bụng chúng, khiến cho đều nghi hoặc quỉ-thần có hay không, vì thế thiên-hạ mới sinh loạn. » Xem thế thời biết Mặc-tử bảo cái lẽ sinh ra tội ác, là vì tin lời bàn vô-thần, nhân thế mới bàn rõ cái lẽ hữu-thần ; cái thuyết của ông ấy không phải bản ở tín-ngưỡng tôn giáo và kê-cứu triết-học, chỉ lập ra để ứng-dụng về chính-trị và xã-hội, thuyết ấy hình như thiển-cận, xem những thiên *Pháp-nghi* mà suy ra, thời biết Mặc-tử cho là vạn vật đều có thần, mà Trời là thống-nhất cả, đó là nhân xưa nay vẫn sùng-bái cái tôn-giáo tự-nhiên mà thuyết thành ra học-lý vậy.

Bắt chước Trời. — Phái nho-gia tôn Trời, chỉ nói đạo Trời là cái phép-tắc của xã-hội, còn như Trời sở-dĩ thế nào nên tôn, đạo Trời sở-dĩ thế nào nên bắt chước, thời chửa bàn đến vậy. Đến Mặc-tử mới siển-minh cái cớ ấy ra, ở thiên *Pháp-nghi* nói rằng: « Thiên-hạ làm việc tất phải có pháp-nghi, không có pháp-nghi mà hay thành việc ấy, không có thế bao giờ; tuy đến kẻ sĩ ra làm tướng văn tướng võ đều phải có phép; đến hàng bách công làm việc cùng đều phải có phép. nghề bách-công làm vuông cứ theo khuôn *củ*, làm tròn cứ theo khuôn *qui*, làm thẳng theo giây mực, làm ngay theo giây quả rọi, không cứ thợ khéo thợ chẳng khéo, đều lấy bốn cái ấy làm phép-tắc, người khéo ấy hay làm được trúng, người chẳng khéo dẫu không hay được trúng, song cứ y-phỏng mà làm còn hơn vậy, cho nên nghề bách-công làm việc đều có phép để đo-lường ; nay lớn thời trị cả thiên-hạ, vừa thời trị một nước lớn, mà không có phép để đo-lường, thế thời ra không chỉnh-biện bằng nghề bách-công vậy. »

Thế thời người ta nên bắt-chước ai? Mặc-tử rằng : « Nên đều bắt-chước cha mẹ thế nào ? Song trong thiên-hạ người làm cha mẹ ấy nhiều, mà ít có người nhân, nếu đều bắt-chước cha mẹ, ấy là bắt-chước cả người bất-nhân vậy. Đều bắt-chước người học ấy thế nào ? Song thiên-hạ người học ấy nhiều, mà ít có người nhân, nếu đều bắt-chước người học, ấy là bắt-chước cả người bất-nhân vậy. Đều bắt-chước vua thế nào ? Song thiên-hạ làm vua ấy nhiều, mà ít có người nhân, nếu đều bắt-chước vua, ấy là bắt-chước cả người bất-nhân vậy. Bắt-chước người bất-nhân, không có thể để làm phép-tắc được. » Cha mẹ là nền gốc đạo luân-thường; người học-giả là nguồn gốc đường tri-thức ; vua thời ở về hiện-thực-giới có cái uy-lực tuyệt-đối ; song đều không khỏi có người bất nhân, không có thể làm phép được, vì người ta đã cùng ở trong cái thế-giới tương-đối, thời không ai hay giữ mãi cái tôn-nghiêm tuyệt-đối được, thế thời người ta bắt-chước tất phải là bậc toàn-tri toàn-năng giữ mãi được cái tôn-nghiêm tuyệt-đối, không phải tùy thời tùy chốn đổi dời, phi bậc ấy không đủ bắt-chước được, bậc ấy chẳng phải Trời là gì ? Cho nên nói rằng : « Không gì bằng bắt-chước Trời, Trời vận-hành quảng-đại mà không riêng, thi-ơn hậu mà không kể ân-đức, sáng soi lâu mà không suy, cho nên đấng thánh-vương bắt-chước Trời, đã bắt-chước Trời, thời động-tác làm gì, đều đo-đắn theo Trời cả, điều gì Trời muốn thời làm, điều gì Trời không muốn thời thôi ». Bởi đó mà xem, thời Mặc-tử coi Trời như là thần-linh, không như

phái nho-gia chỉ coi Trời như cái công-lý để làm phép-tắc vậy.

Trời yêu người làm lợi cho người. — Người đã lấy Trời làm phép-tắc, thời ý Trời yêu hay ghét, tức là quyết-định cái việc người nên làm hay không ; ý Trời ở đâu, sao mà biết được ? Mặc-tử nối bài trước mà nói rằng : « Trời muốn gì, ghét gì ? Trời chỉ muốn người ta yêu nhau làm lợi cho nhau, chớ không muốn người ta ghét nhau, làm hại nhau. Sao lại biết thế ? Vì là Trời gồm yêu cả mà gồm làm lợi cho cả. Sao lại biết là Trời gồm yêu mà gồm lợi cho cả ? Vì là Trời gồm có cả mà gồm hưởng cả. Nay trong thiên-hạ không cứ nước nhỏ nước lớn, đều là một ấp của Trời vậy ; người ta không cứ người lớn người nhỏ người sang người hèn, đều là bầy tôi của Trời vậy. Vì thế ai là chẳng đem dê, lợn, rượu, xôi để kính thờ Trời, đó chẳng là Trời gồm có cả mà hưởng cả đấy rư ? Trời nếu gồm có cả mà hưởng cả, sao lại bảo Trời không muốn người ta yêu nhau làm lợi cho nhau, cho nên nói rằng : Yêu người lợi người, thời Trời ắt cho phúc ; ghét người hại người, thời Trời ắt giáng vạ ; giết kẻ vô-tội, thời ắt phải điềm bất-tường ; đó chẳng phải là vì người hay giết lẫn nhau, mà Trời giáng cho vạ đấy rư ? Thế cho nên Trời muốn người ta yêu nhau làm lợi cho nhau chớ không muốn người ta ghét nhau làm hại nhau vậy. »

Phép-tắc của đạo-đức. — Ý Trời cốt ở yêu và làm lợi cho người, thời cái phép-tắc của đạo-đức cũng phải thế. Mặc-tử lấy cái lòng yêu và lợi hai cái đó kết-hợp không thể lìa nhau được ; mà cội-gốc yêu thời nhà luân-lý-học bây giờ cho là khởi tự cái lòng tự yêu mình, tức là khởi ra tự cái quan-niệm bảo-tồn sự sinh-hoạt của mình, nhưng cái ý-kiến của Mặc-tử thời không phải thế.

Cái lòng yêu mà bởi tự yêu mình, cùng đối với cái lòng ghét sung cái lượng yêu mình ấy ra, thời có khi phải chịu khuất người để cầu thân mình, rồi sinh ra xung-đột nhau, xã-hội rối loạn khởi ra bởi từ đó vậy. Cho nên chủ-đích cốt muốn giúp đời thời phải khoáng-sung cái lòng yêu tuyệt-đối là kiêm-ái, là ý Trời vậy. Cho nên nói rằng : « Kẻ trộm yêu quí cái báu của nó, không yêu cái của người, cho nên nó trộm lấy cái báu của người khác để làm lợi cho cái báu của nó. Quân giặc yêu cái thân của nó, không yêu thân người khác, cho nên giết người để làm lợi cái thân mình. Bởi tại sao vậy ? Đều bởi tại không yêu nhau, dẫu đến nhà quan Đại-phu mà làm loạn lẫn nhau, vua nước chư-hầu mà công-kích lẫn nhau, cũng bởi vì thế ; quan Đại-phu đều yêu nhà mình mà không yêu nhà khác, cho nên làm rối loạn nhà khác để lợi cho nhà mình ; vua chư-hầu đều yêu nước mình mà không yêu nước khác, cho nên đánh nước khác để làm lợi nước mình ; cái vật làm loạn thiên-hạ, đều tại thế mà thôi ; bởi sao mà khởi ra thế, là khởi ra tự cái lòng không yêu nhau. Nếu trong thiên-hạ biết gồm yêu nhau cả, thời nước nọ không công-kích với nước kia, nhà nọ không làm rối loạn nhà kia, trộm giặc không có, vua tôi, cha con đều hay giữ đạo, như thế thời thiên-hạ trị. »

Nói về sự lợi hại kiêm ái với biệt-ái. — Mặc-tử đã nói rõ cái nguyên-lý kiêm-ái, lại lấy cái sự lợi hại kiêm-ái với biệt-ái để nói chứng thực ra rằng : « Ai cũng yêu riêng cả thời sinh ra cái hại lớn cho thiên-hạ, ai cũng gồm yêu cả thời sinh ra cái lợi lớn cho thiên-hạ ; thế cho nên biệt-ái không phải mà kiêm-ái mới phải. » Lại rằng : « Nay có hai người ở đây : một người chủ nghĩa biệt-ái, một người chủ-nghĩa kiêm-ái ; người chủ-nghĩa biệt-ái nói rằng : « Ta sao lại yêu cái thân người bạn cũng như thân ta, sao lại yêu cha mẹ người bạn cũng như cha mẹ ta, vì thế ta trông thấy người bạn đói mà ta không cho ăn, rét mà ta không cho mặc, ốm mà ta không nuôi nấng, chết mà ta không mai táng. » Ấy người biệt-ái thời nói như thế. Người

kiêm-ái thời nói với làm không thế, có nói rằng : « Ta nghe làm người cao-sĩ trong thiên-hạ, tất là vì cái thân người bạn coi cũng như thân mình, vì cha mẹ người bạn coi cũng như cha mẹ mình. thế cho nên trông thấy bạn đói thời cho ăn, rét thời cho mặc, ốm đau thời nuôi nấng cho, chết thời mai-táng cho. - Người kiêm-ái thời nói như thế, làm như thế. » Mặc-tử lại suy rộng ra nói cái sự một ông vua biệt-ái và một ông vua kiêm-ái, nghĩa cũng giống như thế.

Nói về thực-hành cái đạo kiêm ái. — Muốn thực-hành cái đạo kiêm-ái thời làm như thế nào ? Mặc-tử yết cái nghĩa kiêm-ái cũng như nho-gia nói cái đạo trung-thứ, nói rằng : « Coi cái nước người cũng như nước mình, coi cái nhà người cũng như nhà mình, coi cái thân người cũng như thân mình. »

Nói về lợi với yêu. — Lòng yêu là tinh-thần của đạo-đức, mà là cái máy động của sự hành-vi, người ta hành-vi, a[illegible] chẳng dự mong cái hiệu-quả về sau. Mặc-tử thời cho lợi là cái bản-chất của đạo-đức, vì thế cái chủ-nghĩa kiêm-ái cũng giống như cái chủ-nghĩa công-lợi, nói rằng : « Trời ấy gồm yêu cả mà gồm lợi cho cả, Trời làm lợi cho người lớn hơn người tự làm lợi lấy. » Lại rằng : « Trời yêu người so với thánh-nhân yêu người thời hình như bạc, mà làm lợi cho người so với thánh-nhân làm lợi cho người thời hậu hơn ; đại-nhân yêu người so với tiểu-nhân yêu người thời hình như bạc, mà làm lợi cho người so với tiểu-nhân làm lợi cho người thời hậu hơn. » Ý là nói đạo-đức tất phải lấy sự lợi để đạt cái bụng yêu, nếu lòng yêu hậu mà sự làm lợi cho thời bạc, thế cũng không khác gì lòng yêu bạc vậy ; ấy là Mặc-tử bàn về công-lợi như thế.

Lòng kiêm-ái cũng có điều nhiếp. — Kiêm-ái là cái bản-chất cố-kết trong xã-hội, nhưng mà trong xã-hội người này quan-hệ với người khác, thường thường bất-tri bất-giác, mà sinh ra phân-biệt thân sơ, cho nên ông Mạnh-tử chê cái nghĩa kiêm-ái của Mặc-tử yêu không có phân-biệt thứ-bậc là đạo vô-phụ, bảo cái nghĩa kiêm-ái ấy cùng với cái thứ-bậc thân-sơ không có hợp với nhau ; song như cái ý-nghĩa của Mặc-tử thời bảo hai điều ấy không có mâu-thuẫn với nhau chút nào, nói rằng : « Người hiếu-tử vị đấng thân lo lường, muốn cho người ta yêu mà làm lợi cho đấng thân mình chăng ? Hay ý muốn cho người ta ghét mà làm hại đấng thân mình chăng ? Đã muốn cho người ta yêu mà làm lợi cho đấng thân mình, thời trước phải làm thế nào ? Trước nhất ta phải yêu mà làm lợi cho đấng thân người, rồi sau người lại báo đền cho ta mà yêu và làm lợi cho đấng thân ta. Kinh *Thi* rằng : « Không lời nói nào là chẳng đền, không ơn nào là chẳng trả, người cho ta quả đào, thời ta đền lại quả mận. » Cứ như lời nói ấy, là bảo rằng yêu người ta tất lại được người ta yêu, mà ghét người ta tất lại phải người ta ghét, thế thời mình mà yêu đấng thân người, chính là để yêu đấng thân mình. sao lại gọi là đạo vô-phụ được. Vả Mặc-tử đáp Công-Thâu-tử [illegible] rằng : « Ta nên buộc chặt lấy lòng yêu, suy ra lấy đạo kính ; nếu không buộc chặt lấy lòng yêu thời không thân, không suy ra lấy đạo kính thời chóng sinh ra khinh nhờn, khinh nhờn mà không thân thời chóng lìa nhau, cho nên yêu lẫn nhau, kính lẫn nhau, cũng như là làm lợi cho nhau vậy. » Thế thời cái nghĩa kiêm-ái của Mặc-tử, vẫn có cái đạo để điều-nghiệp vậy.

Cần-kiệm. — Mặc-tử muốn đạt cái chủ-nghĩa kiêm-ái, nên phải nghĩ để trừ bỏ cái căn-nguyên tranh-đoạt. cái căn nguyên tranh đoạt là hằng tại thiếu-thốn, cái căn-nguyên thiếu-thốn là vì tại xa-xỉ mà lười biếng, cho nên làm ra thiên *Tiết-dụng* để củ chính cái tệ xa-xỉ ; làm ra thuyết *Phi-mệnh* để tỏ rằng việc người phải nên hết sức. Lại lấy cái

thói làm hậu việc tang-ma là trái với đạo cần-kiệm, nên làm ra thiên *Tiết-táng* để cứu-chính lại. Mặc-tử và các học-trò đều theo cái chủ-nghĩa ấy mà thực-hành cả.

Bác việc công-chiến. — Nói nghĩa kiêm-ái thời phải bác việc công-chiến, song Mặc-tử bác việc công-chiến chớ không bác việc phòng-thủ, cho nên có làm ra thiên *Bị-thành-môn*, thiên *Bị-cao-lâm*; không như ông Mạnh-tử chỉ bảo rằng cứ sửa cái nết hiếu-đễ trung-tín, có thể vác gậy tầy mà chống-cự được với áo giáp đồ binh vậy.

Kết luận - Mặc-tử chủ-nghĩa kiêm-ái mà bắt-chước Trời, cũng gần giống như giáo Cơ-đốc phương Tây; trong thiên *Minh-quỉ* và *Tiết-táng*, cũng đã hàm có cái ý trọng linh-hồn, khinh thể-phách; nhà học-giả cự-tử về phái Mặc-học, có khi chịu giết mình để chết theo với đạo-học, cũng hơi giống như đạo Cơ-đốc. Song Mặc-tử là nhà khoa-học, nhà thực-lợi, bàn về các lẽ danh-số chất-lực, hợp với lẽ khoa-học bây giờ cũng nhiều; còn chứng cứ thời hay dùng phép qui-nạp, thiết-án về việc người, y-cứ về lịch-sử, những thiên *Thượng-đồng* và *Thượng-hiền* bàn rõ là cốt được vì Thiên-tử sáng và các quan sĩ-đại-phu hiền thời thống-nhất cả chính-tục các nước mà trừ bỏ sự tranh-doạt, lời ấy thời khác với nhà tôn-giáo vậy. Mặc-tử thiên chuộng chất thực, không biết mĩ-thuật có cái tác-dụng đào-dưỡng được tính-tình, cho nên bác bỏ nhã-nhạc, ấy cũng là ý-kiến có chỗ khuyết điểm vậy. Còn như cái chủ-nghĩa kiêm-ái thời không thể chê được. Ông Mạnh tử chê là vô-phụ, cũng là ý-kiến hẹp vậy.

5. — Pháp-gia

Cuối đời nhà Chu, phương Bắc có học-phái Khổng Mạnh, phương Nam có học-phái Lão Trang, tiệt-nhiên phân ra tư-trào, hai phương tùy theo thời-thế mà phát-siển ra; mà gần về phía Bắc thời có phái Mặc-gia, gần về phía Nam thời có phái Nông gia, như đôi ngựa kèm thêm ở bên cỗ xe vậy. Song cái tư-trào hai phương ấy, dẫu khua vang một đời, nhưng mà các vua tướng thời ấy đương chuộng sức chinh-chiến kinh-doanh, cái mục-đích chỉ cốt cho nước được giầu mạnh, nên đều cho hai phái trên đó là vu-khoát bất-thiết sự-tình, mà ruồng đi không dụng. Thời ấy có một phái triết-trung cả Nam Bắc hai học-phái, mà chan-chứa diễn ra cái tư-trào ở trung-bộ, để ứng thế-dụng, ấy là phái Pháp-gia. Phái Pháp-gia thời lấy Đạo-gia làm thể, Nho-gia làm dụng, mà ông Hàn-Phi-tử 韓非子 thời tập cả đại-thành; cái nguồn Pháp gia lạm-tràng (1) ra tự một nhà chính-trị trước khi học-thuyết họ Khổng họ Lão chửa thành-lập, ấy là ông Quản-tử.

A — *Quản-Tử* 管子

Tiểu-truyện. — Quản-tử tên là Di-ngô, 夷吾, tên tự là Trọng 仲, người ở Dĩnh-thượng nước Tề, làm tướng giúp vua Hoàn-công nước Tề, thông hàng-hóa, chứa của cải, cùng dân-tục cùng ưa muốn, nước Tề từ đó giầu mạnh lên, bèn xưng-bá làm đầu cả các nước chư-hầu.

Sách của Quản-tử làm ra. — Sách của Quản tử làm ra, đến đời Hán còn truyền được 86 thiên, nay lại mất mười thiên: trong các sách ấy cũng lẫn cả của các nhà hậu-học thuật lại, chớ không phải toàn là của họ Quản làm ra, phần nhiều nói về chính-trị và lý-tài; những điều quan-hệ đến luân-lý học tóm lược như sau này.

Học-thuyết khởi-nguyên. — Học-thuyết của Quản-tử sở-dĩ không giống với phái Nho-gia, là vì chịu cái ảnh hưởng về lịch-sử và địa lý Lúc nhà Chu mới giấy lên, vua Vũ-vương 武王 có mười người bày tôi có tài trị loạn, mà ông Chu-công Đán 周公旦, Thái-công Vọng 太公望

(1) *Lạm-tràng* 濫觴 [illegible] nước dầy dán chẩy chan chứa ra ngoài; sự mới lan ra.

là đầu. Chu-công thời giữ cái thái-độ đấng thánh-hiền, hiểu cổ chuộng văn, cốt lấy đạo-đức làm cái gốc chính-trị. Thái-công thời hiệp cái tác-dụng người hào-kiệt, giỏi binh-pháp, dụng quyền-mưu. Nên sau ông Chu công phong ra nước Lỗ, Thái-công phong ra nước Tề, thành ra chính-tục hai nước ấy mỗi đàng một khác. Sách *Sử ký* chép rằng . « Khi ông Thái-công được phong ra ở nước Tề, đi chậm ngủ đỗ ở dọc đường Người đi đường bảo nhau rằng : « Ta nghe thời giờ khó được mà dễ mất đi lắm, nay thấy Thái-công còn yên vui ngủ ở khách-quán, thời không phải ông ấy đi ra tới nước vậy ». Thái-công nghe thấy họ nói như vậy, bèn nửa đêm mặc áo mà đi, mờ-mờ sáng thời đến nước Tề. Khi ấy Lai-hầu đương lại tranh lấy đất Doanh-khâu. Thái-công đến nơi rồi, sửa lại chính-trị trong nước, nhân theo tục cũ, giản bớt lễ, giao-thông nghề-nghiệp công-thương, làm cho nghề cá muối được tiện-lợi, nhân dân theo về nhiều lắm. Năm tháng báo tin chính-tích về triều. Chu-công hỏi rằng : « Sao nhanh vậy? » Thái-công rằng : « Tôi giảm bớt lễ vua tôi, chỉ nhân theo thói tục mà làm ». Ông Bá-cầm 伯禽 (con ông Chu-công) được phong ra ở nước Lỗ, ba năm mới báo chính-tích về triều. Chu-công hỏi : « Sao chậm vậy? » Bá cầm thưa : « Tôi biến tục cũ, đổi cả lễ-văn, theo lễ tang ba năm mới trừ phục, cho nên chậm. » Chu-công than rằng : « Ôi ! sau này nước Lỗ phải ngoảnh mặt bên bắc mà phụng sự nước Tề vậy. » Nước Lỗ lấy cái đạo thân người thân, chuộng nhân-ơn làm cái chủ-nghĩa hành-chính ; nước Tề thời lấy cái đạo tôn - hiền, chuộng công-lợi làm cái tinh-thần lập-pháp ; lịch-sử lưu-truyền mãi, học-giả chịu được cái ảnh-hưởng ấy, nên học-giả nước Lỗ chủ-trì cái thuyết đạo-đức, mà học-giả nước Tề thời chủ trì cái thuyết công-lợi Vả nước Tề lại là một nước giàu nghề cá muối ở phương Đông ; khi ấy nước Ngô, nước Sở còn phải ruồng đuổi cho là man-di, nên chỉ cái nguồn giàu mạnh ở Trung-quốc chỉ có nước Tề mà thôi ; học-thuyết của Quản-tử mà thi-hành ở nước Tề, có phải là ngẫu-nhiên đâu.

Lý-tưởng bày ra một quốc gia — Hễ ai có cái quan-niệm muốn duy-trì xã-hội, thời thường có cái lý tưởng giả-thiết ra một quốc-gia để làm mục-đích ; như đức Khổng phu-tử thời tưởng-tượng đời vua Nghiêu Thuấn là đời vua chí-trị, họ Lão họ Trang thời tinh-thần phảng-phất ở về thời-đại thần-hoại (1) trước đời vua Hoàng-đế. Quản-tử thiết tưởng ra một đời chí-trị thời bảo rằng : « Nhân-dân hòa-thuận cùng nhau, lúc trẻ ở với nhau, lúc lớn chơi với nhau, cùng tế cầu phúc cho nhau, tang ma thương sót lẫn nhau, ăn ở vui vẻ hòa-đồng, khi vào thời chăm việc căn-bản cố làm cho đầy kho đụn, khi ra thời tận-tâm tử tiết chống yên xã tắc, họp lại như đàn con một ông cha, như thực-nghiệp một nhà. » Đó là cố-kết lấy nhân-dân cho ai cũng gánh vác lấy một phần trách-nhiệm về quốc-gia mà không đến nỗi hồ thẹn vậy.

Sinh - kế có quan-hệ với đạo - đức. — Muốn cố-kết lấy nhân-dân thời làm thế nào ? Ai cũng bảo rằng nuôi lấy cái lòng đạo-đức. Song ý Quản-tử thời bảo rằng nhân-dân mà không giữ được đạo-đức, không những là tại một cái cớ thất-giáo; về phần vật-chất mà thiếu-thốn, thực là một cái nguyên-nhân lớn làm cho mất cả đạo-đức, nếu muốn dạy dân thời trước phải làm cho dân giàu đã, nên có nói rằng : « Kho đụn đầy rồi mới biết lễ-nghĩa, ăn mặc đủ rồi mới biết vinh-nhục. » Lại rằng: «Cái đạo trị nước trước phải làm cho dân giàu, dân giàu thời dễ trị, dân nghèo thời khó trị ; sao lại biết thế? Dân giàu thời luyến quê-hương, trọng gia-sản và biết kính người trên, sợ phải tội, cho nên dễ trị, dân nghèo thời không thế, nên khó trị ; vậy nước trị thường là nước

(1) *Thần-hoại* 神話 = Thời cổ còn tin về thần-đạo hư-[illegible] MYTHOLOGIE

giàu, mà nước loạn vẫn thường là nước nghèo. »

Cái nghĩa-vụ của kẻ trên người dưới. — Quản-tử đã bảo rằng nhân-dân mà thực-hành đạo-đức khó hay dễ, là bởi tại nghiệp sinh-kế giàu hay nghèo, cho nên bàn việc chính-trị cốt nhất là phải làm cho dân giàu, mà làm dân giàu thời phải chăm-chỉ chức-nghiệp, nên có nói rằng: « Người nông phu phải có nghiệp thường, người đàn bà phải có việc thường ; nếu một người nông-phu không cày, thời hoặc phải chịu đói ; một người đàn bà không dệt, thời hoặc phải chịu rét. » Đó là yết ra cái nghĩa-vụ cần đệ nhất. rồi sau mới tiến lên dạy lấy đạo-đức, mà đạo-đức trọng-yếu thời Quản-tử cho bốn điều: *lễ, nghĩa, liêm, xỉ*, là bốn cái giây để giàng-giữ nước ; vì Quản-tử chú-ý về cái xu thế lòng người ta hay thiên về đường ác, cho nên yết ra cái nghĩa đạo-đức đều thuộc về tiêu-cực vậy.

Kết-luận. — Sách Quản-tử chửa bàn đến cái chỗn đạo-đức khởi-nguyên và cái phương-pháp thực-hành ; song nói rõ ra được cái cớ đạo-đức có quan-hệ với sinh-kế, thời thực có cái giá-trị lớn về đàng luân-lý-học vậy.

Xét cái thuyết của Quản-tử cốt lấy sinh-kế làm cái nguồn mở trước, rồi lấy pháp-trị để làm cái bờ ngăn sau, như thế có thể trừ được cái thói quen của nhân-dân vô-đạo-đức, mà không đến nỗi để hại cho nhà-nước, thuần là cái chủ-nghĩa công-lợi. Sau lại phân ra mấy phái nữa, cũng là chịu cái ảnh-hưởng về địa lý vậy.

Một là phái nho-gia bàn chính-trị cũng viện-dẫn lời Quản-tử hợp với cái tư-trào phương Bắc, như ông Mạnh-tử dẫu khinh-bỉ Quản-tử, mà cũng đạo-tập cái thuyết đạo-đức với sinh-kế cùng quan-hệ. Cái chủ-nghĩa pháp-trị của Tuân-tử, cũng tổ từ Quản-tử. Còn hiểnn-hiên tổ-thuật Quản tử là Thi-Giáo 尸佼, có nói rằng « Nghĩa tất phải có lợi, dầu Kiệt [illegible] cũng còn biết nghĩa [illegible] ải có lợi vậy. » Thi-tử người nước Lỗ, là thầy ngươi Thương-Ưởng.

Hai là thuần thuộc về cái tư-trào ở trung bộ, noi theo cái chủ-nghĩa của Quản-tử, tùy thời-thế mà phát-siển ra; như là Lý Khôi 李悝 ở nước Ngụy, Thương-Ưởng 商鞅 ở nước Tần. Lý-Khôi thời mở-mang cho kỳ hết địa-lợi ; Thương-Ưởng thời cố chấn-khởi việc canh-nông. mục-đích chỉ cốt làm cho được phú cường, phá bỏ cái tập-tục hiếu-cổ chuộng văn tự đời nhà Chu đi ; Thương Quân chỉ cậy cái năng-lực của pháp-luật, nên cái tiếng phái Pháp-gia khởi ra từ đó, và lại cái tư-trào ấy trải qua đời Tam-Tấn, rồi lưu-truyền sang đến phương Tây.

Ba là tiếp-súc về tư-trào phương nam, mà hóa-hợp về cái thuyết phái đạo-gia, như là lũ Thân Bất-Hại 申不害, chủ-nghĩa làm vua thời vô-vi mà làm tôi thời chuộng công-lợi, ấy là phái thuật-gia. Thân-tử là kẻ di-thần nước Trịnh mà làm quan ở nước Hàn, nước Trịnh gần với nước Sở vậy.

Đương lúc ấy đã lấy cái tư-trào ở Trung bộ làm phái điều-hòa, một đàng hợp với phương Bắc, một đàng hợp với phương Nam ; đến cuối đời Chiến-quốc, Hàn-Phi tử 韓非子 bèn hợp cả tư-trào ba bộ mà thống-nhất lại, các nhà tư-tưởng về cuối đời Chu đều vân-động theo về đó cả.

Sách của Thi-tử Thân-tử mất hết cả rồi, chỉ còn có sách của Thương-quân, và Hàn-Phi-tử mà thôi, những sách ấy dẫu bàn về chính-trị nhiều. song cũng có cái học-thuyết luân-lý có thể suy-siển ra được, sẽ bàn như sạu này.

B. — Thương-quân 商君

Tiểu-truyện. — Công-tôn họ Thương-quân tên là Ưởng 鞅, được phong hiệu là Thương-quân. vốn là hàng thứ công-tử nước Vệ 衛; khi nhỏ ham học hình-danh, nghe thấy vua Tần Hiếu-công cầu hiền. bèn đi vào Tây-Tần, đem cái đạo cường-quốc

trần-thuyết cho vua nghe, được vua tin dùng lắm. Thương-quân bèn định cái lệnh biến pháp, trọng việc nông-tang, ức kẻ thân-quí, nước Tần mới giàu mạnh lên ; sau khi Hiếu-công mất, Thương-quân bị kẻ gièm pha, mắc phải tội xé thây mà chết. Nước Tần sau vẫn theo cái chính-sách của Thương quân, kiêm-tính được cả sáu nước. Thương-quân có làm ra sách 25 thiên.

Chủ-nghĩa cách-tân. — Quản-tử giữ cái chủ-nghĩa thông-biến, phàm pháp-chế của nhà Chu, dẫu không có nhân theo tật-vật, song cũng chửa từng phá-hoại, vì thời ấy nhà Chu dẫu suy, mà chí dân còn chửa biến vậy. Đến đời Chiến-quốc, thời-cục đại-biến, học-thuyết mới xuất-hiện mãi ra, Thương-quân thừa cái học thuyết của Quản tử, bèn tiến lên mà làm cái chủ-nghĩa cách-tân, có nói rằng : « Các đời trước có cùng một giáo đâu, sao lại cứ phải bắt chước cổ ; các đấng đế-vương có theo nhau đâu, sao lại phải cứ noi lễ cổ ; vua Phục-hy, Thần-nông, không dậy dân mà giết ; vua Hoàng-đế, Nghiêu, Thuấn, cứ giết kẻ có tội mà không tha ; đến đời vua Văn vua Võ, đều tùy thời mà lập ra phép, nhân việc mà chế ra lễ, lễ phép là tùy thời mà định ra, pháp-lệnh làm cho hợp-nghi, giáp-binh khí-giới, cung cho đủ dùng. » Nên lại nói rằng : « Trị đời không có hai đạo, hễ tiện việc nước thời làm, bất-tất phải bắt chước cổ : vua Thang, vua Võ có noi cổ đâu mà hưng được nghiệp vương ; nhà Hạ, nhà Thương có đổi lễ cổ đâu mà cũng mất nước ; thế thời trái lễ cổ vị tất đã không phải, mà theo lễ cổ chửa chắc đã là phải vậy. » Lại bác lời nói ngươi Cam-Long 甘龍 mà rằng : « Người thường chỉ quen giữ cổ-tục, kẻ học-giả chỉ nịch về điều kiến-văn, hai kẻ ấy chỉ cho bị-vi làm quan giữ phép thời được, chớ không cùng bàn luận ra ngoài phép được ; đời Tam-đại có cùng theo một lễ đâu mà thành nghiệp vương ; đời Ngũ-bá có cùng giữ một phép đâu mà thành nghiệp bá ; người khôn thời lập ra phép mà kẻ ngu thời chỉ hạn-chế ở trong phép ; người hiền thời định ra phép, mà kẻ bất-tiếu thời câu-nệ về phép ». Thương-quân quả-đoán như vậy, thực là một tay cự-tử cách-mệnh về tư-tưởng-giới thời bấy giờ, đó cũng vì thời-thế nó khu bách phải cải-cách, song không có cái đặc-tính hơn người, thời không cùng bàn việc đó được.

Chê bác cái đạo-đức cũ. — Cuối đời nhà Chu chuộng văn quá, phàm những đạo-đức của cổ-nhân tiêu-yết ra trước, đến đó chỉ còn hư-danh chớ vô thực, chỉ làm cái đồ để cầu sủng-lộc, múa văn-phép mà thôi, như Trang-tử chê rằng phái nho-gia chỉ lấy Thi Lễ phá-hoại cửa nhà vậy. Cái chủ-nghĩa cách-tân của Thương-quân, là lấy quốc-gia làm chủ-thể, tức là lấy cái công-đức (1) của nhân-dân đối với quốc-gia là cái đạo-đức vô-thượng ; phàm kẻ nào mạo cái danh-hiệu tư-đức, để gián-tiếp làm hại đến quốc-gia, đều hết sức bài đi cả, cho nên nói rằng : « Nếu bày ra có *lễ*, có *nhạc*, có *Thi*, có *Thư*, có *thiện*, có *tu*, có *hiếu*, có *đễ*, có *liêm*, có *biện*, có mười điều ấy, thời nước tất là hèn-yếu mà đến mất nước. » Lời nói ấy dẫu là quá-khích, song những cái đạo-đức vu-khoát giả-dối lúc bấy giờ, không bài-bác đi cho kỳ hết, thời không làm gì được.

Trọng việc hình-phạt. — Thương quân cho loài người hay có tính-chất doanh tư bội-công (2), không lấy cái uy-quyền vô thượng của quốc-gia trái hẳn cái tính ấy mà đè nén đi, thời không hay thống-nhất tâm-lực để tập-hợp lại làm thành quốc-gia, cho nên chỉ chuộng lấy hình-phạt để tề dân, mà lấy điều thưởng làm một cái phụ cho việc

(1) *Công đức* 公德 = là cái đức chung đối với công-chúng cùng g ũ gìn đoàn-tl ể với nhau ; đối với tư-đức thời gọi là công-đức.

(2) *Doanh tư bội công* 營私背公 = chỉ kinh-doanh lấy lợi riêng của mình mà bội trái lẽ công.

hình, nói rằng : « Hình là để cấm tranh-đoạt, mà thưởng là giúp đỡ sự ngăn cấm vậy. Cho nên trọng sự phạt mà khinh sự thưởng, thời là người trên càng thương dân mà kẻ dưới chịu chết theo về việc nhà vua. Nếu không thế, trong sự thưởng mà khinh sự phạt, thời là người trên không thương dân mà kẻ dưới cũng chẳng chết theo về việc nhà vua. Đời vương-giả dụng hình chín phần mà thưởng có một phần ; nước cường-thịnh dụng hình bảy phần mà thưởng có ba phần ; nước suy yếu dụng hình năm phần mà thưởng cũng năm phần » Ấy cái lý-tưởng của Thương-quân như thế, nên mới mượn tay nước Tần để thực hành ra không dung thứ một chút gì, tới trên sông Vị để xử án, nước sông đến nỗi đỏ ngầu lên. Ông Tư-Ma Thiên [illegible] chê là người thiên tư khắc bạc, thật là phải lắm.

Chuông điều tín. — Thương-quân ban cái đạo trị nhà nước, cốt ở 3 điều là : *Pháp, Tín, Quyền*, mà nói cái phép tài chế phổ thông xã hội cung chỉ chuộng điều tín, nên lúc mới cầm quyền chính, huyền ngay cái thưởng ai vác nổi cây gỗ thời thưởng cho để tỏ điều tín-ước, xem một việc đó thời biết. Vì Thương-quân không biết rằng người ta phải có cái chốn hành động tự do, mà chỉ bắt phải giữ cái nghĩa-vụ phục tùng về qui chế đoàn thể, bỏ ngoài cái đạo tín ra, không còn cho cái đạo-đức gì là có căn-bản nữa.

Kết-luận. — Thương quân là một nhà chánh trị, cái chủ-nghĩa chỉ lấy uy-quyền quốc-gia mà tài-chế cả mọi người, cho nên bản đạo-đức thời chuyên chuộng công-đức, để làm cái giúp đỡ cho phép luật, song chủ-trì nghiêm quá, không để cho người ta có một chút gì được tự-do ; vả lại xem xét tính người, chỉ chuyên đoán về một phương-diện xu-ư-ác, cho nên trọng việc hình mà chê việc nhạc, trái với lời Quản-tử bảo rằng pháp-lệnh nên thuận lòng dân, đó cũng là cái kết-quả thiên-tư khắc bạc, nên không tránh được cái tiếng là kẻ tội-nhân trong đạo đức giới vậy.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

GIÚP CHO VẤN-ĐỀ CẢI-LƯƠNG HƯƠNG-TỤC

MỘT CÁI DỰ-ÁN CẢI-LƯƠNG

Bản-chí đăng sau đây một cái « sổ cải-lương hương-tục » của ông Hoàng Hữu-Dôn, tri-huyện Bình-lục, Hà nam, dự-thảo ra để làm mẫu cho các làng trong huyện-hạt ông. Vấn-đề cải-lương hương-tục là một việc quan-hệ cho tiền-đồ nước ta, ngày nay những người hữu-tâm về xã hội thường bàn-luận đến luôn. Nay « sổ cải-lương » này tuy mới là một cái « dự án » (projet) làm riêng cho một hạt, không phải là cái mẫu chung cho cả các làng cứ theo đó mà thi-hành được, song những nhà nhiệt-thành về việc cải-lương cũng có thể nhân đây mà châm-chước, hoặc thêm bớt ít, cho hợp với phong-tục cùng dân-tình mỗi nơi vậy.

Bản chí có lời mừng quan huyện Hoàng đã làm được việc có ích, và ước-ao rằng trong quan-giới ta nhất là hàng các quan phủ huyện gần dân được nhiều các ngài để tâm lo việc cải lương hương-tục như thế thời nhân-dân được nhờ lắm.

N.-P.

1° — Đặt tòa hội-đồng kỳ-mục

Xét trong dân xưa nay, công việc đều do ở tay lý-trưởng và một bọn kỳ-mục mà lý-trưởng kê ra để làm, dân không lận-cử, nên phần nhiều hay đồng-đảng nhau mà làm việc bậy, hà-hiếp dân-đinh, như thế là bất-công. Vả lại công việc trong một làng tuy là nhỏ nhưng cũng như công việc trong một nước, phải có người xứng-đáng thay mặt dân để bàn công-việc cho làng thời mới công-bằng.

Vậy từ nay làng lập ra một tòa Hội-đồng Kỳ-mục để thay mặt dân làm các việc trong làng và việc quan, thể-lệ đặt tòa hội-đồng ấy kể ra sau này.

Cứ chiếu số nội ngoại đinh trong làng mà lận-cử hoặc công-cử, trong xã từ 20 cho đến 50 đinh thời bầu 3 người hoặc 4 người kỳ-mục, từ 50 cho đến 100 đinh thời bầu 6 người hoặc 8 người kỳ-mục, từ 100 đến 300 đinh thời bầu 10 người kỳ-mục, từ 300 đến 500 đinh thời bầu 12 người kỳ-mục, từ 500 đến 1000 đinh thời bầu 14 người kỳ-mục, từ 1000 cho đến 1500 đinh thời bầu 16 người kỳ-mục, từ 1500 đến 2000 đinh trở lên thì bầu 20 người kỳ-mục.

Những người ứng-cử nghĩa là tình-nguyện ra làm thời phải người khoa-mục chức-sắc, chánh-phó-tổng cựu và những người có văn-bằng tốt-nghiệp tân-học (tạm thời những người có bằng tuyển-sinh hoặc sơ-đẳng tiểu-học cũng được dự vào số ấy); còn các cựu lý-trưởng phó-lý và những người cựu kỳ-mục trong dân, cũng đều được ra ứng-cử. Nếu trong các hạng ấy chọn còn thiếu số kỳ-mục, thời cho những người nội-đinh thức-tự và có kiến-thức được ra ứng-cử. Những các hạng người đã kể, phải 30 tuổi trở lên mà không can-án can-khoản gì. Còn người đi đầu-phiếu thời cho những người nội-đinh, cũng như bầu lý-trưởng phó-lý, và thể-lệ bầu cũng theo như thể-lệ bầu lý-phó, nhưng phải có chánh-tổng làm tọa-chủ việc bầu. Nếu xã nào không có sự gì ngăn-trở muốn dùng cách lận-cử cũng được. Cách lận-cử nghĩa là cứ mỗi họ chọn ra một người hoặc nhiều người tùy theo số đinh mà chọn vào những hạng người đã kể trên này. Lúc lận-cử thời người trong họ phải làm đơn ký-kết, lý-trưởng hiệp-cự đệ-trình. Lúc công-cử hoặc lận-cử xong rồi, thời những người kỳ-mục đã được bầu chọn lấy trong số kỳ-mục ấy một người làm hội-trưởng tức là *tiên-chỉ*, một người phó hội-trưởng tức là *thứ-chỉ*, một người thủ-quĩ, một người thư-ký. Tòa hội-đồng kỳ-mục, *cứ 3 năm bầu lại một lần*. Lúc nào hội-đồng cũng có lý-trưởng dự vào. Còn như trong làng nếu có người chức-sắc đương tại-chức, mà làng muốn đặt làm tiên-chỉ thời cho đặt làm tiên-chỉ danh-dự. Tòa hội-đồng kỳ-mục lúc đương làm việc thời kỳ hội-đồng nào trưởng-hội, thủ-quĩ, thư-ký, nghị-viên, chỉ trừ khi có bệnh, còn hễ thiếu ai đến 3 kỳ không ra thời tước chức: duy lý-trưởng nhân có việc quan gì không ra thì thôi. Các viên hội-đồng ai đã mãn lệ 3 năm rồi, mà muốn làm nữa, tùy trong họ có thuận bầu thời làm, ai mãn lệ xin từ hay vì cớ gì mà khuyết, thời họ ấy kén người xứng-đáng mà bầu, nếu có người không biết suy-nhượng mà cố ý tranh-cạnh thời tòa hội-đồng cho bỏ phiếu công-cử, ai nhiều phiếu thời được làm. Những người đã được làm các chức-dịch trong tòa hội-đồng, là người đại-biểu trong dân, nếu ai không giữ-gìn bổn-phận mà làm càn làm bậy ở tòa hội-đồng, hoặc các việc can-hệ là việc riêng của mình, thời tự đấy về sau phải truất ra không được dự ngôi kỳ-mục bàn định gì nữa. Các chức-dịch trong tòa hội-đồng, mỗi một tháng hai lần ra hội-đồng trông nom các việc cho dân khỏi [illegible] thời dân biếu mỗi

một sào đất hoặc một sào ruộng, nếu không có thời thôi. Những người kỳ-mục trong tòa hội-đồng ấy thời việc dân việc quan phải gánh vác mà làm cả, còn như những người không dự vào chân hội-đồng ấy, thời không được dự gì vào việc quan. Những khi bàn luận trong hội-đồng cấm không ai được rượu chè to tiếng, đánh cãi nhau, người nào không tuân điều ấy thời truất không cho vào hội-đồng nữa. Những công việc công-ích riêng trong làng, mà bàn ở trong hội-đồng hễ việc gì số quá nữa hội-đồng thỏa-thuận thời thi-hành; đến như việc quan thời không cứ như thế, lúc nào hội-đồng bàn định việc gì thời giao lý-trưởng hoặc giao một người kỳ-mục trong hội-đồng ấy phải lập thành biên-bản ký-kết phân-minh. Các giấy-má sổ-sách của tòa hội-đồng và của làng, như là sổ đinh, sổ điền, sổ mục-lục, sổ sinh-tử giá-thú, vân vân, thời phải làm một cái tủ lim độ 20 đồng bạc để lưu tại đình mà tích-trữ cho khỏi thất-lạc, tủ ấy lý-trưởng phải giữ thìa-khóa trông nom.

2° — Sổ chi-thu

Xưa nay trong làng thu vào chi ra tiền bạc không được minh-bạch, hoặc lý-trưởng hoặc kỳ-mục lạm-thu tư-tiêu, cho nên trong làng hay sinh ra kiện-cáo, không có sổ sách gì làm bằng. Vả lại trong dân cũng có nhiều việc công-ích đáng làm, vì không có tiền công dự-bị trước, cho nên làng không khai-hóa được. Vậy nên lập sổ chi-thu cho phân-minh, lúc thu vào lúc tiêu ra phải có hội-đồng kỳ-mục cùng lý-trưởng bàn tính biên chép từng món cho rõ-ràng, cứ mỗi tháng hai kỳ là ngày mồng một ngày rằm, các viên tòa hội-đồng, hội ở đình để bàn việc công, tính toán số thu vào tiêu ra minh-bạch, và kiểm-điểm tiền công-quĩ cho đủ, phải lập tờ biên-bản hội tính, cả tòa hội-đồng ký-kết và niêm-yết cho dân biết. Hễ cuối năm thời hội cả kỳ-mục đồng-dân, tính sổ suốt năm xem số tiền thu vào tiêu ra còn thừa được bao nhiêu, làm sổ minh-bạch, rồi sẽ dựng sổ năm sau, mà số công-nhu phải liệu thu vào chi ra năm nào cũng phải để thừa ít tiền, không được tiêu quá, mà số thừa ấy phải để làm của trừ-tích trong dân, hay cho vay lấy lãi 3 phần để dành làm việc ích-lợi cho dân. Làng cho ai vay, thời người vay phải thế văn-tự ruộng đất nhà cửa, có lý-trưởng thị-thực, cả tòa hội-đồng ưng-thuận mới được. Người thủ-quĩ thời phải chọn người nào giầu-có cẩn-thận trong làng ra làm, trình quan phủ huyện bản-hạt duyệt-y mới được. Tòa hội-đồng có quyền kiểm-soát tiền bạc ở người thủ-quĩ giữ, hoặc một tháng hoặc hai tháng kiểm một lần, nếu người thủ-quĩ tư-tiêu, hoặc thất-thoát, thì hội-đồng bắt đền, nếu không chịu đền thời trình quan chiếu luật nghĩ-xử. Số tiền lợi cho vay trong 3 phần, thời hội-đồng trích ra một phần cho người thủ-quĩ làm tiền hoa-hồng. Mẫu sổ chi-tiêu thời đính theo sau sổ cải-lương này cho làng theo đấy mà làm.

3· — Việc học

Học là một việc rất quan-hệ cho sự khai-hóa, phàm làm người phải có học mới biết cương-thường luân-lý, nhân-nghĩa đạo-đức, mới biết lành điều ác làm điều lành, bỏ tục cũ theo thói mới, làm vinh cho cha mẹ, làm lợi cho quốc-dân; học mới biết mở mang trí khôn, cảnh-tỉnh lòng người, học để theo đòi các nước văn-minh, mở mặt cùng thế-giới, trước là vinh-hiển cho trong hương-thôn, sau được vẻ-vang cùng xã-hội.

Điều thứ nhất. -- Phàm trong xã-thôn ai có con trai từ 7 tuổi trở lên đến 13 tuổi, chỉ trừ người nào nghèo khổ quá không thể đi học được thì

thôi, còn những nhà hơi khá đủ ăn và giầu có, mà không cho con đi học, thời lý-trưởng xét rồi trình cùng tòa hội-đồng hiểu-cáo nhà ấy phải cho con đi học ; nếu đã hiểu-cáo trong 3 hôm, không có duyên-cớ gì quan-hệ, mà cũng không chịu cho con đi học, thời hội-đồng bắt khoán một đồng bạc; nếu đã bắt khoán rồi, mà vẫn không cho con đi học thời trong xã-thôn không ai ăn ngồi với nhà ấy nữa, và vị-thứ đình-trung thời hội-đồng truất đi. Nhà nào còn bố, thời trách-nhiệm ấy bố phải chịu ; nhà nào bố chết, thời người thay mặt bố như là anh hoặc bác chú, hoặc tộc-trưởng, hoặc mẹ phải chịu khoán lệ ấy. Nếu lý-trưởng không xét kỹ những nhà có con không cho đi học để trình tòa hội-đồng, ai giác ra thời lý-trưởng phải chịu khoán một đồng bạc về nỗi không xét kỹ và không trình ; những tiền bắt khoán ấy đều để vào công-quĩ.

Việc đi học thời phải đi học từ 7 tuổi đến 13 tuổi mới được thôi, nếu học ít năm, không có duyên-cớ gì quan-hệ mà bỏ học, thời cũng phải chịu khoán lệ như trên kia ; nếu sau 13 tuổi mà mình muốn học nữa thì hội-đồng sẽ lấy tiền công mà tùy thưởng, muốn học ở trong làng, học ở hàng tổng hay ở nơi khác cũng được.

Điều thứ hai. — Trong xã phải lấy tiền công, hoặc xin phép quyên tiền, hoặc bán vị-thứ, mà lập một trường học. Nhưng khi chưa có tiền thời cứ dạy ở đình. Trong xã có công-điền thời phải để ra từ 15 mẫu trở lên, hoặc 20, 30, 40, 50 mẫu, càng nhiều càng hay, để làm ruộng học-điền, cứ mỗi năm giao cho lý-trưởng cho thuê hoa-lợi, lấy tiền cấp lương cho thầy giáo và mua giấy bút cùng các đồ dùng về việc học; lý-trưởng mua gì cũng phải trình tòa hội-đồng minh-bạch. Nếu trong xã không có công-điền, thời trích tiền ma-chay, hội-hè, cheo cưới, khao vọng và các tục-lệ khác mà để dành một món tiền tự 150 $ trở lên, càng nhiều càng hay, để cấp lương cho thầy giáo, và chi-phí việc học, chi-phí gì lý-trưởng cũng phải trình tòa hội-đồng minh-bạch. Lúc nào khuyết thầy giáo, lý-trưởng phải liệu cách mà thay thầy giáo khác, không được để khuyết 15 hôm. Xã nào nhiều thôn thời cứ 6 tháng đổi chỗ ngồi dạy một thôn, thôn nào không có đình thời thôi. Còn làm tràng học thì lấy chỗ trung-độ mà làm : tràng học thì nên làm 3 phòng, mỗi phòng bề dài 5 thước tây, bề ngang 8 thước tây, hai phòng để dạy học, còn một phòng để làm thư-viện, trích tiền công mua hai cái tủ kính để đựng sách, và lại mua các thứ nhật-báo quốc-ngữ hoặc chữ nho chữ tây, các sách quốc-ngữ, sách nho sách tây cho nhiều, để cho học trò và người trong xã được xem, nhưng chỉ cho xem ở trong trường mà thôi, không được đem về nhà. Những cái tủ để các thứ nhật-báo và các thứ sách thời giao cho thầy giáo giữ thìa-khóa trông coi, thất-thoát thầy giáo phải đền, và mỗi năm tòa hội-đồng phải lấy một món tiền công-quĩ độ 20 $ trở lên để mua thêm sách cho nhiều. Còn như nhà tràng thời cắt một người cẩn-thận ở trong dân giữ tràng để trông nom quét giọn, mỗi năm dân cấp cho ít nhiều ruộng, hoặc không có ruộng thì lấy tiền công-quĩ cấp cho mỗi năm tự 20$ trở lên để làm lương. Làng chưa làm được nhà tràng, thời tủ sách tạm để ở đình, mà cũng giao cho thầy giáo trông nom. Còn như các đồ-đạc dùng ở trong nhà tràng nên mua những gì kê đại-khái ra như sau này :

Ghế ước 20 cái; bàn 20 cái, một cái bàn lớn, một cái ghế để thầy giáo ngồi, một cái bàn dài 4 thước tây, rộng [illegible] thước tây, và 4 cái ghế dài

để ngồi xem sách, một cái bảng đen lớn, một cái đèn tây lớn, một cái quạt kéo, hai cái bản-đồ.

Xét hiện-tình trong xã-thôn nhiều người không học, nên không biết luân-lý lễ-nghĩa, không mở-mang việc thương-mại công-nghệ, vậy tòa hội-đồng định cứ mỗi tuần lễ diễn-thuyết về mục văn-học, luân-lý, cách-trí, vệ-sinh, các khoa thương-mại công-nghệ cho dân làng nghe chóng được thông-hiểu, bài diễn-thuyết ấy thời thày giáo hoặc người nào trong làng cũng được đến diễn ; trước hôm diễn-thuyết, thời lý-trưởng phải cho mõ đao, cho dân đều biết để đến nghe, cứ mỗi tháng diễn 4 ngày, là ngày mồng một, mồng tám, ngày rằm, ngày hăm hai, tháng nào cũng y như thế.

4· Lớp học của kỳ-mục

Xét trong làng xưa nay có nhiều người kỳ-mục không có học-thức và ít am-hiểu việc quan, cho nên nhiều khi công việc trong làng không được chạy, phong-hóa không được duy-tân ; phần nhiều chỉ lo về đường tư-lợi mà không nghĩ đến việc công-ích cho dân, nên phong-tục tính-tình của người trong làng không tiến-hóa. Vậy nay làng lập ra một lớp học cho kỳ-mục để học cho biết cái phận-sự của mình đối với dân làng và thừa-tiếp cùng quan trên. Lớp học ấy cứ 3 ngày học một lần, học từ 4 giờ rưỡi cho đến 6 giờ rưỡi chiều thì thôi, xã nào có trường học thì học ngay ở nhà trường, xã nào không có trường thời học tại đình.

Việc dạy học thời giao cho thày-giáo dạy, hoặc tiên-chỉ trong làng có học-thức, hoặc người có khoa-mục kiến-thức dạy cũng được. Những bài dạy thì chọn những bài nói về việc cai-trị, luật-lệ, phong-tục, các công việc phải làm trong làng, về bổn-phận của các kỳ-mục và những [illegible] văn-chương, hoặc các khoa-học khác, như là việc buôn-bán, nghề-nghiệp, canh-nông, vệ-sinh, vân vân . . , những bài dạy ấy thì người dạy học làm ra, hoặc trích những bài hay ở trong các báo, hoặc trong các sách, hoặc xin quan sở-tại làm cho cũng được. Việc dạy học thì dùng cách diễn-thuyết mà giảng nghĩa minh-bạch cho các kỳ-mục nghe dễ hiểu. Lớp học này thì các kỳ-mục trong hội-đồng và lý-trưởng phó-lý đều phải học. nếu ai không học thì làng bắt khoán lần thứ nhất 1$00, nếu đã nộp khoán mà cũng không chịu học, thì làng tước đi không cho làm kỳ-mục nữa; cứ đến cuối năm phải thi, người nào học giỏi nhất thì làng lấy tiền công-quĩ thưởng 5$00 và năm vuông nhiễu điều, người nào hay thiếu mặt đến học thì làng bắt khoán 2$00 nộp vào công-quĩ. Lớp học này cốt để dạy các kỳ-mục trong hội-đồng và lý-trưởng phó-lý. Nhưng mà các kỳ-mục cựu khác, hoặc dân-đinh trong làng ai muốn đến học cũng được. Còn về người dạy học lớp ấy thì làng trích ra mỗi năm một mẫu ruộng công để biếu, nếu không có ruộng công thì lấy 10$00 của công-quĩ mà biếu cũng được.

5· — Giá-thú và lệ lan-nhai

Xét tục lấy vợ chồng ở trong dân, xưa nay không có nhất-định, phần nhiều người lấy nhau sớm quá, đến khi sinh-dục, khí-huyết không đủ, nên người mẹ và đứa con hay ốm đau, yếu đuối, thực là thiệt-hại cho nòi giống. Vả lại lấy nhau sớm thời hai bên chưa có tình yêu nhau, nên sau hay sinh ra sự ghét bỏ. Lại còn một cái tệ nữa là nhiều người chưa có nghề nghiệp, hoặc công-việc chức-phận gì, hoặc không chọn nhà tử-tế và đức-hạnh mà lấy nhau, nên đến khi ăn ở cùng nhau không đủ kế sinh-nhai và không biết lễ-nghĩa mà cư-xử cùng nhau, nên trong gia-đình hay sinh ra lắm việc bối-rối, không được hòa-

thuận. Vậy từ nay làng định lệ trai từ 18 tuổi, gái từ 16 tuổi trở lên thời mới được lấy nhau, nếu trái lệ ấy thời tòa hội-đồng bắt khoán bố mẹ hai bên, nhà giầu thời mỗi bên 10$00, nhà khá-giả thời mỗi bên 5$00, nhà nghèo thời mỗi bên 2$00 để vào công-quĩ; nếu bố mẹ chết cả, thời người chủ-hôn phải nộp tiền khoán ấy. Lại phải chiếu theo tục dân mà nộp lan-nhai, và trình lý-trưởng trước-bạ. Còn như con trai con gái đã đến tuổi, lệ được lấy nhau, thời phải biện 100 miếng trầu mời tiên-chỉ, còn tự thứ-chỉ đến tòa hội-đồng và chánh phó-lý đương-thứ, kỳ-cựu xã-tuần mỗi người bốn miếng để ra chứng-kiến. Nhà giầu thời phải biện một quan hai tiền, nhà khá-giả phải biện 6 tiền, nhà nghèo phải biện 3 tiền, người biệt-quán thời phải gấp hai, nộp vào công-quĩ, mà lấy biên-lai, rồi trình lý trưởng vào bạ giá-thú; còn như bữa rượu mời dân, nhà giầu trích ra 20$, nhà khá trích ra 10$ để vào công-quĩ, không phải làm rượu.

6· — Lập hội nghĩa-xương

Khi quan trên đã duyệt-y sổ này rồi thì làng xin phép lập một hội nghĩa-xương, để phòng khi lụt hạn đói, thiếu sưu thuế, cần cấp mà cứu giúp lẫn cho nhau; hội ấy thể-lệ kê ra sau này.

Phàm người trong dân bất cứ giầu nghèo ai muốn vào hội cũng được, và số người vào hội thời không định hạn bao nhiêu người; lúc mới vào, mỗi một cổ-phần tháng đầu phải đóng 5 thùng thóc, mỗi thùng là 36 bát đàn thóc, mỗi người muốn đóng một phần hoặc bao nhiêu phần cũng được; tự tháng thứ hai trở đi, cứ mỗi tháng mỗi phần phải đóng một thùng thóc, nếu ai bỏ không đóng thì mất chân hội. Thóc ấy đong và giao cho một người thủ-quĩ trong hội chọn ra, mà người thủ-quĩ ấy phải chọn người giầu-có cẩn-thận ở trong làng để giữ thóc, nếu thất-thoát thì người thủ-quĩ phải đền. Còn lệ cho vay thời phải theo quốc-lệ, mà người đi vay phải làm văn-tự cố nhà đất vườn ruộng làm bằng, nhưng mà người có chân-hội đi vay, chỉ vay đúng vào số thóc của mình đã đóng cho hội thời không cần phải cố nhà đất vườn ruộng, chỉ phải viết văn-tự vay mà thôi; quyền cho vay thời phải có hội-đồng trị-sự của hội ấy quyết-định, hội-đồng trị-sự ấy thời do người trong hội chọn ra 10 người làm trị-sự. Văn-tự vay thì giao cho thủ-quĩ giữ lấy, đến như thóc lãi trong 3 phần, cho người thủ-quĩ 1 phần làm hoa-hồng. Trong hội-đồng trị-sự phải chọn một ông chánh-chủ-hội, một ông phó chủ-hội và một ông thư-ký để biên chép sổ sách. Lệ cho vay hạn 6 tháng phải trả, bất-cứ người trong hội hoặc người ngoài cũng được phép vay, nhưng hội-đồng chỉ được phép cho vay một nửa số thóc của hội, còn một nửa thì phải để dành tại nhà người thủ-quĩ, để phòng khi hoạn-nạn mà cứu giúp cho người trong hội. Phàm lúc họp hội thời họp tại đình, chỉ được phép bàn việc trong hội mà thôi, còn như các việc quan khác thời cấm không được bàn, và những lúc đại hội-đồng thời phải trình lý-trưởng biết.

7· — Việc Cảnh-sát

Việc cảnh-sát rất là quan-hệ cho dân, trong làng muốn được yên-ổn và có trật-tự thời phải có tuần-đinh lý-dịch xem xét cẩm-phòng cũng như ở các tỉnh có sen-đầm phú-lít để phòng giữ trộm cắp, cấm-chấp những việc phi-pháp, như là việc cờ bạc, rượu lậu, đánh nhau, cãi nhau, say rượu, chửi bới, rầm-rĩ to tiếng, v. v. và trông nom việc vệ-sinh chung, việc vệ-sinh riêng trong dân; đốc-suất quét giọn các đường-sá cho sạch-sẽ; những việc ấy đều là phần việc cảnh-sát

Khi cắt tuần thời tòa hội-đồng với lý-dịch phải hội nhau mà cắt những người các thôn, hoặc các khu, các xóm, các giáp, nhiều người thì chịu nhiều, ít người thì chịu ít, nhưng phải chọn những người mạnh khỏe, tùy theo xã lớn nhỏ mà đặt số tuần, từ 10 người trở lên, và có người đốc-suất, như là phó-lý, hoặc hương-trưởng, trương-tuần, vân vân, rồi kê tên vào danh-sách, lấy chữ ký-điểm, lý-trưởng đệ danh-sách và dẫn tuần lên quan trình thực. Xong rồi phải cắt một mạn canh phòng ở trong dân làng, một mạn tuần phòng ở ngoài đồng-điền cho được ninh-thiếp. Những ruộng đất ở ngoài đồng thời không cứ là ruộng mạ, ruộng lúa, ruộng trồng hoa mầu gì, đều cho lấy tiền sương mỗi một sào là 3 su, người phụ-canh thời mỗi một sào 4 su; nếu tuần-phòng không cẩn-thận, để mất lúa mạ ngô đậu hoa mầu, vân vân, thời phải chiếu giá mà đền, hễ quá 3 ngày chưa đền, để người điền-chủ phải trình đến tòa hội-đồng và lý-dịch, thời bắt khoán mạn tuần ấy mỗi người 3 hào nộp vào công-quĩ, rồi cũng phải chịu mà đền cho xong. Những người điền-chủ khi nào trỏ mạ gặt lúa hay là lấy ngô đậu, v. v. thời phải tường cho tuần biết để thu lấy điền-sương; nếu những hoa mầu ấy thu lấy chưa hết, còn để ở ruộng, thời người điền-chủ cũng phải nói cho tuần biết, để tuần coi giữ. Còn mạn canh phòng ở trong dân làng, và trông nom ngoài chợ, khi nào thấy người say rượu hoặc to tiếng ầm-ỹ, đánh cãi nhau ở đường, hoặc ở chợ thời tuần phải can ngăn cấm-chấp, nếu người ta không nghe, thời tường kỳ-lý làm biên-bản, trình quan chiếu luật vi-cảnh nghiêm-trị, và làng lại bắt khoán người phạm-pháp ấy mỗi người 0$50 để vào công-quĩ. Những người tuần ấy lại phải [illegible] sang đê-điều cầu-cống [illegible] dân, thời cho thu tiền nóc nhà, nhà gạch mỗi nóc 0$50, nhà gỗ mỗi nóc 0$30, nhà tre mỗi nóc 0$10, trâu bò mỗi con 0$30; còn như trâu bò tạm-trú, hay là thuê mà để trong nhà thời cứ mỗi tối 0$03; như trong làng ai mới tậu trâu bò hay là bán gửi thời phải trình lý-dịch và tuần để xét thực. Còn như nhà nào có khách hay là người lạ cũng phải trình cho có phép. Đến như người nào tranh khí đánh nhau, thời đánh hiệu mõ 3 hồi 9 tiếng, để tuần đi cứu. Còn lệ tuần cứ bắt khoán hai bên mỗi người 0$50, những người ở ngoài mà đánh hội thời bắt khoán mỗi người 0$40, những tiền ấy để cho tuần chi biện, còn sự phải trái thời đã có quyền quan phân-xử. Suốt năm mà trong làng được bình an, không thất-thoát vật gì, thời tòa hội-đồng lấy tiền công-quĩ thưởng lớp tuần ấy mỗi người 1$00, nhược bằng trễ biếng không chăm việc tuần-phòng đến nỗi thất thác trâu bò thời chiếu y thời-giá, tuần phải đền một nửa, còn nhà tài-chủ phải chịu một nửa, nhược ai thất-thác gà lợn v. v. thời tuần phải đền cả. Song như ai mà thất-thác vật gì, phải xem xét có hình-tích gì không; còn ai mua bán vật gì cũng nên nói cho tuần biết, nếu ai không tuân phép, hễ tuần trình với tiên-chỉ và lý-trưởng, thời tòa hội-đồng bắt khoán 0$20. Còn việc trông nom ngoài đồng, tuần phải cắt lượt nhau, mỗi ngày 2 người, để coi giữ nước-non, khi gieo mạ, khi cấy lúa, lúc nào cũng phải giữ nước điều-hòa, để cho cấy cấy tiện-lợi, nếu ai để mất nước cánh nào mà đồng khô cạn; cấy cấy không được, thời tòa hội-đồng bắt khoán người coi ấy 1$00 để vào công-quĩ. Ai có lợn ngựa trâu bò để ra ăn lúa và phá bẫn ngoài đê đường, thời bắt khoán người ấy 0$20, cho tuần 0$10, còn 0$10 sung vào công-quĩ; trâu bò nào thả dong ra phá hại

mẫu vật của người ta, thời lần thứ nhất khoán 0$10, đến lần thứ hai còn cứ thế thời bắt 0$20, nhưng bất cứ vật gì hễ để phá hai mẫu vật gì của người ta, thời phải lấy mẫu vật ấy y giá mà đền. Người nào có lòng tham mà trọc nước hay vạt đường của làng, thời bắt lấy mà trình tòa hội-đồng phân-giải, không xong thì trình quan. Còn như việc đóng chợ thời cấm không được họp trên đê trên đường và những đồ vật thóc gạo rơm rạ, vân vân, hễ cứ vật gì đều cấm không được để ở trên đê đường, nếu ai không tuân thời làng bắt khoán 0$50 để vào công-quĩ.

8° — Các việc công

Các việc công trong dân, việc lớn việc nhỏ đều do tòa hội-đồng bàn định xem sửa, nhưng phải cứ các viên trong tòa hội-đồng mỗi viên chuyên chủ một việc, như viên trưởng hội đứng đầu tòa hội-đồng, chủ việc sổ công-thu công-tiêu, và xem xét bàn định các việc công cùng các sổ-sách trong dân ; viên thủ-quĩ chủ việc giữ gìn và thu vào phát ra các số tiền công-quĩ ; viên thư-ký chủ việc biên-chép số thu vào phát ra và các sổ-sách trong dân ; tiên thứ-chỉ, chánh phó-lý trưởng chuyên việc đi khai báo và lo sửa các việc quan ; lý-trưởng và một người hội-viên chủ việc đinh điền thuế lệ và sổ sinh-tử-giá-thú ; phó-lý xã-tuần hoặc hương-trưởng trương-tuần chủ việc tuần-phòng và phải hiệp với các nghị-viên làm các việc công ; một người nghị-viên chủ việc vệ-sinh khám xét nhà cửa, đường ngõ, giếng ao, bắt những người gần đấy quét giọn sạch sẽ, còn như nơi xa người bảo trưởng xóm bắt những người chưa mua nhiêu phải cắt lượt mà quét giọn, ai không làm bắt khoán 0$10 để vào công-quĩ ; một người nghị-viên chủ việc làm đê đường cầu cống ; một người nghị-viên chủ việc tế-tự ; mỗi người chủ mỗi việc, như thế để cho chuyên-trách, phàm có việc gì thời chủ việc ấy phải xem xét, nên thế nào thời trình tòa hội-đồng bàn định, còn như phí tổn gì, thời tòa hội-đồng lấy tiền công-quĩ chi biện.

9° — Việc bổ thu sưu-thuế

Bổ thuế và thu thuế, hễ lý-trưởng lĩnh chỉ-bài về, đem trình tòa hội-đồng để định ngày hội-bổ, đến ngày hội-bổ thời lý-trưởng phải thông-báo tòa hội-đồng và đồng-dân thượng hạ các giòng, chiếu sổ bạc trong chỉ-bài, đinh-sưu điền-thổ thị-độ thuế, và cho lý-trưởng 50$00 là tiền đồng-niên làm việc quan cho dân, cũng như tiền lương, tính các khoản đã kê trên này, hết bao nhiêu tiền, đồng-dân cứ theo sổ đinh điền thổ mà bổ, lập thành bài-sổ ký-kết trình quan, niêm-yết công-điếm cho dân biết ; nhưng đinh ngày nào thu, lý-trưởng và một người nghị-viên chủ việc đinh điền phải yết-thị trước 7 ngày rằng ngày nào thời đem nộp và lấy biên-lai lý-trưởng làm bằng, nếu lý-trưởng không phát biên-lai thời không nộp tiền, nếu đến ngày lý-trưởng đã yết cho mà không mang tiền nộp cho lý-trưởng, thời lý-trưởng kê sổ người không nộp trình tòa hội-đồng mà làm giấy lấy tiền công-quĩ hoặc tha-thải lấy tiền mang nộp, còn số tiền thiếu ấy giao tòa hội-đồng chiếu sổ cứ tính từng ngày để chậm mỗi một ngày thời mỗi đồng bạc phải lãi 3 su, người nào không chịu thì trình quan mà cắm lấy nhà đất ruộng nương, và xin quan làm tội ; còn như ruộng kỵ-điền các giáp và ruộng tư-văn các xóm thời các lềnh thu lấy giao lý-trưởng đi nộp.

10° — Biên sổ sinh-tử giá-thú

Sổ sinh-tử giá-thú giao người nghị-viên chủ việc và lý-trưởng biên kỹ, cứ mỗi thang mồng một ngày rằm đ[illegible] tòa hội-đồng trong làng

sinh, hay tử, hay giá-thú phải ra trước-bạ, không phải mất gì, hễ ai ẩn-lậu không khai, phải cho gọi, thời tòa hội-đồng bắt khoản 0$10 để vào công-quĩ, nếu nhất-định không khai thời trình quan nghĩ phạt.

11° — Tục-lệ xin làm lý-trưởng, phó-lý, xã-tuần

Lý-trưởng, phó-lý, xã tuần, lúc đương làm việc thời vào tòa hội-đồng lo sửa các việc trong dân, ai làm mãn lệ 6 năm hay quá lệ từ-dịch, thời được ngồi kỳ-mục, nếu ai phải cách bãi hoặc can án thời không được làm kỳ-mục nữa. Còn việc bầu cử lý-trưởng phó-lý theo y lệ Nhà-nước định, nhưng khi có giấy sức khuyết sau 3 ngày tòa hội-đồng cho thông-báo nhân-dân, ai muốn làm thì trình tòa hội-đồng biết. Hễ bầu xong rồi, kể từ ngày bảo-cử đến ngày lĩnh bằng, kỳ-mục đi lại khai-báo phí-tổn bao nhiêu thời người ra làm phải chịu, nhưng mỗi ngày mỗi người chỉ được số 0$30 mà thôi, khi đã thành-danh rồi, phải chiếu lệ mà nộp khao-vọng. Còn như xã-tuần trưởng xóm, đồng dân âm-bảo, hễ có đơn dân thời cũng phải nộp khao vọng. Như bữa rượu mời dân và những người đi đầu-phiếu trước ngày công-cử thời chước đi, xã lớn thời lý-trưởng trích lấy 30 $, phó-lý trích lấy 15$, xã trung thời lý-trưởng trích lấy 20$, phó-lý trích lấy 10 $, xã nhỏ thời lý-trưởng trích lấy 10$, phó-lý trích lấy 5$ nộp vào công-quĩ.

12° — Ngôi thứ tiên-thứ-chỉ kỳ-mục

Tiên-thứ-chỉ và kỳ-mục là những người tiêu-biểu trong dân, thời các viên khoa-mục chức-sắc miễn-sai khi đã tại-quán và chánh phó-tổng cựu, chánh-phó lý-dịch làm việc mãn sáu năm, đều là kỳ-mục, thời chức tiên-thứ-chỉ kén ở trong giòng kỳ-mục bầu một người tiêu-chỉ, một người thứ-chỉ, ấy là người chỉ làm đầu giấy kết việc quan ; còn như chánh-phó lý-[illegible] ai làm mãn sáu năm [illegible] từ-dịch, thời được ngồi kỳ-mục ngay, không mất gì. Những kỳ-mục biết việc quan thời chỉ những người có tên vào tòa hội-đồng kỳ-mục mới được đi lại khai-báo việc quan, còn kỳ-mục khác không có chân hội-đồng kỳ-mục, thời không được dự việc quan, ai trái lệ ấy thời làng bắt khoản một 1$00 để vào công-quĩ và trình quan xét nghĩ ; hễ ai muốn nộp bạc ấy, thời được dự giòng kỳ-mục, không thời thôi chớ không bắt ép. Còn người chánh phó lý nào phải cách thời truất xuống tráng-hạng.

13° — Sửa sang đê đường cầu cống

Việc đê đường cầu cống, thời phải giao cho một nghị-viên chuyên chủ, cùng chánh phó-lý tuần trông nom đốc vát. Nguyên trước hễ làm đê đường cầu cống nào, thời dân bỗ bán thuê đắp, đóng góp lôi thôi, hay chia mỗi suất đinh đắp một phần, hoặc chia về ruộng, như thế thời khi đi đắp, kẻ nọ đợi người kia, việc đã chậm trễ, đốc vát khó nhọc, mà đê đường không được tốt ; nay đồng-dân thuận bàn để ruộng năm mẫu chỗ thuê mỗi năm được bao nhiêu tiền để vào công-quĩ, hễ khi nào giấy sức đắp đê đường nào hai viên chủ việc sức làm cầu cống đường ngõ nào, thời tòa hội-đồng trù-tính định-giá cho thông-báo và yết-thị cho dân biết, ai có thể đấu khoán được thời lấy tiền công-quĩ thuê cho làm, nhưng phải làm giấy giao kèo, tiền thuê thời giao làm ba lần, viên chủ việc và chánh phó-lý xã-tuần biên lĩnh phát dần cho người đấu khoán nhận mà đốc-vát, làm cho y-thức. Còn những đường-sá trong làng chỗ nào khuyết-liệt, thời phó-lý trương-tuần và tuần-tráng phải sửa sang lại và phải thường quét giọn cho sách sẽ. Những cầu cống ở trong xã chỗ nào nát bỏng, thời phó-lý đốc trương-tuần hương-trưởng phải trình dân mà làm ngay,

nếu mà phó-lý hoặc trương-tuần hương-trưởng tuần-tráng không trông nom sửa sang thời tòa hội-đồng bắt khoản mỗi người 0$50 để vào công-quĩ.

14° — Làm sổ đinh điền

Phàm trong làng công-điền, công-thổ, hậu-điền, thần-điền, phật-điền, thời phải theo sổ Gia-long mà biên chép và làm sổ quân-cấp đồng-dân cho công-bằng, lấy chữ ký-lý dân-đinh ký-kết, cứ 3 năm làm lại một lần. Làng phải nên trích ra một khoản học-điền từ 15 mẫu trở lên để cho thuê lấy lợi nuôi thày dạy học công-dân. Từ nay về sau ai cầm bán thời hai bên đến trình lý-trưởng áp-triện và người nghị-viên chủ việc đinh điền vào sổ phân-minh, những người mua phải biện tiền giấy bút mỗi chục bạc là 0 $ 40, mà tiền ấy chia làm 5 phần, lý-trưởng 4 phần, người nghị-viên chủ việc đinh-điền 1 phần, không được lấy hơn, làm rành mạch như thế để bổ thu thuế cho khỏi hàm-hồn; nhưng 3 năm lại phải dựng sổ điền-tử một lần, kỳ-lý điền-hộ ký-kết, mà sổ cũ để lưu công-tòa phòng khi cứu xét. Còn như sổ đinh giao nghị-viên chủ việc đinh-điền và lý-trưởng xét suất đinh nam phụ lão ấu, lập thành một quyển sổ mục-lục, kê số tuổi những người nam phụ lão ấu ấy, có chữ kỳ-lý ký-kết, cứ 3 năm làm lại một lần. Mỗi năm làm sổ nam-đinh danh-sách, thời phải chiếu trong sổ nam-phụ lão-ấu ấy mà làm, còn như các sổ cũ lưu lại ở tòa hội-đồng phòng khi cứu xét. Những ruộng đất công để ra làm những việc gì kê ra sau này: Để ruộng tế-tự 3 mẫu, đồng-dân cho đấu-giá để vào công-quĩ, phàm trong một năm tế-tự việc gì, thời lấy tiền ấy mà chi-biện không phải đóng góp gì nữa. Để ruộng công-nhu công-tiêu 6 mẫu, dân cho đấu-giá để vào công-quĩ, đồng-dân chi tiêu quanh năm. Để ruộng đê đường 6 mẫu, ruộng ấy đồng-dân cho đấu-giá để vào công-quĩ, khi nào có đắp đê đường cầu cống nào sẽ lấy tiền ấy mà chi biện. Để ruộng thủ-tự 3 mẫu là ruộng hương-đăng quanh năm; để đất ngoại đê 1 sào, để ruộng 1 mẫu 5 sào giao cho nhà chùa việc thượng-nguyên, chuyên biện giấy-sớ mũ-mã các việc vặt, dân chỉ biện xôi gà mà thôi. Để ruộng học 15 mẫu là ruộng để mời một thày giáo ngồi công-đinh hoặc trường học công của làng bảo cho trẻ học. Để ruộng lính 36 mẫu, hễ tên nào đi thời dân cấp cho 3 mẫu, còn thừa dân đấu-giá để vào công-quĩ, đến sau có tên nào đi lính thì lại cấp cho 3 mẫu. Để ruộng biếu các chức trong tòa hội-đồng 1 mẫu 2 sào, mỗi viên 1 sào. Để ruộng cho lý-trưởng bút-chỉ 5 sào và 3 mẫu để quanh năm khai báo việc vặt. Để ruộng cho phó-lý 3 sào bút-chỉ. Để ruộng cho xã-tuần 1 sào, cho trưởng xóm 6 sào, mỗi người 1 sào. Để ruộng tư-văn 2 mẫu, là ruộng quan-viên xuân thu nhị-tế chi-biện, không được lấy tiền công-quĩ mà tiêu. Để ruộng tổng-sư trạm-tráng 3 mẫu, dân cho đấu-giá để vào công-quĩ, hễ khi nào có giấy sức nộp tiền ấy, thời lấy tiền ruộng ấy mà nộp, không phải bổ bán gì nữa. Để ruộng tráng-đê 1 mẫu là để cho người nào làm tráng-đê phải quanh năm trông nom sửa sang việc đê. Hợp cộng để ruộng đất các khoản hết bao nhiêu, còn bao nhiêu để chia cho dân cầy cấy, đóng góp sưu thuế. Như dân đinh có muốn đem phần-canh của mình bán đi một vài trương, thời người mua người bán cùng phải làm giấy trình tòa hội-đồng chứng-thực cho khỏi bán 2 chủ tranh nhau, nhưng tòa hội-đồng không có lấy tiền.

15° — Việc xâm-chiếm

Tư-điền châu-thổ của dân, đồng-dân đã có sổ điền-tử, sổ quân-cấp phân-minh, bốn bên bờ hạn làm rộ[illegible] từ nay về sau, ai mà th[illegible]

tâm đào bở lấn cõi, để người ta phải trình tòa hội-đồng khất đạc, khi đạc mà thừa bao nhiêu thời phải trả lại người ta, mà phí-tổn bao nhiêu thời mình phải chịu. Còn như phá-hủy tha-ma thổ-phụ, lậu số của dân, thời dân bắt khoán 2$00 để vào công-quĩ. Lại hoặc như dân có đắp đường hay khai cừ phải ruộng của ai thời dân chịu chiếu giá tiền ruộng mỗi sào 10 quan.

16° — Thế lính và cấp điền

Phàm việc thế lính thời phải chiếu theo sổ đinh y lệ Nhà-nước mà điền-thế, khi thế tên lính thời phải chọn người mạnh khỏe, không can án can khoản, tinh-hạnh thuần-cẩn, đã trúng tuyển thời theo nghị Nhà-nước cấp tiền hay cấp ruộng đất, nhưng ruộng đất từ 3 mẫu trở xuống, chớ không được quá 3 mẫu, còn tiền thời từ 250 quan trở xuống, không được quá số ấy.

17° — Việc tế-tự

Phàm các lễ lớn như lễ xuân thu nhị kỳ tức là lễ đại kỳ-phúc, thời chỉ làm trong một ngày mà thôi, tế-vật thời xã lớn xã trung chỉ được phép làm một con bò, xã nhỏ chỉ được làm một con lợn; còn như ngày yết-tế xưa nay tục dân người đương-cai phải biện xôi lợn cơm rượu để dân ăn uống, bày giờ xã lớn trích lấy 20$00, xã nhỏ trích lấy 10$00 nộp vào công-quĩ để khấu trừ bữa ăn uống ấy đi. Còn các lễ khác, bất cứ lễ gì mà xưa nay có lệ đương-cai phải biện lễ, hay là bổ tiền dân để mua lễ thời nên làm xôi gà phù tửu, xã lớn thời giá 5$00, xã nhỏ thời giá 3$00 để làm lễ. Còn bữa rượu đương-cai, lớn thời trích ra 50$00, nhỏ thời trích ra 10$ nộp vào công-quĩ, người đương-cai không phải làm rượu cho dân ăn uống nữa. Đến như lễ kỳ-an, lễ sinh-nhật hóa-nhật các vị thần thanh, lễ [illegible] Trung-nguyên, lễ thường [illegible] hội, lễ thượng-điền hạ-điền và các lễ khác, vân vân, xưa nay tục dân vẫn cúng tế ăn uống phí-tổn nhiều, thời nay nên định các lễ ấy mỗi lễ 13$00, nhưng chỉ mua xôi gà phù tửu giá 3$00 để làm lễ, còn 10$00 để nộp vào công-quĩ. Duy có lễ mở hội là lớn hơn cả, xưa nay dân trù-định lễ ấy vẫn hết nhiều thời bây giờ cũng nên trù-định số 100 $, nhưng chỉ cho mua lễ vật và chi-tiêu hết 50$ để tế-tự ăn uống chơi bời trong 1 ngày mà thôi, còn 50$ để vào công-quĩ. Còn những lễ xoàng 1 người hoặc 5,7 người phải đứng ra làm cho dân, như là ẩm-tửu yến-lão, bữa rượu trả bữa, bữa rượu mua hậu, bữa rượu hành-táng tức là đưa ma, những bữa ấy, thời nay bắt người đương-sự nên dụng phù-tửu trình dân mà thôi, và cứ trích mỗi bữa rượu đó, nhà giầu thời nộp 30$, nhà khá-giả nộp 20$ để vào công-quĩ; còn như tiền người mua hậu thời phải để vào công-quĩ, không ai được tiêu riêng.

18° — Khao-vọng

Trong làng ai làm nên khoa-mục, chức-sắc văn-vũ, từ tòng cửu-phẩm trở lên, hay là chánh phó-tổng v. v. thời phải biện cau tươi 100 quả, hay là cau khô 400 miếng và 2 chai rượu đem lễ thần rồi kính dân; lại phải biện 20 $ 00 để vào công-quĩ mà lấy biên-lai thời không phải làm rượu khao nữa. Còn từ chánh phó lý, cai-binh, đội-trưởng, ngũ-trưởng, hương-trưởng, xã-tuần, trương-tuần, phần-thu, khán-trưởng xóm, và tất cả các vị-thứ khác ở trong dân thời cũng phải biện cau tươi 100 quả hay cau khô 400 miếng, 2 chai rượu đem lễ thần rồi kính dân, lại phải biện 10 $ để vào công-quĩ mà lấy biên-lai, chớ không phải biện gì nữa.

19° — Lên lão

Trong làng ai đến 55 tuổi, thời cứ đến ngày mồng 8 tháng 2 phải biện lễ

vàng hương nến pháo và một cỗ xôi, một con gà, 300 miếng cau khô, 2 chai rượu, đem ra lễ thần rồi kính dân, rồi người giầu phải biện 5 $. người nghèo biện 2 $ để vào công-quĩ mà lấy biên-lai; còn như lệ vọng vào hội-lão thời lại phải biện 1 $, 100 miếng cau, 1 chai rượu nộp vào hội lão chớ không phải gì nữa. Từ đấy mà lên 60, 70, 80 90, 100 tuổi v. v. thời mỗi năm chỉ phải biện 100 miếng giầu lễ thần rồi kính dân, để dân biết rằng người ấy đã đến cõi ấy mà thôi. Còn như lệ mua nhiêu mua xã trong làng, thời ai ai đã đến tuổi việc quan, nếu mà muốn mua, thời lệ mua nhiêu mua xã chỉ phải biện 6 $ để vào công-quĩ mà lấy biên-lai; chớ không mất gì, nếu ai không mua lệ ấy, thời phải chịu tạp-dịch và canh phòng ở trong hàng xã.

20° — Vào hương-ẩm cho trẻ mới đẻ

Phàm trẻ con trong làng mới đẻ, hẹn trong một tháng thời bố mẹ nó phải trình tòa hội-đồng vào sổ hương-ẩm, nhà giầu thời nộp 1 $ 00, nhà nghèo thời nộp 0 $ 30 để vào công-quĩ, chớ không phải biện lễ vật rượu chè gì nữa, nếu trong một tháng mà bố mẹ không khai thời tòa hội-đồng bắt khoán nhà giầu 2 $ 00 nhà nghèo 0 $60.

21° — Tục-lệ làm ma

Xưa nay trong làng ai cũng lấy việc hiếu làm trọng, mà chữ hiếu nghĩa là hiếu chung, như ngày trước ai làm ma thời phải biện lễ yết thần rồi kính dân, xôi lợn trâu rượu phí-tổn đến độ 25 $ trở lên, còn như sự ăn uống ở nhà thời mời hết quan-viên hàng-giáp, hàng-xóm, các già và họ đương, ăn uống có phần, có người đến 5, 7 phần, như thế lấy làm nặng quá ; cũng có người khi cha mẹ mất, nhà thời nghèo, sức không đủ, cũng gắng gượng mà theo đòi rồi đi tha tạm để mà theo đòi người ta gọi là một tí, khi xong việc rồi không trả được cái tha tạm ấy, đến điều cầm bán gia-sản, đòi hỏi lôi-thôi, sinh ra cãi chửi, hoặc không trả được lại phải tù nợ, như thế hiếu chẳng thấy báo, kính chẳng bõ phiền, thực là thất hiếu cùng cha mẹ, để lụy đến bản-thân. Từ nay về sau, phàm có đám ma thời đưa ma và ăn uống phải tuân theo chỉ-dụ ngày 11 tháng 12 năm Khải-định thứ tư đã lục sức cho lý-trưởng sao yết ở đình, nếu người nào không tuân thời lý-trưởng phải trình quan chiếu luật vi-chỉ nghĩ trị.

22° — Cải-táng

Trong làng ai có việc cải-táng, thời phải làm đơn tường với lý-trưởng, đóng triện nhận thực, đem đi xin phép, hễ quan chuẩn-y thời về tường với lý-trưởng mà làm ; nếu ai không tuân, thời dân bắt khoán 1 $00 nộp vào công-quĩ. Còn như người đề trộm ai giác-xuất thời dân bắt khoán người đề trộm ấy 1 $50, để vào công-quĩ 1 $00, còn 0 $50 thưởng cho người giác-xuất ấy. Đến như người làng khác, ai có cất đề thời phải trình lý-trưởng và nộp 5 $00 vào công-quĩ, nếu người nào đề trộm mà dân trích được, hoặc người ta giác-xuất thời dân tiêu cái mả ấy mà trình quan.

23° — Thứ-vị và lệ biếu

Phàm thứ-vị lệ biếu phải theo tục dân, nhưng cũng phải theo thứ-tự phẩm-hàm chức-phận mà ngồi mà biếu cho phân-minh, để khỏi sinh ra kiện-cáo. Lệ ngồi trên dưới và được biếu những gì, kê ra sau này, làng cứ thế mà theo, ai trái lệ ngồi và lệ biếu kê sau này, thời tòa hội-đồng bắt khoán 1 $ 00 để vào công-quĩ, nếu còn không tuân trình quan nghĩ-xử, dân đi lại khai-báo phí-tổn thời người [illegible] phải chịu. Lệ định chỗ ăn ngồ[illegible] này :

Thí-dụ : Thứ 1) Các người chức-sắc tùy theo phẩm-hàm cao thấp mà ngồi trên dưới, như có khoa-mục tiến-sĩ thời ngồi trên chức chính-thất-phẩm, phó-bảng thời ngồi trên tòng-thất-phẩm, cử-nhân thời ngồi trên chính-bát-phẩm, tú-tài ngồi trên chính-cửu-phẩm ; nếu nhiều người mà phẩm-hàm bằng nhau, thời ai cao tuổi ngồi trên, nếu tuổi bằng nhau, thời ai đỗ trước hay được hàm trước ngồi trên. Chánh phó tổng đương-thứ và cựu, chưa có phẩm-hàm thời ngồi dưới chính-cửu-phẩm văn-giai và chính-cửu-phẩm bá-hộ, mà trên tòng-cửu-phẩm bá-hộ, tiên-chỉ không có phẩm-hàm thời ngồi dưới tòng-cửu-phẩm bá-hộ.

Thứ 2) Những người tòng-sự quan tây và quan nam chưa có phẩm-hàm và những người có văn-bằng tốt-nghiệp cao-đẳng trung-đẳng tân-học, những hạng người ấy ai cao tuổi ngồi trên.

Thứ 3) Thứ-chỉ.

Thứ 4) Lý-trưởng đương-thứ.

Thứ 5) Các kỳ-mục tòa hội-đồng cứ theo thứ-tự trong sổ danh-sách kỳ-mục mà ngồi trên dưới.

Thứ 6) Lý-trưởng cựu, nhất nhị trường, khóa-sinh, và những người có văn-bằng tốt-nghiệp sơ-đẳng tân-học và tuyển-sinh.

Thứ 7) Phó-lý đương-thứ.

Thứ 8) Các hạng đội-trưởng khố-đỏ, khố-xanh, lính tuần-kiểm, lính thủy, lính thợ, lính cơ, lính kiểm-lâm, lính thương-chánh, lính nhà-thương, lính lệ, lính trạm, v. v., đương tại-ngũ hoặc trừ-bị, hoặc đã mãn.

Thứ 9) Các hạng ngũ-trưởng và các hạng lính có quân-công, như là giấy khen, mề-đay quân-công v. v. thuộc về khố-đỏ, khố-xanh, tuần-kiểm, lính thủy, lính-thợ, lính-cơ, lính kiểm-lâm, lính thương-chính, lính nhà-thương, lính lệ, lính trạm, v. v. đương tại-ngũ trừ-bị, hoặc đã mãn.

Thứ 10) Các hạng lính không có quân-công như là khố-đỏ, khố-xanh, tuần-kiểm, lính-thủy, lính thợ, lính kiểm-lâm, lính thương-chính, lính nhà-thương, lính lệ, và các lính khác, v.v.

Thứ 11) Hương-trưởng, trương-tuần, xã-tuần, phần-thụ, khán-thủ đương-thứ.

Thứ 12) Phó-lý-trưởng quốc-thải, hoặc mua vị thứ.

Thứ 13) Hương-trưởng, trương tuần, phần-thu, khán-thủ quốc-thải, hoặc mua vị-thứ.

Thứ 14) Xã-nhiêu ai cao tuổi thời ngồi trên.

Còn như lệ biếu thời người nào được biếu những gì, hoặc thủ nọng, xôi thịt thế nào, phải theo tục dân kê cho minh-bạch vào trong sổ này.

Cái mục thứ-vị và lệ biếu này đây nói thí-dụ mà thôi, hai mục này tùy tục riêng từng làng mà làm.

24° — Kỳ-lý đi việc quan

Phàm việc quan một mình lý-trưởng đi khai-báo những việc vặt thời dã để ruộng, còn như có việc quan gì đòi đến công-dân, kỳ-mục lý-dịch phải đi, phí-tổn hết bao nhiêu, thời tòa hội-đồng lấy tiền công-quĩ mà chi, việc phải lên tỉnh thời mỗi ngày mỗi viên 0$40, việc vào huyện thời mỗi ngày 0$20. Còn như trong dân ai làm việc gì không phải, mà quan đòi hỏi đến kỳ-lý thời cái phí-tổn ấy hết bao nhiêu người thua kiện phải chịu, nhược bằng nó không biện được, thời đồng-dân bắt cả thân-thuộc nó phải chịu.

25° — Bán vị-thứ

Trong làng như có sửa sang các sở công như đình chùa miếu quán v. v., cùng các việc công-ích như làm cầu, làm đường, xây cống, khai ngòi, làm nhà học, nhà thương v. v., thời [illegible]-viên kỳ-mục lý-dịch và tòa hội-

đồng hội lại mà bàn tính, nếu có tiền công-quĩ thời trích ra mà làm, nhược-bằng còn thiếu, thời xin phép quan trên bán vị-thứ, hoặc cố công-điền để làm, lệ bán vị-thứ được bao nhiêu tiền cứ theo tục dân mà bán.

26° — Luân-lý và lễ-phép

Đã làm người thời ai cũng phải giữ lấy luân-lý lễ-phép, ở trong nhà thời hiếu-kính cha mẹ, hòa-mục với anh em, khi ra ngoài làng thời ở sao trên kính dưới uhường, mới là phải đạo, nếu mà ai không biết phép, khi ra đường-sá chè rượu say sưa, nói năng bậy bạ, hay là lúc ngồi hàng quán bày truyện này gây truyện khác, chửi người nọ đánh người kia, làm to tiếng ầm-ỹ ở đường, thực là ăn ở trái đạo, thời lần thứ nhất bắt khoán 0$20, như không chừa, lần thứ nhì bắt khoán 2$00 để vào công-quĩ ; nếu mà cứ giữ mực thế thôi, đến lần thứ ba thời tòa hội-đồng sẽ yết giấy, ra các sở công rằng người ấy có sự xấu, như thế thời từ rầy đồng-dân không ai được ngồi với người ấy nữa, và trình quan nghĩ trị.

27° — Hiệu-lệnh và ứng-cứu

Việc hiệu-lệnh trong làng thời đã có lệ định : như việc tế-tự thời đánh 3 hồi trống ở sở công, để lễ-vật đến sở, quan viên các chức ra tế, ai đi vắng thời phải cáo kiếu ; như có việc gì họp hội-đồng thời cũng đánh 3 hồi, và gọi lệnh 1 hồi 9 tiếng, gọi tuần 2 hồi 9 tiếng; ai có mời quan-viên tế-tự hay uống rượu thời hiệu trống 2 hồi ; như ngoài đê có xe ngựa các quan đi qua thời đánh 6 tiếng ; có các quan đến đóng làm việc quan, thời đánh 1 hồi 6 tiếng. Đến như việc trộm cướp cháy nhà và án mạng, nghe hiệu trống mõ liên-thanh, thời đàn anh trong làng phải ra tất cả mà đốc-suất tuần-tráng dân-đinh đến tận nơi ứng-cứu. Như ai có tài dương-trường bắt được trộm cướp, thời dân thưởng 5$00, nếu chẳng may mà ai phải thương-tích, thời dân cấp cho tiền uống thuốc, bất-hạnh mà chết thời dân cấp tiền tuất 10$00 và trình quan truy-thưởng cho phẩm-hàm và cho con người chết ấy được nhiêu-nam. Nếu ai ủy-tị ở nhà không ra, thời đồng-dân bắt khoán người ấy 0$20 để vào công-quĩ. Còn như việc hỏa-hoạn thời các xóm phải trữ đồ cứu-hỏa, xảy phát-hỏa thời các xóm phải mang ra mà chữa ngay, xong rồi đã có tuần đi xét, như xóm nào không đủ các đồ đi cứu thời dân bắt khoán 0$50 để vào công-quĩ.

28° — Đánh nhau và kiện nhau

Trong làng ai có cãi chửi nhau và đấm đánh nhau qua loa, thời phải tường tổng lý và tòa hội-đồng kỳ-mục phân-giải, nếu phân-giải không xong thời phải trình quan xét xử.

29° Gian đạo, rượu lậu và cờ bạc

Đã làm người ở trong làng thời ai cũng cần sinh-nghiệp, phải chăm chút làm ăn, chớ nên dong-dài cờ bạc rượu chè, sinh ra mất công bỏ việc, tan cửa nát nhà, mà lại phạm tội với Nhà-nước, bấy giờ còn biết liêm-sỉ gì nữa, rồi sinh ra làm những sự phạm phép, trộm cướp đồ vật, hoặc trâu bò cùng các súc-vật khác của làng, hay là của người làng khác. Ăn trộm trâu bò cùng các súc-vật, lần thứ nhất thời dân giải trình quan xét xử trị tội, thời đã phải tội mà dân lại bắt khoán 2$00 để vào công-quĩ, như cố-ý không chừa, lại bắt được lần thứ hai, thời giải trình quan trị tội, dân lại bắt khoán 4$00 để vào công-quĩ và truất ngôi hương-ẩm, lại yết ra các sở công, không ai ăn ngồi với nó nữa, mà ngôi thứ của cha anh nó cũng phải giáng xuống một bậc, vì lỗi *phụ-huynh bất năng cấm chấp tử-đệ*.

Rượu lậu, việc cờ bạc đều là [illegible] địch, trương-tuần, hư[illegible]

trưởng, đốc - tuần, tuần - tráng phải trông nom ngăn cấm cho hết, và phải giò xét luôn luôn, hễ thấy có người làm rượu lậu và đánh bạc bất-cứ đánh gì, thời phải tường tổng-lý hoặc trình quan khám bắt, nếu mà dung-túng, hoặc không hết sức trông nom, hoặc vị tình riêng mà dấu đi, nếu có người tố-giác, hoặc quan trên thám thính bắt được, thời lý-dịch hương-trưởng trương-tuần đốc-tuần tuần-tráng đều phải cứu, mà làng lại bắt khoán những người ấy mỗi người 1$00, tuần-tráng 0$50, để vào công-quĩ. Những lúc có việc hội hè đông dân ở đình, thời lý-trưởng và hội-đồng kỳ-mục phải hiểu-cáo cho dân biết các điều tai-hại về sự cờ bạc mà chừa bỏ đi

30° - Rào lũy và cắt trộm tre măng

Trong làng đã có đường lối công ngõ để đi lại, như ai ở bên đường bên lũy nào thời phải rào cho cẩn, không được để lối đi riêng ; như những người để lối đi tắt, thế là có bụng gian tham, hay là thông với kẻ gian để cho đi lại đình-trú, thời không thể trông coi xiết được. Từ rầy về sau thời lý-dịch phải bảo các trưởng xóm thường-thường đi lại xem xét trông nom lúc nào cũng vậy, mỗi tháng độ hai ba lần ; hễ ai giở lũy ra làm lối đi thời phải nói với trưởng xóm, xong rồi lại phải rào cẩn lại như trước, nếu ai không tuân, thời lần thứ nhất bắt khoán 0$20, như không rào lại cứ để thế đến lần thứ hai bắt khoán 0$50 để sung công-quĩ, nếu lần thứ ba mà có ý không chừa trưởng-xóm phải trình toà hội-đồng, thời truất ngôi hương-ẩm người ấy. Còn như người chặt trộm tre và cắt măng, như ai bắt được người ăn trộm ấy, thời dân bắt khoán người ăn trộm ấy 0$50. thưởng cho người bắt được 0$20, còn để vào công-quỹ

31° - Vệ-sinh chung

Trong làng những đường-lối, công-ngõ phải quét giọn cho sạch, [illegible]

chuôm ngòi lạch phải khai cho thông khỏi nước tù hãm, còn giếng ăn nước thời phải khai cho sâu và xây bờ cho cao, đừng để cây cối mọc trên bờ giếng, và phải bắc cầu cho tử-tế, để tiện gánh nước. Các trưởng xóm phải bắt ai gần đâu quét giọn đấy cho sạch, còn những chỗ xa người, thời bắt những người phiên canh trong xóm ấy chia phần mà quét giọn sửa sang, không được để đường lối gồ ghề phá xẻ, nếu ai không cứ hễ trưởng xóm trình toà hội-đồng, thời mỗi lần bắt khoán 0$20 để vào công-quĩ và những người điền-chủ quốc đường thời bắt khoán 0$50. Trong làng lại phải trích ra một món tiền công, xây một cái giếng đá công, sâu độ 25 thước ta, chung quanh phải xây bờ cao, để ăn uống cho sạch sẽ, khỏi sinh bệnh tật truyền - nhiễm, Những chỗ ao vũng thời cũng phải lấp đi cho khỏi uế-khí, và lý-trưởng phải xét người nào phải bệnh truyền-nhiễm như là bệnh dậu mùa, bệnh hạch, bệnh tả, bệnh hủi, phải mang lên nhà thương, nếu ai không tuân thời làng bắt khoán 1$00 và trình quan nghiêm-trị. Nếu lý-trưởng không xét hoặc ẩn lậu thời cũng phải chịu khoán như thế, Lại xét trong làng xưa nay người làng làm nhà không có hàng ngũ, hay chiếm đất công, đường công của dân, nên đường xá không được ngay thẳng, và phần nhiều làm nhà hay làm thấp hẹp, hay sinh uế khí ốm đau. Vậy từ nay trong làng ai mà làm nhà thời phải tường lý-trưởng mà làm cho thẳng hàng với nhau, cho được đẹp đẽ, và nên làm cao rào cho được hợp cách-vệ-sinh, nếu ai trái lệ này thời làng bắt làm lại và bắt khoán nhà giầu 5$, nhà nghèo 2$ để vào công-quĩ. Còn như đường lối ở trong dân, những đường cũ phải nên tìm cách mà làm rộng ra, mặt đường rộng 5 thước ta, hai bên đường thời nên trồng cây cho ngay thẳng và đối nhau, mà cho mát

mẻ, việc trồng cây thời toà hội-đồng cắt dân-đinh mỗi suất trồng một cây, trồng xong rồi giao cho tuần trông coi, nếu cây nào hỏng thời tuần bắt người trồng trước trồng lại, mà trồng cây thời nên trồng vào khoảng tháng chạp tháng giêng, lúc mới trồng thời phải chọn thứ cây đã cao từ 5 thước ta trở lên, phải đánh nguyên rễ và có bầu đất thời mới sống được, mà lúc mới trồng thời phải rào lại để trâu bò khỏi phá hại.

32° — Vệ-sinh riêng

Làm người ở đời, hễ ăn ở sạch sẽ thời sức khoẻ sống lâu, vậy nên những các ao chuôm trong làng phải khai cho sâu, bắc cầu cho tử-tế để tắm rặt cho sạch sẽ, ăn uống trong sạch, thời còn bệnh tật nào sinh được nữa. Nếu trong làng nhà ai bất-hạnh có người ốm đau, thời phải để người ốm ấy nằm riêng ra một sở, mà cắt người nuôi phải trông nom tắm gội, giường chiếu quần áo cho sạch, lại phải lấy vôi mà quét cửa nhà cho tinh bạch ; những người chết bệnh truyền-nhiễm như là bệnh đậu mùa, bệnh tả, bệnh hạch, bệnh hủi, thời áo quần giường chiếu và đồ dùng của nó phải đốt cả để cho sạch những trùng độc.

Vậy cứ nghị-viên nào chủ việc vệ-sinh, phải xét xem trong làng nhà nào ăn ở bẩn rác, bắt phải quét giọn cho sạch sẽ, nếu mà không nghe thì bắt khoản 0$20 để vào công-quĩ ; còn như ai nuôi trâu bò lục-súc chẳng may mà chết, thời đem ra chôn cách xa làng, lấy vôi đổ vào cho khỏi khí độc truyền-nhiễm, phòng mà ai ai cũng theo được phép vệ-sinh, thời còn bệnh tật gì nữa.

33° — Tiền dâm hậu thú

Trong làng con trai con gái lấy nhau phải có lan-nhai sính-lễ, nếu ai không cứ, mà tiền dâm hậu thú, hễ trích-xuất đích-tình, thời làng bắt khoản nó 10$00 và bắt khoản hai bên cha mẹ chúng nó mỗi bên 2$00, lại phải nộp lan-nhai và vào sổ giá-thú, rồi cho đoàn-tụ với nhau. Còn những con gái làng đi lấy chồng thiên-hạ không nộp lan-nhai, mà lấy nhau đã có con, đến khi về làng dân bắt khoản cha mẹ nó 10$00, rồi lại phải nộp lan-nhai vào sổ giá-thú cho đoàn-tụ, như người hoang-dâm thời bắt khoản chúng nó mỗi bên 5$00 và bắt khoản cha mẹ chúng nó mỗi bên 2$00, nếu không chừa lại bắt khoản gấp hai. Các tiền khoản ấy đều để vào công-quĩ.

34° — Thi-hành sổ cải-lương này

Lúc quan trên đã duyệt-y sổ này, thời lý-trưởng phải mời toà hội-đồng và bá-cáo cho dân-đinh đều ra tại đình, rồi lý-trưởng tuyên-độc tất cả các khoản trong sổ này cho cả dân đều biết mà tuân theo, lúc tuyên-độc sổ này, thì kỳ-lý phải cố công mà mời cho được quan phủ hay quan huyện về chứng chủ, cho trọng sự-thể. Rồi sau cứ mỗi năm đến ngày nguyên-đán và ngày mồng hai tháng năm là ngày lễ « Hưng-quốc kỷ-niệm », lý-trưởng lại phải đem sổ này ra đình mà tuyên độc cho dân nghe để tuân nhớ. Từ hôm tuyên-độc rồi, mà ai còn trái điều lệ trong sổ này thời toà hội-đồng cứ chiếu theo khoản trong sổ này mà bắt khoản; việc xem xét trông nom về việc tuân hành các điều-lệ trong sổ này thời giao cho lý-trưởng chuyên trách, nếu lý-trưởng vì tình mà không trình giác những người trái lệ thì lý-trưởng cũng phải chịu khoản, lần thứ nhất 1$, lần thứ hai 5$ để vào công-quĩ ; đến lần thứ ba thời toà hội-đồng trình quan xét nghĩ.

MẪU SỔ CHI-THU[1]

Sổ chi-thu

Năm 19.....

Làng..... Tổng..... Huyện..... Tỉnh.....

Sổ thu			Sổ chi		
Số mục	KHOẢN TIỀN THU	Số tiền	Số mục	KHOẢN TIỀN TIÊU	Số tiền
	Tiền các năm trước còn lại.....		1	Tiền nộp các thứ thuế của nhà-nước.....	
1	Tiền thu thuế đinh điền, tiền ngoại-phụ, tiền thục công-sưu, tiền nộp thay thuế đò chợ.....		2	Tiền nộp lương tổng-sư.....	
2	Tiền thu để cấp lương tổng sư.....		3	Tiền nộp lương trạm-tráng.....	
3	Tiền thu để cấp lương trạm-tráng.....		4	Tiền cấp cho lính khố đỏ, khố xanh, lính cơ.....	
4	Tiền cho thuê hồ ao và ruộng đất công dân.....		5	Tiền cấp cho lý phó trưởng, thủ-quĩ và thư-ký.....	
5	Tiền cho thuê ruộng đất thần-từ phật tự và giỗ hậu.....		6	Tiền phí tổn cấp cho kỳ lý đi việc quan.....	
6	Tiền thu để vào đám và tế-lễ chung trong dân.....		7	Tiền mua bút giấy, giấy in và sổ biên-lai.....	
7	Tiền lan nhai.....		8	Tiền tiêu vào đám và tế lễ chung.....	
8	Tiền thu để cấp cho lý phó-trưởng, thủ-quĩ và thư ký.....		9	Tiền sửa sang đường sá và các sở công.....	
9	Tiền bán vị-thứ và nộp các lệ ăn uống.....		10	Tiền sửa sang đình chùa.....	
10	Tiền ký-táng.....		11	Tiền cấp cho tuần tráng.....	
11	Tiền thu thóc sương.....		12	Tiền chi bất-thường.....	
12	Tiền thu bất-thường.....				
	Tổng cộng.....			Tổng cộng.....	

(1) Sổ chi-thu này là phác-họa ra để [illegible] kê ra đo mỗi làng sẽ châm-chước mà thay đổi, không [illegible]-nhiên phải theo đúng như thế.

Tiền thu			Tiền tiêu		
Ngày tháng	THU VỀ VIỆC GÌ	Số tiền	Ngày tháng	TIÊU VỀ VIỆC GÌ	Số tiền
	Khoản 1. — Tiền thu thuế đinh điền, tiền ngoại-phụ, tiền thục công-sưu, tiền nộp thay thuế đò chợ.				
	Khoản 2. — Tiền thu để cấp lương tổng-sư.				
	Khoản 3. — Tiền thu để cấp cho trạm-tráng.				
	Khoản 4. — Tiền cho thuê hồ ao và ruộng đất công-dân.				
	Khoản 5. — Tiền cho thuê ruộng đất thần-từ, phật-tự và giỗ hậu.				
	Khoản 6. — Tiền thu để vào đám và tế lễ chung trong dân				
	Khoản 7. — Tiền lan-nhai.				

Tiền thu			Tiền tiêu		
Ngày tháng	THU VỀ VIỆC GÌ	Số tiền	Ngày tháng	TIÊU VỀ VIỆC GÌ	Số tiền
	Khoản 8. — **Tiền thu đề cấp cho lý phó trưởng, thủ-quĩ và thư-ký.**				
	Khoản 9. — **Tiền bán vị thứ và nộp các lệ ăn uống.**				
	Khoản 10 — Tiền ký tang.				
	Khoản 11. — Tiền thu thóc sương.				
	Khoản 12. — Tiền thu bất-thường.				

Quan sở-tại đã xét
Tại..... ngày..... tháng..... năm...
Quan Huyện hay là quan Phủ
Ký tên:

Quan tỉnh duyệt
Tại..... ngày..... tháng..... năm.....
Quan Tổng-đốc (hay là quan Tuần-phủ, Án-sát)
Ký tên:

Quan Sứ duyệt-y
Tại..... ngày..... tháng..... năm.....
Quan Công-sứ Chánh hay là Phó
Ký tên:

VĂN - UYỂN

HỒNG-ĐỨC QUỐC-ÂM THI-TẬP *(tiếp theo)*

(1470-1497)

Điệu-Thuyền

Phủ tia từ ngày được thắm duyên,
Đặt tên mới gọi ả Điệu-thuyền.
Trời mai vẻ liễu mầu loan ánh,
Xướng trúc xoang tơ tiếng rập-rờn.
Gươm phấn quét không loài Đồng Lã,
Dao vàng đem lại Hán sơn-xuyên.
Bởi lòng xá lựa tìm nơi vết,
Cũng có khi kinh cũng có quyền.

Chiêu-Quân

Giòng-giòng đũa ngọc đượm bao-la,
Thiếp phải đi rầy vị nước nhà.
Tuyết lọt mấy tầng chăn phí-thuý,
Sầu tuôn đòi đoạn khúc tì-bà.
Khuâng-khuâng đền Hán ba canh
Vò-võ thành Hồ một đoá hoa, [nguyệt,
Điên-thọ trách nên chăng nghĩ nhớ,
Một thân vực được Hán sơn-hà.

Chiêu-Quân xuất-tái

Mặt ngọc từ lìa chốn sáu cung,
Hoa sầu liễu ủ kém hình-dung.
Tì-tì khúc thiết thu nghìn dặm,
Vò-võ chân dời ải mấy trùng.
Gió nọ dường giầy-giật đến,
Trăng nào khứng nói năng cùng. (1)
Ai về nhắn-nhủ cung-phi Hán,
Đầm-ấm thời thương kẻ lạnh-lùng.

Chiêu-Quân tư-tử

Chẳng trách trời mà chẳng trách thân,
Đi này vì bởi đạo giao-lân.
Mặt hoa dễ khiến duyên vô-phận,
Mũi bút khôn nài thợ bất-nhân.
Một thiếp lạnh-lùng ngoài cửa ải,
Chín trùng đầm-ấm thủa đền xuân.
Dừng chân ngựa lại truyền tin hỏi,
Vàng chuộc tôi hầu nặng mấy cân.

Lưu Nguyễn nhập động

I

Cây rợp non tiên một nẻo phàn,
Đất không chút bụi cỏ êm chân.
Khói xanh bóng lộn dường quanh-
Nước biếc duyên ưa bước ngại-[quanh,
Giải non cao treo khối nguyệt, [ngần.
Doành suối thẳm một đường xuân (1).
Chẳng hay người ấy về đâu tá,
Miễn đến Đào-nguyên hỏi chủ-nhân.

II

Cảnh Thiên-thai chẳng xa,
Ai đem Lưu Nguyễn đến đây là ?
Đong-đưa túi thuốc lồng tay ngọc,
Trùng-trập nhà tiên mở mặt hoa.
Mượn hứng sẩy ngâm câu bích-động,
Mừng nhau nhật thẳng bữa hồ-ma.
Dùng-dằng những tiếc màng chơi giốn,
Đã rộn thiên-kê giục tiếng gà.

Lưu Nguyễn động-trung ngộ tiên-tử

Khói toả xanh-xanh bóng tịch-dương,
Cỏ hoa chào khách khéo đưa đường.
Mây che cửa chim bay kiệt,
Suối thay cầm tiếng nhạt suông. (1)
Lừng có bích-đào non nước dẫy,
Có nhiều hồng-hạnh tháng ngày tràng.
Cá[illegible] hoa dầu chẳng người tiên rước,
Chỉ xủa âu là hẳn ấy làng.

(1) Thơ cổ thường có câu sáu chữ.

Lưu Nguyễn từ tiên-tử

Một miền nhớ chúa một âu nhà,
Cửa động dùng-dằng ngại bước ra.
Hương-tứ xiêu khi gió thổi,
Cố-viên lạc thủa trăng tà [1].
Non cao mây phủ dư nghìn dặm,
Sông thẳm sầu đeo mấy phút hoa.
Dù nhẫn bắc nam đường có cách,
Bao nhiêu cảnh cũ nhớ quên mà.

Tiên-tử hoài Lưu Nguyễn

Chẳng còn nhớ đến khúc nghê-thường,
Một phút chiêm-bao một phút thương.
Thủa động ngày chầy sương vắng-vẻ,
Khi người con cách nguyệt mơ-màng.
Đất nhiều cỏ ngọc ngàn xanh biếc,
Nước có hoa đào sóng ngát hương.
Gió thổi đèn tàn thêm lạnh-lẽo,
Thân này khôn chước hỏi Lưu-lang.

Lưu Nguyễn tái đáo bất kiến tiên-tử

Ngọc-trân lại đến hỏi chưng đây,
Rầy đã rêu-rêu bụi-bụi đầy.
Ca khúc êm-êm từng núi,
Láng giềng vắng-vắng thủa mày [1].
Thức cây chẳng phải xanh phiên nọ,
Điềm khói nào còn biếc bấy chầy.
Mặt nước hoa đào rành-rành đấy,
Người tiên mời rượu ở đâu rầy ?

BẠCH-VÂN THI-TẬP *(tiếp theo)*

(1530-1540)

(Cụ trạng Trình Nguyễn Bỉnh-Khiêm)

LVIII

Chợ họp thời người đến giỏ-giang,
Yêu xạ là vì có mùi hương.
Ở ngọt thời hơn nhiều kẻ trọng,
Quả chua nên ủng có ai màng.
Ở có đức lành hơn ở dữ,
Yêu nhau giữ một đạo luân-thường.

LIX

Cái công-danh sá gặp tay, [1]
Nhiều phen đã khỏi tiếng tai bay.
Hoa mai bạc vì trăng tỏ,
Bóng trúc thưa bởi gió lay.
Ưu ái chẳng quên niềm trước,
Thị phi biếng nói sự nay.
Đã từng trải non sông đó,
Đường thế nhiều nơi hiểm hóc thay!

LX

Dầu trí dầu ngu sinh phải thì,
Ấy là phúc cả dấng nam-nhi.
No lòng ấm cật đời Nghiêu Thuấn,
Gối bụi nằm sương thủa Tấn Tùy.

LXI

Miễn được thành thân lọ ước ao,
Vội gì chê thấp vội trông cao.
Người quân-tử nọ yêu danh-tiết,
Chim phụng-hoàng kia tiếc vũ-mao.
Ngâm ngợi năm pho kinh-sử,
Tập tành ba quyển lược-thao.
Rồng thiêng dành sức chờ xuân-noãn, [2]
Nhẩy nhót khen chi ếch thấy dào.

LXII

Lấy khi rộng đắp khi hàn,
Vẫn chuyển đà no sự thế-gian.

---

(1) Thơ cổ thường có câu sáu chữ.

(2) Xuân-noãn 春 暖 = là mùa xuân.

Nếu chẳng tiểu-nhân quân-tử đòi,
Hễ không quân-tử tiểu-nhân loàn.
Người nhiều hầu-hạ cho làm quí,
Ta ít bon-chen ấy được nhàn.
Giữ đạo hiếu trung là của khả,
Miễn qua ngày tháng phận ta an.

LXIII

Nhiều phen xoay chuyển luống vân vân,
Ta miễn quan-phòng kẻ bất-nhân.
Thớt có tanh-tao ruồi hám miệng,
Gang không mật mỡ kiến đem thân.
Ruột hờn dao cắt thời đau ruột,
Chân bước nhơ nào nỡ bám chân.
Xa lạ gì đâu ghen ghét quần,
Chẳng thân thời vốn nghĩa hương-lân.

LXIV

Khinh rẻ làm chi thế mới là,
Dữ lành xá bởi một mình ta.
Giới-thân dù đã hay tu-phúc,
Thế-phát cho nên phải xuất-gia.
Dẫn muộn cái con thêm cái cháu,
Chưa quen thờ chúa miễn thờ cha.
Làm chi lẻo-đẻo hoài cho nhọc,
Cửa Thích-ca đâu vẫn bụt nhà.

LXV

Chưng trong hoạ phúc ít người hay,
Suy thịnh hằng lẽ đắp đổi thay.
Hàn-Tín nên công nào phải phúc [1],
Tái-ông mất ngựa há chau mày [2].
Kiến thác bởi gang bùi ngọt,
Ruồi qua vì bát đắng cay.
Vốn trời sinh đã có tính,
Chân thời hay bước cánh hay bay.

HÁT NÓI (*hát ả-đào*)

Lữ-thứ Trung-thu vô-nguyệt

Trung-thu thắng-tịch, đương cuộc vui ai bỗng vẽ ra buồn ; suốt năm canh gió lộng mưa tuôn, một mình khách một con thuyền lơ-lửng bến. Mượn rượu khua sầu ngần-ngại chén, đem thơ vẽ tứ ngẩn-ngơ tay. Trách chị Hằng sao lẫn mặt đêm nay, luống kẻ đợi rừng đông thêm buồn-bã. Trên nguyệt-điện khúc vũ-nghê sao tá, mải vui ai chưa dễ biết sầu ta ; trêu ngươi chi mấy trăng già !

Phó-thí khẩu-chiếm

Kiếp sinh sao tá, vụng chỉ kìm nên vở bút nghiên chơi ; một tiếng kêu tá-hạ ra đời, trong vũ-trụ bao nhiêu là phận cả. Nợ nhân-thế chịu lâu đành phải trả, mùi phong-lưu nếm trải biết rằng ngon ; xếp bồng-tang vào một gánh con con, chỉ Lô Tản quyết thề cùng non nước. Hồi đen xóa từ nay về trước, kẻo kềnh-càng mang cái mi-tu ; này ba mươi mấy tuổi đầu !

Hỏng thi khiển-hứng

Gió gác Đằng-vương đưa vận đỏ, sấm bia Tiến-Phúc rập hồi đen ; cũng mười năm quyển sách ngọn đèn, ba khoa rưỡi cứ theo phường khang-liễu [3]. Chê võng lọng há ở chi liều chiếu, thôi thời thôi đã quyết cũng xin liều ; gánh bồng-tang sốc lại khỏe càng theo, nợ nghiên bút lãi ra nghèo cũng trả. Trời có mắt ắt đành soi xét cả,

(1) Hàn Tín thành công lại bị vua ghen ghét.

(2) Tái-ông mất con ngựa hay. Ông ấy cười mà rằng : « Sao không phải là phúc ? » Quả-nhiên con ngựa ấy lại đưa đàn ngựa khác về.

(3) Có câu chế người thi hỏng rằng : « Tú-tài khang liễu » 秀才康了, nghĩa là người có tài giỏi mà lại ngồi rồi.

bụi ngoài tai gác thẩy truyện đâu-đâu; kìa kìa mai trước hạnh sau!

Tiêu-khiển cơn buồn

Một rủi một may là máy tạo, cái khôn cái dại cũng bia trần; việc đã rồi nghĩ lắm lại thêm đần, liếc gươm trí cắt giặc phiền từ đó. Nằm khểnh ngâm thơ cho vợ ngủ, ngồi rù uống rượu với cơm chơi. Mô-phạm con ba đứa mũi chưa chùi, tiêu-khiển vẫn mấy cô đao mới nỏi; ngoài tai ấy tha-hồ ai gọi, rằng ngựa trâu vâng cũng ngựa trâu; nao đâu đã hẳn hơn đâu!

Thầy đồ tự cười mình

Vị xuất trần-ai chân lạc phách, 未出塵埃眞落魄[1], *Hưu tương văn-tự tác sinh-nhai* 休將文字作生涯[2]. Nợ phong-lưu trong mấy năm trời, gót bình-ngạnh cầm thư vùng Nhị Tản. Trò truyện lứa đôi phường xã khán, văn-chương mực thước lũ « chi hồ ». Có mắt tai mà giả dạng điếc mù, há con, vợ, bỗng phải vòng buộc trói. Ngậm-ngùi lúc trăng mành mưa phủi, một quyển vàng với một ngọn đèn xanh; cảnh kia ai vẽ khéo xinh, chiếc thân khuya sớm chút tình gần xa; ai ôi! theo lấy nghề ta!

Tặng đào Tám làng Thụy-ứng

Má hồng mấy chốc ra đầu bạc, mặt trắng xưa nay ít mắt xanh. Đã hay rằng cùng gánh trung-tình, bên nặng nhẹ hãy xin nhắc lại. Chẳng tơ sao quấn vòng oan-trái, không cánh mà bay cái tiếng tam; sợ một mai mẫu bạc tre trầm, mầu phai-lạt với những cơn đằm-thắm. Tì-bà truyện còn gương sao chẳng ngắm, để Giang-châu khách luống xụt-xùi. Nghĩ ai mà tiếc cho ai, phòng lời chỉnh mũ sợ người trên cây; xa-xôi xin gửi lời này!

VIỆT-SỬ NGUYÊN-ÂM (*tiếp theo*)

(Của cụ Đốc NGUYỄN TRÙNG-HANH)

5.— Sĩ-vương 士王

(187-226 sau G.-T.)

Lược dẫn.— *Tên là* SĨ-NHIÊP, *đời nhà Hậu-Hán cắt sang làm Thái-thú nước ta hơn 40 năm, dạy dân biết chữ nghĩa, đến khoảng đời Tam-quốc, nước Ngô tranh đất nước Việt ta, ông ấy giao-thiệp giỏi, dân được yên ổn, dân ta xưng là Nam giao học-tổ, cũng có người gọi là Sĩ-vương-tiên.*

Truyện

Cuối đời Hán co thay nho,
Sĩ-vương người quận Xương-ngô [illegible]
Bốn mươi năm thú Giao-châu. [illegible]
Dạy dân chữ nghĩa ơn sâu đến giờ.
Đền Tam-Á vẫn phụng thờ,
Kẻ say học-tổ người ngờ vương-tiên.

Thơ

Tai đủ kinh-luân tướng học-trò,
Một thân trước Hán lại sau Ngô.
Hoá dân sao nệ đường thông biến,
Thói nước Nam mình cái chữ nho.

6.— Tiền-Lý Nam-đế 前李南帝

(544 sau G.-T.)

Lược dẫn.— *Ngài thi đỗ ở Tàu, làm quan nhà Lương, sau bất đắc-chí trở về nước*

---

(1) Chửa ra khỏi vòng trần ai, thực l[illegible] lạc-phách.
(2) Thôi không đem chữ nghĩa làm [illegible] hai.

mình, thấy quan Tàu là Tô Định *tàn ngược quá, khởi binh đánh đuổi người* Tô, *xưng là Hoàng-đế, đặt hiệu là* Thiên-đức, *tên nước là* Vạn-xuân, *được 5 năm. Tàu sai* Bà-Tiên *sang đánh, ngài thua quân ở hồ Điển-triệt, chạy vào động Khuất lão mất.*

Truyện

Lý-Phần người quận Long-hưng,
Đuổi Tiêu-Tư tiếng vang lừng một
Khuôn nền đầu mở đế-vương, [phương
Vạn-xuân sớm ngự ngai vàng Long-biên.
Chẳng may gặp tướng Bà-Tiên,
Sóng hồ Điển-triệt xui nên nỗi cơ trời.

Thơ

Tôi Lương mừng đã thoát cương giảm,
Thu xếp cơ-đồ chỉ mới cam.
Một trận non sông đau đớn nỗi,
Lấy ai chống-chỏi cõi trời nam ?

7. — Triệu Việt-vương 趙越王

(549)

Lược dẫn.— *Tên là* Quang-phục, *con quan Thái phó nhà Tiền Lý là ông* Tinh Tô. *Vua Tiền-Lý sai đem quân chống nhau với* Bà-Tiên, *ngài có mưu-lược.* Bà-Tiên *không đánh nổi, người ta gọi là vua Dạ-trạch (phủ Khoái), đánh giết được* Dương-Sàn, *lấy lại được nước Nam làm vua, sau ông* Lý-Phật-Tử *ra đánh, thời ngài chỉ ađòi địa-giới bãi Quân-thần (Thượng cát Hạ-cát), trở lên ngài nhường cho* Phật-tử *cai trị, trở xuống thời ngài cai trị, rồi sau bị* Phật-tử *mưu lừa lấy mất nước.*

Truyện

Nhớ xưa vua Triệu-Việt ta,
Tôi nhà Nam-Lý vốn là con quan.
Chia quân Dạ-trạch đóng đồn,
Lừa mưu úp đánh Dương-Sàn thua
Kéo về chiếm-cứ Thăng-long, [công.
Bởi ai bẻ mũ móng rồng Triệu vong.

Thơ

Thao-lược gồm hay tướng có nòi,
Tiếng vua Dạ-trạch nức phương trời.
Bãi Quân-thần rạch sơn-hà nửa,
Trọn đạo vua mà vẹn đạo tôi.

8. — Đào-lang-vương 桃郎王

547

Lược dẫn.—*Anh vua Tiền Lý tên là* Tinh-Bảo *bị* Bà Tiên *đánh thua, chạy vào giáp nước Lào sông Đào giang động Dã năng, xưng là Đào lang vương, sau mất, người họ là* Phật tử *thay cầm quân.*

Truyện

Vua Thiên-bảo kể một đời,
Anh vua Tiền-Lý cũng người Long-
Nghiêm quân ở động Dã-năng, [hưng.
Nghe em một trận ra chừng thua
Giáp Lào ông cũng xưng vương, [Lương.
Mấy năm kinh ngạc một phương vẫy
[vùng.

Thơ

Bờ cõi riêng chia một dải sông,
Kể chi lớn nhỏ cũng anh-hùng.
Em tuy thu dấu anh con hiệu,
Vá chấp trời Nam lúc khoảng không.

9. — Hậu Lý Nam-đế 後李南帝

(571)

Lược dẫn. — *Tên là* Phật tử, *ở động Dã-năng ra đánh Triệu-Việt-vương, vua Triệu phải giảng hòa. Sau con trai ông là* Nhã-Lang *ở rể với vua Triệu, bẻ mũ móng rồng, về bảo cha lấy thiên hạ, làm vua hơn 30 năm, sau phải hàng nhà Hậu Trần.*

Truyện

Lý Phật-tử cũng anh-hùng,
Họ vua Tiền-Lý nối dòng Đào-lang.
Dã-năng chỉ ngọn cờ vàng,
Giảng-hoà Triệu cũng nể-nang chia
[quyền.
Nhã-lang mới sánh thuyền-quyên,
Thái thể quân đã theo liền bể Nha.

Thơ

Truyện mũ đâu-mâu có có không,
Ngại thần nguyên vẫn mến con dòng.
[illegible] mươi năm lẻ còn tôn-xã,
[illegible] nhưng mà Lý có công.

10. — Mai Hắc-đế 梅黑帝

Lược dẫn. — *Tên là* Thúc-Loan, *người cao lớn mà mặt đen như ông* Kế-Luân, *thấy những quân Tàu sang cai-trị nước mình nhiều người xằng, dân phải chịu khổ. ông bèn kết với nước Xiêm-thành nước Chân-lạp, đem 30 vạn quân đánh đuổi quân Tàu. Sau nhà Đường sai* Dương Tư-Húc *sang đánh ông ấy thua.*

Truyện

Thúc-Loan người ở châu Hoan,
Giận vì thứ-lệnh Hàu-Đường phi-nhân.
Dạn dầy khuôn mặt Kế-Luân,
Kết ba mươi vạn Xiêm Chân quân ngoài.
Non sông thu-phục một hai,
Gặp Dương Tư-Húc cơ trời rủi sao.

Thơ

Cảng đáng sơn-hà cũng một phen,
Mặt đen nào tưởng vận còn đen.
Nghìn thu gái Triệu cùng danh tiếng,
Phó mặc người chê mặc kẻ khen.

(*Còn nữa*)

TIỂU-THUYẾT

NGƯỜI HỦI Ở THÀNH A-ỐC

(*Le Lépreux de la Cité d'Aoste, par* Xavier de Maistre)

(*Triết-học tiểu-thuyết*)

Ah ! little think the gay licencious proud,
Whom pleasure, power and affluence surround...
Ah ! little think they, while they dance along...
How many pine ?... how many drink the cup
Of baleful grief ! ... how many shake
With all the fiercer tortures of the mind ?

(Thompson's Seasons, *The Winter*)

Ai ôi ! thử lắng tai nghe những kẻ dương-dương đắc-chí kia, quanh mình rặt những cảnh vui-thú phong-lưu... Thử lắng-lặng mà nghe, trong khi bọn đó reo-hò múa-hát, biết bao nhiêu kẻ rền-rĩ âm-thầm ?.. biết bao nhiêu kẻ uống hờn nuốt giận ?... biết bao nhiêu kẻ đòi-đoạn trong lòng vì những nỗi đau-sầu ảo-não ?... (*Thơ mùa đông* trong tập *Tứ-thời-thi* của nhà thi-nhân nước Anh Thompson)

Phía nam thành A-ốc cũng gần như một nơi khoáng-dã, xem chừng xưa nay không bao giờ có đông người ở. Nhìn địa-thế thấy những đồng-điền đã cầy-bừa cùng những ruộng cỏ mọc [illegible] giáp mấy cồ-lũy của người La-mã ngày xưa dựng để bao-bọc chung-quanh thành, một bên giáp tường mấy cái vườn. Tuy vậy, chốn vắng-vẻ ấy cũng có cái thú cho người du-lịch. Gần cửa

thành có di-tích một cái lâu-thành cổ, cứ theo tục truyền thời đấy là chỗ ông Bá-tước Lê-nê đất Sạ-lan nhân cơn ghen vợ là bà Vương-tước Mã-li đất Ba-ngạn bắt giam vào đấy cho chết đói; bởi thế nên người bản-xứ gọi lầu ấy là « Nga-quỉ-lâu » (lầu ma đói). Truyện ấy không biết thực hư thế nào, nhưng những người đa-cảm nghe thấy thế tưởng rằng thật, cũng sinh lòng cảm-động muốn đến xem.

Cách xa đấy mấy trăm thước thời có một cái lầu-tháp vuông tựa vào bức tường cổ và xây bằng thứ đá hoa bọc tường khi xưa, người ta gọi cái tháp ấy là « Kinh-hồn-tháp », vì người dân vẫn tin rằng tháp ấy có ma ở đã lâu. Những mụ già ở thành A-ốc còn nhớ rõ-ràng rằng những đêm tối trời thường trông thấy một người đàn-bà to lớn mặc trắng tay sách cái đèn ở trong tháp đi ra.

Đã ngót mười-lăm năm nay Chánh-phủ hạ lệnh sửa cái tháp ấy và đặt một đường rào chung-quanh để nuôi một người hủi cho ở cách-biệt với xã-hội, Chánh-phủ trông nom cho sự ăn-dùng tiêu-khiển không đến nỗi thiếu-thốn lắm, cho cái cảnh khổ cũng được ngõ-hầu khuây-khỏa một đôi chút vậy. Nhà thương Thánh-Mỗ-lịch phải cấp cho ăn-uống, rồi phát cho mấy cái đồ dùng cùng những khí-cụ cần để trồng-trọt một khoảnh vườn. Anh ta ở đấy đã lâu lắm, một thân một mình, không gặp mặt ai bao giờ, trừ có một ông cố đạo thỉnh-thoảng đến đem lời từ-bi an-ủi cho khuây lòng, với người làm ở nhà thương cứ mỗi tuần lễ đem đồ ăn đến cho.

Hồi trận An-bi-sơn năm 1797, có một nhà võ-sĩ nhàn đến thành A-ốc một hôm tinh-cờ đi qua cạnh vườn người hủi, cửa vườn bấy giờ đương mở hé, ông ta tò-mò bước vào xem. Thấy một người ăn-mặc tầm-thường tựa vào cái cây, đương như ngẫm-nghĩ thầm-trầm. Nghe thấy tiếng động nhà võ-sĩ bước vào, người ám-nhiên cô-độc ấy không ngoảnh lại, cũng không nhìn, chỉ cất tiếng lên hỏi giọng rất buồn-rầu: « Ai đấy, hỏi gì tôi?» — Nhà võ-sĩ đáp lại rằng: «Xin người thứ lỗi cho, tôi là người hàng-xứ qua đây, trông thấy cái vườn của người xinh-đẹp, đánh bạo muốn vào xem, chớ không có ý phiền-nhiễu gì người.» — Người kia trả lời rằng: « Xin ngài đừng vào, xin ngài đừng vào, tôi là một kẻ khốn-nạn mắc bệnh phong đây ». — Nhà võ-sĩ đáp: « Dù sự bất-hạnh của người thế nào, tôi cũng không vì đó mà lui ra; tôi không từng gặp kẻ khốn-nạn mà lánh xa bao giờ; song nếu tôi đứng đây mà có phiền cho người thời tôi xin ra ngay ». — Người hủi bấy giờ vụt ngoảnh mặt lại mà nói rằng: « Vậy thời dám chúc-mừng ngài; ngài nhìn mặt tôi mà không gớm thời xin cứ ở. »

Nhà võ-sĩ trông thấy hình-dáng người khốn-nạn ấy, bệnh hủi ăn mất cả mặt, dừng lại một lúc, nửa kinh nửa sợ, rồi nói rằng: « Tôi tình-cờ lại đây, song có ý mến người, nếu người vui lòng cho ở tôi xin ở. »

Người hủi

Ngài nói ngài có bụng mến tôi ư? Than ôi! tôi bình-sinh chỉ khiến cho thiên-hạ bi-ai mà thôi.

Nhà võ-sĩ

Nếu bỉ-nhân có thể an-ủi được lòng người thì lấy làm hân-hạnh lắm

Người hủi

Người đời những muốn xa lánh tôi, nay lại được trông mặt người, nghe tiếng người, còn gì an-ủi bằng.

Nhà võ-sĩ

Vậy thời xin cho nói chuyện với người một đôi lát và đi dạo qua chỗ

NGƯỜI HỦI

Xin tùy-ý ngài. — (Đương khi nói câu ấy thời người hủi đội lên đầu một cái mũ dạ to, rìa rủ xuống che cả mặt.) Rồi nói tiếp theo : — Mời ngài đi về đây, về phía nam. Tôi có trồng một cái vườn hoa nhỏ, chắc ngài ưa coi ; ngài sẽ thấy có nhiều giống hoa cũng lạ. Phàm những giống mọc tự-nhiên trên núi An-bỉ, tôi đều kiếm lấy hạt giống đem về trồng, cố chăm bón cho hoa sai và đẹp hơn lên.

NHÀ VÕ-SĨ

Quả vậy, những hoa này hình-dáng tôi lấy làm lạ thật.

NGƯỜI HỦI

Ngài nhận cái bụi hồng nhỏ này : đó là giống hồng không có gai, chỉ mọc trên thượng-từng núi An-bỉ ; nhưng nay nó đã mất cái tính ấy rồi, càng trồng, càng cho sinh-sản, thời càng đâm gai ra.

NHÀ VÕ-SĨ

Giống hồng ấy làm cái biểu-hiệu cho lòng bội-bạc thì phải lắm.

NGƯỜI HỦI

Ngài xem có thứ hoa nào đẹp, xin cứ lấy không ngại gì, cầm trong người cũng không có nguy-hiểm gì. Tôi có gieo trồng, có vun tưới, có nhìn thưởng cho vui mắt, nhưng không hề mó tay vào bao giờ.

NHÀ VÕ-SĨ

Sao vậy ?

NGƯỜI HỦI

Tôi sợ mó vào nó ô-uế ra, không dám làm quà cho ai nữa.

NHÀ VÕ-SĨ

Vậy thời người định để hoa [illegible]

NGƯỜI HỦI

Những người ở nhà thương đem đồ ăn lại cho tôi thường hay hái để làm bó hoa, không sợ gì. Cũng có đôi khi con trẻ ở trong tỉnh kéo nhau đến trước cửa vườn. Tôi trèo ngay lên trên lầu, sợ làm hãi trẻ, hoặc lỡ ra lại làm hại chúng nó. Đứng trên cửa sổ trông xuống, thấy chúng chơi đùa, rồi hái trộm mấy bông hoa. Lúc ra về, chúng ngửng mặt lên tôi, vừa cười vừa nói : « Chào bác hủi ! », thế là tôi cũng vui lòng được một chút.

NHÀ VÕ-SĨ

Người họp lại đây được nhiều các giống cây thật : kia cây nho, lại có nhiều thứ cây quả nữa.

NGƯỜI HỦI

Cây quả thời hãy còn non : chính tay tôi trồng cùng với cả giàn nho này nữa, tôi cho mọc cao hơn cái bức tường cỗ kia, để nó lan ra thành một chỗ đi chơi nhàn-bộ nhỏ : đây là chỗ tôi ưa nhất.. Ngài trèo lên những bực đá này : đây là cái thang tôi xây lấy đây. Ngài đứng vào bên tường.

NHÀ VÕ-SĨ

Ồ ! Cái chỗ thú chửa ! Thật là một chốn « liêu-trai » cho người ẩn-độn !

NGƯỜI HỦI

Vì thế nên tôi ưa chỗ này lắm ; đứng đây trông thấy đồng-điền, thấy kẻ nông-phu làm ruộng ; có gì ở ngoài đồng cỏ kia tôi cũng trông thấy cả, mà ngoài không ai trông thấy tôi.

NHÀ VÕ-SĨ

Chốn ẩn-cư này êm-đềm mà sầm-uất biết bao ! Ở nơi thành-thị mà tưởng là giữa chốn lâm-toàn.

NGƯỜI HỦI

Không cứ chỗ rừng núi mới tịch-liêu. Người bất-hạnh thời ở đâu cũng cô-độc.

Nhà võ-sĩ

Bởi duyên-cớ sao mà người đến ẩn mình ở chốn này? Xứ này có phải là quê-quán người chăng?

Người hủi

Tôi vốn sinh ở miền bờ bể, trong quận Ô-nây, tôi đến ở đây mới được mười-lăm năm nay. Còn cái lịch-sử tôi thời chẳng qua là một khúc đoạn-trường dài.

Nhà võ-sĩ

Người vẫn ở một mình thế này ư?

Người hủi

Cha mẹ tôi mất từ thủa tôi còn nhỏ, tôi không được biết bao giờ: Chỉ còn lại một người em gái thì mới chết được hai năm nay. Tôi không có bạn-bè nào cả.

Nhà võ-sĩ

Khốn-nạn thay!

Người hủi

Ấy cũng là lòng Trời như vậy

Nhà võ-sĩ

Dám hỏi tên họ người là gì?

Người hủi

Ôi! tên tôi nó dữ-dội lắm: tên tôi là *Thằng Hủi*! Thế-gian không ai biết tên họ tôi là gì, cũng không ai biết tên thánh của nhà thờ đặt cho tôi hồi tôi mới đẻ. Chỉ biết tôi là *Thằng Hủi* mà thôi: tôi chỉ có một cái huy-hiệu ấy để đối-phó với cái lòng nhân-từ của thế-nhân mà thôi. Ước gì người đời không bao giờ biết tôi là ai!

Nhà võ-sĩ

Người em gái người mới mất đó trước cô ở đây không?

Người hủi

Có ở cùng với tôi năm năm ở trong cái nhà này. Em tôi cũng khốn-nạn như tôi, hai anh em cùng chia cái đau-khổ với nhau.

Nhà võ-sĩ

Bây giờ ở chỗ tịch-mịch như thế này thời người làm những công-việc gì?

Người hủi

Công-việc của một kẻ ẩn-độn như tôi mà kể cho một người sinh-trưởng ở trong trường giao-tế, lấy sự hoạt-động với xã-hội làm vui làm sướng, thời còn gì vô-vị bằng.

Nhà võ-sĩ

Ôi! người không biết cái xã-hội ấy thế nào, cái xã-hội ấy nó không làm cho tôi được vui được sướng bao giờ. Tôi không phải là người ẩn-độn, nhưng lắm khi cũng tự coi mình như người ẩn-độn, và người không ngờ chớ có lẽ cái tư-tưởng đôi ta có nhiều chỗ hợp nhau lắm vậy. Song xin thú thật rằng nếu phải làm người chung-thân ẩn-độn thì cũng lấy làm hãi thật; không thể tưởng-tượng được một cái đời như thế nó ra nào thế.

Người hủi

Trong sách « Thuật Thánh-Giáo » [1] có nói rằng: « Người nào biết yêu mến cái ngục-thất của mình thời dẫu ở trong ngục cũng được khoan-khoái trong lòng. » Tôi mới bắt đầu nghiệm ra câu ấy là thật. Vả lại ở cô-độc mà có việc làm thời cái cảm-giác tịch-liêu nó cũng nguôi đi. Người ta mà có việc làm thời không bao giờ đến khốn-nạn lắm. Nghiệm như tôi đây thời biết. Mùa ấm

(1) *Imitation de Jésus-Christ.*

tạnh thời tôi trồng cây trồng hoa trong vườn cũng đủ bận. Mùa đông-giá thời tôi đan rổ đan chiếu ; tôi làm quần áo lấy để mặc ; những lương-thực ở nhà thương đem lại cho mỗi ngày tôi nấu cơm lấy mà ăn ; còn giờ nào ngồi không thời cầu-nguyện. Suốt năm như thế, bết năm rồi coi chừng như hãy còn ngắn lắm.

NHÀ VÕ-SĨ

Tôi tưởng người coi một năm dài bằng một thế-kỷ mới là phải.

NGƯỜI HỬI

Sự đau-đớn phiền-não nó làm cho thì giờ như dài ra ; nhưng năm tháng bao giờ cũng qua đi mau lắm. Vả lại dẫu khốn-nạn đã đến bậc cùng-cực vẫn còn lại một cái sướng mà người thường không thể biết được, cái sướng ấy chắc ngài cho làm lạ lắm : là cái sướng thấy mình còn sống, còn thở được. Mùa ấm-tạnh có khi cả ngày tôi cứ ngồi im trên đống tường kia mà hô-hấp cái khí trong, ngoạn-thưởng cái cảnh đẹp của tạo-vật : tư-tưởng tôi bấy giờ mung-lung phiếu-diêu ; mối sầu ngụ ở trong lòng mà không giao-động tấm lòng ; con mắt mơ-màng nhìn cái đồng-điền kia, nhìn những rẫy núi bao-bọc chung-quanh. Những cảnh-sắc ấy như đã in vào trong ký-ức tôi, khác nào như cảnh ấy với tôi là một người bạn, ngày nào trông thấy cũng lấy làm vui.

NHÀ VÕ-SĨ

Tôi thường nhiều khi cũng có cái cảm-giác giống-giống như thế. Như khi nào sầu-muộn trong lòng, bụng mình sẽ nguyện điều gì mà thấy bụng ngư[illegible] không được như thế, thời ngắm cả[illegible] vật ở ngoài cũng đủ khuây-khỏa được. Tôi hay ưa núi ưa cây, tưởng như muôn loài trên thế-gian này là những người bạn của Thiên-chúa ch[illegible]

NGƯỜI HỬI

Nghe ngài nói tôi lại muốn giải-bày cái tâm-trạng tôi cho ngài hay. Phàm những cảnh-vật hằng ngày trông thấy, tôi thật mang lòng quyến-luyến, coi như người bạn ở đời vậy. Trước mặt kia có rẫy núi băng Duy-tộ, có rặng rừng rậm núi Thánh-Bặc-na, có mấy cái cô-phong kỳ-tú đột-ngột ở trên lũng Diêm ; chiều nào trước khi về nghỉ trong lều tôi cũng phải ra ngắm một lúc như chào hỏi người bạn thân vậy. Đã hay rằng Thiên-chúa sáng-tạo ra muôn vật thời dẫu một con kiến hay cả vũ-trụ cũng đều là biểu cái sức mạnh vô-cùng của người cả, nhưng coi cái cảnh-tượng lớn-lao của rừng núi nó vẫn cảm vào giác-quan tôi mạnh hơn : những cái đại-khối nguy-nga kia, băng che tuyết phủ quanh năm, không bao giờ tôi nhìn thấy mà không có cái cảm-giác kinh-sợ ở trong lòng. Nhưng trong cái bức họa lớn nó bao-bọc chung-quanh tôi này, thời có mấy cái cảnh yêu của tôi, tôi ưa hơn nhất cả ; trong số có cái am ngài trông thấy trót-vót trên đỉnh núi Xa-văn-sô kia. Đứng trơ-trọi ở giữa rừng, gần một cánh đồng hoang, chiều-chiều ánh tà-dương xiên-chiếu vào đấy. Tuy tôi không tới đấy bao giờ mà nhìn lấy làm khoái lạ. Khi mặt trời gần lặn, thường ngồi trong vườn mà ngửng mắt lên ngắm cái am thanh-vắng ấy, thì thấy trong tinh-thần khoan-khoái lắm. Coi cũng hình như một nơi biệt-thự của mình vậy ; trong trí mơ-màng phảng-phất tưởng như xưa kia hồi mình sung-sướng hơn đã có từng ở đó, mà nay quên đi mất rồi. Tôi lại ưa nhất là ngắm những rẫy núi xa ở tận chân trời kia, sắc núi cùng với mầu trời như một. Trông cái cảnh xa-xa thường sinh ra lòng hi-vọng, như nghĩ đến việc tương-lai vậy ; tấm lòng tấm-tức tưởng-vọng như ở đâu xa có một nơi lạc-cảnh kiếp sau

này mình sẽ được tới mà hưởng cái hạnh-phúc hiện nay vẫn mong-mỏi, tuy không được mà vẫn mong-mỏi, hình như có một cái lòng dục-vọng ngầm nó cứ quyết với mình rằng thế nào cũng có ngày được vậy.

NHÀ VÕ-SĨ

Có cái nhiệt-tâm như người, chắc là phải miễn-cưỡng lắm mới cam-tâm an-phận được như vậy và khỏi bỏ mình vào nơi tuyệt-vọng.

NGƯỜI HỦI

Nói rằng lúc nào tôi cũng cam-tâm đành phận thời không phải là nói thật với ngài. Tôi chưa tới được cái bậc vong-kỷ hoàn-toàn như mấy nhà ẩn-độn kia. Tôi chưa thể dứt được hết cái giây luyến-ái với đời : đời tôi là một sự chiến-đấu luôn-luôn ; cái sức an-ủi của tôn-giáo tuy cũng đã mạnh mà có khi không hạn-chế được cái lòng vọng-tưởng của tôi, lòng vọng-tưởng ấy nó thường khiến tôi mơ-mộng về cái cõi đời này là nơi tôi không biết bao giờ mà hình-ảnh vẫn cứ mơ-màng ở trước mắt tôi để làm cho tôi cực-khổ.

NHÀ VÕ-SĨ

Ví tôi có phép gì làm cho người soi rõ được vào trong tâm-can tôi, để cho biết tôi quan-niệm về cái đời này thế nào, thời tôi chắc rằng những sự mơ-màng thương-tiếc của người sẽ tiêu-tán ngay lập-tức.

NGƯỜI HỦI

Tôi cũng có đọc mấy quyển sách biết rằng lòng người vốn nham-hiểm và sự khổ-não là cái nghiệp chung của giống người, nhưng lòng tôi không sao tin được như thế. Tôi vẫn tưởng-tượng rằng bè-bạn thời lòng ngay dạ thẳng, vợ chồng thời tốt lứa vừa đôi, trai-trẻ mạnh-khỏe, phú-quí phong-lưu, thật là hoàn-toàn hạnh-phúc. Tôi thường mơ-màng như trông thấy những lứa đôi cùng nhau thơ-thẩn trong khóm cúc bụi tùng, xanh hơn mát hơn là những cây những bóng ở đây, ánh mặt trời cũng sáng tỏ hơn là mặt trời chỗ này, tưởng cái thân họ là thần-tiên ở đời, nghĩ mình càng khổ bao nhiêu lại càng thèm họ sướng bấy nhiêu. Mỗi năm cứ đến đầu mùa xuân, có cái gió đất Biệt-mông thổi qua chốn thung-lũng này, gió êm-đềm ấm-áp, làm cho tôi xôn-xao cả trong người. Bấy giờ trong lòng như có cái vô-hạn dục-tình, như mơ-màng ham-muốn một cái khoái-lạc vô-ngần, tưởng mình có thể hưởng được mà trời không cho hưởng. Khi ấy thời tôi bỏ chốn trai-phòng mà đi, chạy lang-thang ngoài đồng, cho hô-hấp được thoả-thuê hơn. Bụng thời khao-khát muốn gặp mặt người ta, mà đi vẫn cố ý tránh cho người ta không trông thấy ; rồi leo lên trên đỉnh cái đồi kia, ẩn trong bụi rậm như con thú dữ, đứng trên ấy nhìn xuống thành A-ốc này, tưởng người dân trong thành sinh-hoạt sung-sướng biết bao, họ dễ chẳng biết đâu đến mình mà mình thì riêng những thèm-thuồng cái số-phận của họ ; có lúc dơ tay ra mà kêu gào, như muốn đòi họ trả lại cho mình cái phần hạnh-phúc của mình. Tôi xin kể thật với ngài, đương lúc mê-cuồng như thế, có khi tôi đương cánh ra ôm lấy cây trong rừng mà cầu-nguyện Thiên-chúa làm thế nào biến những cây ấy ra người cho tôi được có bạn. Nhưng tôi vẫn kêu mà cây vẫn cứ yên-lặng như tờ ; cái vỏ cây lạnh-ngắt như cũng muốn ruồng-rẫy tôi, không có đồng-tình đồng-cảm gì với cái tấm lòng tôi bồi-hồi thổn-thức vậy. Bấy giờ thân-thể mệt-nhọc, nghĩ đến sự đời mà chán ngán, lại kéo lê về trai-phòng vậy, kể-lể với Thiên-chúa những nỗi đau-khổ trong lòng, ngỏ mà cầu-nguyện cũng đỡ chút.

NHÀ VÕ-SĨ

Ôi! khốn-nạn thay! thế ra người vừa đau-đớn cả phần hồn cùng phần xác ru?

NGƯỜI HỦI

Cái đau ngoài xác không phải là cái khổ hơn nhất, thưa ngài.

NHÀ VÕ-SĨ

Vậy thời cũng có lúc cái đau trong người nó nguôi bớt được ít nhiều chăng?

NGƯỜI HỦI

Tháng nào cũng cứ theo tuần trăng mà khi tăng khi giảm, thường-thường hồi trăng mới mọc thời tôi có đau hơn, rồi bệnh lui dần đi và hình như biến tính, da khô lại, trắng bệch ra, bấy giờ hầu như không thấy đau nữa; nhưng khổ nhất là cái tật không ngủ được, nếu không phải tật ấy thời bệnh cũng không đến nỗi khó chịu lắm.

NHÀ VÕ-SĨ

Vậy ư? Thế ra đêm không ngủ được sao?

NGƯỜI HỦI

Than ôi! Cực-khổ lắm, thưa ngài! khốc-hại thay là cái tật không ngủ được! Thân đã khốn-nạn như thế này mà suốt đêm không nhắm mắt, chỉ đăm-đăm đau-đáu nghĩ đến cái khốn-cảnh bây giờ, cái cùng-đồ về sau, ngại thử nghĩ những đêm như thế nó dài biết bao mà buồn nữa biết bao! Nhưng mà tôi tưởng người đời không ai thấu được hết cái nông-nỗi thê-lương ấy. Đêm càng thâm mà lòng tôi càng kinh-hãi; đến khi canh đã gần tàn thời trong người nó nôn-nao quá, những lúc khác không thấy thế bao giờ, không sao hình-dung ra được. Lúc thời tưởng có cái sức mạnh vô-địch nó cuốn tôi vào cái vực sâu; lúc thời trông thấy những vết đen như mực ở trước mắt, ... nhìn kỹ thời thấy nó giáo ... mau như chớp loáng, rồi càng lại gần tôi càng to mãi ra, vụt biến thành những trái núi lớn đổ ụp vào người tôi vậy. Cũng có khi trông thấy mây ở dưới đất bốc lên chung-quanh mình, cuồn cuộn như sóng, chồng-chất lên như muốn tràn ngập cả người. Nếu muốn đứng lên để cho khuây-khoả thời như có cái giây lam-cố nó buộc lại, không có sức mà cưỡng nổi. Chắc ngài cho là chiêm-bao mộng-mị, nhưng không phải, tôi vẫn thức, có ngủ đâu. Bao giờ cũng thấy bấy nhiêu cái vật kỳ-kỳ quái-quái như vậy, sinh ra một cái cảm-giác kinh-hãi vô-cùng, không sự đau-đớn nào bằng.

NHÀ VÕ-SĨ

Có lẽ trong những đêm không ngủ được ấy người phát sốt lên, nên mới sinh ra mê-sảng như vậy.

NGƯỜI HỦI

Ngài cho là sốt mà sinh ra thế ru? Ước sao cho ngài nói phải. Từ trước đến nay tôi vẫn sợ mê-sảng như thế là triệu-chứng của bệnh điên chăng; tôi thú thật với ngài rằng nghĩ nông-nỗi ấy mà lo-sợ lắm. Tôi cầu trời khấn chúa cho thật phải là bệnh sốt!

NHÀ VÕ-SĨ

Tôi lấy cái cảnh-ngộ người làm cảm-động lắm. Tôi thú thật rằng không thể tưởng-tượng được một cái cảnh nào giống như cảnh này. Song tôi thiết-nghĩ rằng hồi cô em còn sống thời không đến nỗi buồn như bây giờ.

NGƯỜI HỦI

Em tôi mất đi thật là thiệt-thòi cho tôi lắm, chỉ có Thiên-chúa mới thấu được cái nông-nỗi ấy. — Nhưng ngài đứng gần tôi thế, không sợ sao? Ngài ngồi đây, ngồi xuống viên đá này, để tôi đứng đằng sau bụi cây, nói chuyện khỏi phải nhìn mặt nhau.

NHÀ VÕ-SĨ

Sao vậy ? không, không phải đi đâu cả, cứ đứng cạnh tôi đây. (Nói đến câu ấy, nhà võ-sĩ quên đi, đưa tay ra muốn nắm lấy tay người hủi, người hủi vội-vàng rụt lại).

NGƯỜI HỦI

Ngài này vô-tâm chửa ! suýt nữa thì nắm phải tay tôi.

NHÀ VÕ-SĨ

Dù tôi bắt tay người nữa cũng cam-tâm, chớ có hề chi.

NGƯỜI HỦI

Nếu ngài bắt tay tôi thời thật là sự hân-hạnh cho tôi, bình-sinh mới có một lần vậy : tay tôi chưa từng được ai cầm đến bao giờ.

NHÀ VÕ-SĨ

Vậy ư ! ngoài cô em gái người nói chuyện đó, bình-sinh không từng giao-tiếp với ai, không từng được người nào yêu-dấu hay sao ?

NGƯỜI HỦI

Cũng may cho nhân-loại, trên mặt đất này không có kẻ nào giống như tôi.

NHÀ VÕ-SĨ

Nói mà ghê thay !

NGƯỜI HỦI

Ngài là một người hàng-xứ có bụng thương người, xin ngài thứ lỗi cho tôi. Ngài chắc cũng biết rằng kẻ đau-khổ hay muốn kể những sự bất-hạnh của mình.

NHÀ VÕ-SĨ

Xin cứ nói, xin cứ nói ! Người là một kẻ bất-hạnh rất khả-ái. Người vừa nói rằng trước có có em gái ở cùng và đỡ-đần cho bớt chút đau-khổ.

NGƯỜI HỦI

Phải, chỉ có em tôi là tôi còn một chút giây liên-lạc với người đời, nhưng đến cái giây ấy Trời cũng chẳng để. Trời làm đoạn-tuyệt, để cho tôi sống trơ chết trọi ở đời. Em tôi bây giờ lên cõi cực-lạc, tưởng cái linh-hồn cũng được xứng-đáng ; cái gương bình-sinh của em tôi đã làm cho tôi được an lòng đành phận, từ khi em tôi chết đến giờ không còn cái gương ấy nữa, mới càng rõ cái cảnh đời-nhiễu đốn-tỏa vậy. Song em tôi với tôi lúc bấy giờ cũng không phải là ở thân-cận với nhau, như cái cách sinh-hoạt êm-ái mà tôi vẫn mơ-tưởng, khác nào như hai người bạn đồng-bệnh tương-cứu vậy. Là bởi cái tật của hai người nó khiến cho không được hưởng cái hạnh-phúc đó. Dẫu khi đứng gần nhau để cầu nguyện, cũng vẫn tránh cho khỏi trông thấy mặt, sợ cái cảnh-tượng khốn-nạn của thân-thể hai người nó làm cho phiền-não lòng nhau, thành ra con mắt thâm-tình chỉ có thể họp nhau ở trên chốn không-gian vô-hạn vậy. Xong buổi cầu thời em tôi về trại-phòng riêng, hay là ra ngồi ở dưới bụi cây dẻ ở cuối vườn kia ; hai người bao giờ cũng ăn ở cách nhau vậy.

NHÀ VÕ-SĨ

Nhưng mà cớ sao lại tự bắt-buộc cực-khổ như thế ?

NGƯỜI HỦI

Nguyên cả nhà tôi phải bệnh phong, khi em tôi cũng mắc nốt, đến dây vỡ tôi, thì từ trước đến bấy giờ hai anh em không trông mặt nhau bao giờ. Em tôi mới nhìn thấy tôi lần thứ nhất, [illegible] tôi kinh-hãi vô-cùng. Tự bấy giờ, tôi sợ làm cho em tôi thêm phiền-não lắm, sợ đến gần thời làm cho bệnh em [illegible] nặng hơn lên, nên tôi mới dứt tình [illegible] định hai người ăn ở cách nhau [illegible] Vì em tôi mới mắc bệnh có

ở ngực mà thôi, tôi còn mong rằng có ngày khỏi được. Ngài còn trông thấy cái rào tôi bỏ dở kia ; đó là một cái rậu bằng cây ngài trước tôi trồng chăm-chút lắm để chia cách vườn ra làm hai phần. Mỗi bên tôi có đặt một con đường nhỏ để cho hai người vừa đi vừa nói chuyện được, không nhìn thấy mặt nhau và không phải đến gần nhau.

Nhà võ-sĩ

Còn được một chút vui-vầy như thế mà cũng phải cực-khổ như vầy. Trời cũng quá ác thật.

Người hủi

Tuy vậy, em tôi còn thời cái chốn ẩn-cư này cũng còn có vẻ sinh-hoạt một chút, tôi không đến nỗi cô-độc như bây giờ. Ngồi một mình còn nghe thấy tiếng người đi. Lúc trời rạng đông, ra ngồi dưới bụi cây kia cầu-nguyện, thời thấy cửa trong lầu khẽ mở và nghe tiếng em tôi cũng lầm-rầm cầu-nguyện đồng-vọng với tiếng tôi. Buổi chiều lúc ra tưới vườn, thời thường cũng trông thấy người yêu đi thấp-thoáng dưới bóng tà-dương, ngay chỗ này, chỗ tôi đương đứng nói chuyện với ngài đây, bóng người đi đi lại lại trên đám hoa vậy. Dấu không trông thấy mặt mà cái dấu vết người không dâu là không có. Bây giờ đi trên đường không thấy một cánh hoa rơi, một cành cây rụng là cái di-tích của người cũ đã đi qua ; bây giờ thật là trơ-trọi một mình vậy. Quanh mình không có cái gì cử-động, không có cái gì sinh-hoạt nữa, con đường đi vào bụi cây yêu của người cũ đây cũng cỏ mọc rêu che cả rồi. Em tôi lúc sống không làm ra dáng san-sóc đến tôi mà kỳ-thực khắc lúc nào là không chăm-chút cho tôi được đẹp lòng. Khi vào trong bụi thường lấy làm lạ trông thấy trong lo có ngành hoa tươi mới cắm, hay là trái quả ngon gì chính tay em tôi chọn-lựa

(1) Miserere

Về phần tôi thời tôi không dám chăm cho em tôi như vậy, thậm-chí phải xin em tôi đừng năng vào buồng tôi ; nhưng cái lòng yêu-dấu của một người em gái, ai có thể hạn-chế cho được ? Xem một việc như sau này thời đủ biết em tôi yêu-dấu tôi là dường nào. Một đêm tôi đau quá không chịu được, đi bước rầm-rầm trong phòng. Đến nửa đêm, ngồi xuống một lát để nghỉ, thời nghe thấy tiếng động khe-khẽ ở ngoài cửa phòng. Tôi lại gần, lắng tai nghe ; bấy giờ tôi kinh-ngạc xiết bao ! Thấy em tôi ngồi ngoài bực cửa mà đương cầu-nguyện cho tôi. Em tôi nghe thấy tiếng tôi rền-rĩ, quá thương nên sợ động không dám vào, nhưng đến gần đấy để làm-thời cứu cho dễ vậy. Tôi nghe thấy đương lầm-rầm đọc bài nguyện « Cảm thương » (1), bèn quì xuống bên cửa, không hỏi-han gì, cũng đọc theo bài ấy ở trong bụng, hai mắt chứa-chan giọt lệ ; cái tình yếu-dấu đến thế, ai là người cầm lòng cho được ? Lúc nghe đọc bài nguyện đã xong, tôi khẽ nói rằng : « Thôi em về nghỉ, anh đã thấy bớt được một chút : anh cầu Thiên-Chúa giáng phúc cho em, thưởng cho cái lòng kính-ái của em ! » Em tôi bèn lẳng-lặng lui về, và chắc bữa đó lời cầu-nguyện có ứng, vì đêm ấy tôi ngủ được mấy giờ yên-ổn.

Nhà võ-sĩ

Người em gái qui-hóa thay ! Mấy ngày sau khi cô ta mới mất, chắc trong lòng người buồn-bực biết bao !

Người hủi

Lúc mới tôi như tê-mê, lâu mãi không có sức mà cảm-giác biết sự khốn-nạn là dường nào : đến khi tỉnh ra, biết cái tình-cảnh khổ như thế, gần như phát điên lên. Thời-kỳ ấy là cái thời-kỳ thảm nhất cho tôi, vì hai cớ : một là cái tang đó, hai là cái tội ác suýt nữa thời tôi phạm phải.

NHÀ VÕ-SĨ

Tội ác ru? Tôi tưởng người không phải là một tay phạm tội ác được.

NGƯỜI HỦI

Tuy vậy mà quả có như thế. Tôi kể đến cái đoạn này trong đời tôi, chắc rằng cái bụng ngài quá thương tôi sẽ giảm bớt đi mấy phần vậy. Nhưng xin cứ kể thực, không dám hư-sức cho hay hơn ra, có lẽ ngài nghe rồi cho tôi là thằng có tội, nhưng ngài cũng dủ lòng thương vậy. Nguyên trước kia, gặp lúc buồn-bực quá chừng, trong bụng tôi đã manh ra cái ý muốn tự-tận cho hết nợ đời. Nhưng vì sợ Thiên-Chúa nên mỗi lần nghĩ đến lại gạt đi. Chợt xảy ra một việc rất thường, tưởng không gì đến đau lòng rối trí cho lắm, thế mà nhân đó chỉ một tí nữa là mắc tội đến vô-cùng. Hồi bấy giờ tôi mới phải một sự buồn nữa. Đã mấy năm trước có một con chó con nó lạc vào đây, em tôi yêu nó lắm, từ khi em tôi mất đi thời còn được con chó ấy cũng là cái thuốc giải-phiền cho tôi.

Con chó ấy thì hình-dáng xấu-xí, dễ cũng vì thế nên nó mới đến ở đây. Thiên-hạ ai cũng ruồng-rẫy, nhưng con chó ấy vào nhà anh hủi cũng còn là một con vật báu. Em tôi muốn cảm ơn Trời đã quá thương mà cho được một người bạn như vậy, bèn đặt tên cho nó là con « Kỳ-ngộ », tên ấy thật là trái với cái dáng nó xấu-xí lạ thường; vả nó lúc nào cũng vui tính lắm, nên anh em nhìn cũng khuây-khỏa được nỗi phiền-não một đôi chút. Tôi đã cố giữ-gìn mà một đôi khi nó cũng chạy ra ngoài, tôi vẫn tưởng rằng cũng chẳng hại gì cho ai. Nhưng có mấy người dân trong thành lấy thế làm sợ, tưởng con chó truyền cái nọc bệnh phong ra ngoài, bèn làm đơn kêu quan trấn-thủ ngài hạ lệnh phải đem con chó [illegible] giết ngay lập-tức. Mấy tên lính cùng với mấy người dân liên ap-đảo nhà tôi để thi-hành cái lệnh độc-ác ấy. Họ thòng một cái giây vào cổ con chó ở trước mặt tôi, rồi lôi nó đi. Ra đến cửa vườn, tôi không thể đừng không nhìn một lần nữa; tôi trông thấy con chó nó quay mắt lại tôi như muốn cầu cứu, không biết rằng tôi không sao cứu nổi. Họ định đem gìm nó xuống sông Đóa; nhưng bọn dân-phu đứng chực ở ngoài ném đá vào nó dữ lắm. Tôi nghe thấy tiếng nó kêu não quá, chạy vào trong lều, tưởng như chết ngất người đi, đầu-gối run cầm-cập không thể đứng vững nữa; bèn gieo mình vào giường nằm, tình-trạng lúc bấy giờ không thể nào hình-dung cho được. Nghĩ ra lệnh quan tuy có quá nghiêm nhưng cũng là phải, thế mà lúc ấy trong lòng đau-đớn quá coi như là một sự dã-man độc-ác mà vô-ích. Bây giờ nghĩ lại cái tâm-trạng lúc bấy giờ cũng lấy làm thẹn, nhưng vẫn chưa thể bình-tâm mà hồi-tưởng được. Cả ngày hôm ấy tâm-thần tôi giao-động cả. Tôi chỉ còn một con chó ấy là giống sinh-vật ở bên mình, thế mà họ nỡ lòng cướp mất của tôi, cái thủ-đoạn ác-nghiệp ấy như mở rộng cả những vết thương đau-đớn ở trong lòng tôi vậy.

Ấy cái tình-trạng tôi ngày hôm ấy như thế, đến lúc mặt trời đã xế, tôi ra ngồi ở đây, ở cái hòn đá ngài đương ngồi bây giờ này. Ngồi đã lâu lâu, đương ngẫm-nghĩ về cái số-phận bi-thảm của mình, thời thấy ở đàng xa kia, vào khoảng hai cây đa ở cuối cái lũy kia, có một anh một chị, chừng hai vợ chồng trẻ mới lấy nhau được ít lâu. Hai người cùng đi trên con đường tắt qua cánh đồng, gần đến chỗ tôi ngồi. Mặt-mũi khôi-ngô, nhìn cũng biết là có cái vẻ hoàn-toàn hạnh-phúc, đi thong-thả, khoác cánh tay nhau. Bỗng trông thấy hai người đứng dừng lại; người vợ cúi đầu xuống, để vào [illegible] người chồng, người chồng lấy [illegible] ấp-lấy ra dáng âu-yếm vô cùng

Tôi cứ nhìn theo mãi cho đến đầu cánh đồng kia, giữa lúc mắc bụi cây gần không trông thấy hút nữa thời chợt nghe thấy những tiếng reo cười, là tiếng người hai họ đi đón hai vợ chồng vậy. Nào là ông già, nào là đàn bà, nào là con trẻ, xúm-xít chung-quanh ; nghe thấy tiếng lào-xào vui-vẻ ; lại trông thấy thấp-thoáng trong bóng cây những quần-áo rực-rỡ ; cả đoàn như có một cái hào-quang hoan-lạc vậy. Tôi không thể sao nhìn được cái cảnh-tượng vui-vầy ấy ; cái cực-khổ địa-ngục nó đã vào sâu trong lòng tôi rồi ; tôi ngoảnh mặt đi, tôi chạy trốn vào trong trại-phòng tôi. Trời ôi ! sao mà cái phòng tôi bấy giờ nó lặng-lẽ, nói tối-tăm, nó ghê-sợ như thế ! Tôi nghĩ trong bụng rằng : « Thế là cái chốn ở ta cùng-kiếp ở chỗ này đây. Thế là ta phải buộc mình ở đây để đeo-đẳng một cái đời khốn-nạn, cho đến ngày tận-số mới thôi ! Thiên-chúa đã ban-phát cái hạnh-phúc cho khắp mọi người, phàm giống gì có sống ở đời đều được hưởng cái hạnh-phúc ấy rồi-rào cả ; duy có tôi, có một mình tôi, là không người giúp-đỡ, không kẻ bạn-bè, không chút vợ con... Cực biết đường nào ! »

Trong lòng đây những cái tư-tưởng uất-phẫn như vậy, quên đi không nhớ rằng trên đầu ta vẫn có một đứng Cứu-thế, quên đi không biết mình là gì nữa. Tự nghĩ rằng : « Trời sinh ra ta làm chi, cho ta biết cái ánh sáng mặt trời làm chi ? Bởi sao mà tạo-vật chỉ độc-ác với ta mà thôi ? Ta như đứa con mất phần hương-hoả, ta cũng là một người trong cái gia-tộc lớn là loài người này, trước mắt ta đầy-rẫy những của-cải là cái tài-sản chung của cả mọi người, mà ông trời hẹp-hòi quá không cho ta được hưởng một phần. » Bấy giờ tôi như phát cuồng lên, kêu to lên rằng : « Thôi, thôi, trên mặt đất này chẳng có cái hạnh-phúc gì cho ta nữa đâu : nên chết đi, chết đi cho rồi, hỡi người bất-hạnh ! Mày làm ô-uế cái mặt đất này đã lâu rồi, ước gì cái đất này nó lấp sống mày đi, mà đừng để lại một chút di-tích gì của cái đời ô-trọc này nữa. » Cái cuồng-độ của tôi nó càng tăng mãi lên, hốt nẩy ra cái ý muốn tự-tận ; rồi quanh-quẩn chỉ nghĩ đến đường tự-tận mà thôi. Sau mới quyết định đốt cháy cái nhà này đi, rồi nằm trong cho nó thiêu cả mình đi cùng với hết thảy những đồ vật còn có lưu cái dấu vết của mình ở đời. Quay-cuồng, tức-tối, chạy ra ngoài đồng ; đi lang-thang một lúc trong sở tối, chung quanh nhà : ngực phập-phồng thổn-thức mà tự kêu lên những tiếng gầm-thét, đương đêm lặng-lẽ, chính mình nghe thấy cũng ghê thay. Rồi hăng-hăng chạy về nhà, vừa đi vừa kêu : « Khốn cho mày là thằng hủi ! khốn cho mày ! » Bấy giờ hình như cả cảnh-vật đều dấu sức lại mà giục tôi làm xằng, nên tôi càng kêu càng nghe thấy tiếng vang tự bên lầu Nga-quỉ dồng-vọng đưa sang rõ-ràng : « Khốn cho mày ! khốn cho mày ! » Tôi kinh-hãi quá, đứng dừng lại ở cửa nhà, thời tiếng vang bên núi kia vẫn còn đưa xa văng-vẳng mãi : « Khốn cho mày ! khốn cho mày ! »

Tôi cầm lấy cái đèn, quyết châm lửa đốt nhà, bèn đi xuống cái buồng thấp nhất, đem những cành cây khô theo. Buồng ấy là buồng em tôi ở trước, từ khi em tôi chết đến giờ tôi không vào đấy lần nào ; cái ghế ngồi hãy còn y như lúc tôi vực hắn ra lần sau cùng ; trông thấy cái khăn che mặt của em tôi với mấy mảnh quần áo còn để bừa trong phòng, tôi thấy rùng mình sợ ; những lời di-ngôn của em tôi nói trước khi vực ở trong buồng ra bấy giờ mới hiển-hiện ra ở trong tư-tưởng tôi ; sực nhớ em tôi bảo tôi rằng : « Anh ôi, tôi chết cũng không bỏ anh đâu ! còn anh cứ nhớ rằng lúc nào anh đau

khổ là có em ở đấy. » Tôi đặt cái đèn lên trên bàn, trông thấy cái giây buộc thánh-giá của em tôi thường đeo cổ, chính tay em tôi đặt vào giữa hai tờ giấy quyển kinh Thánh-thư. Chợt trông thấy thế, tôi lùi lại, sợ-hãi vô-cùng. Bấy giờ mới hoảng-nhiên trông thấy cái vực sâu mình sắp đưa mình xuống. Tôi lại gần quyển kinh, vừa run vừa sợ, kêu lên rằng: « Đây, đây, em tôi cứu tôi đây! » Tôi cất cái thánh-giá ở quyển kinh lên, thì thấy một cái bao thơ niêm-phong tử-tế của em tôi để lại cho tôi ; từ trước đến bấy giờ, còn cầm được nước mắt, lúc ấy thời giọt lệ chảy ra chan-chứa, bao nhiêu cái mưu ác-hại lúc ban nãy tức-khắc tiêu-tán đi hết cả. Tôi ôm bức thơ ấy lên trên ngực, chưa đọc vội, rồi quì xuống cầu-nguyện dứng đại-từ đại-bi cứu-khổ cứu-nạn, xong mới mở cái thơ ra, vừa đọc vừa nức-nở khóc, trong thơ rành-rành có mấy câu như sau này, tạc dạ ghi lòng không bao giờ quên vậy :

« Anh ôi ! em sắp quyết-biệt anh, nhưng em không bỏ anh đâu. Em mong-mỏi được lên chốn thiên-đường cực-lạc, em sẽ phù-hộ cho anh ; em sẽ cầu-nguyện Thiên-chúa cho anh cái can-đảm để mà nhẫn-nhục chịu lấy sự đời cho đến ngày Thiên-chúa đẹp lòng cho ta được cùng nhau xum-họp ở cõi lai-sinh, bấy giờ tôi mới tỏ được hết cái bụng tôi yêu-dấu anh, bấy giờ thời không có gì ngăn-trở tôi không được đến gần anh nữa, không còn cái gì xa cách được anh em ta nữa. Tôi để lại cho anh cái thánh-giá nhỏ mà bình-sinh tôi vẫn thường đeo; những lúc đau-khổ nó thường an-ủi cho tôi được nguôi lòng, những khi tôi ngậm-ngùi than-khóc cũng chỉ có nó chứng-giám vậy. Anh trông thấy cái thánh-giá này thời xin anh nhớ cho rằng cái lời cầu sau cùng của tôi là nguyện cho anh dù sống dù chết cũng giữ lấy một lòng trung-thành làm tôi Thánh-chúa vậy. »

Ôi ! cái thơ yêu-quí thay ! không bao giờ tôi dời cái thơ này, dẫu chết cũng mang theo vào trong mồ vậy. Nhờ có cái thơ này họa may kiếp sau mới siêu-thăng được lên chốn thiên-đường, không thời đã phạm tội ác rồi, còn mong bao giờ cho tới được. Đọc xong cái thơ như muốn ngã người ra, vì những nông-nỗi ấy đã cảm-động mạnh quá, như không còn sức-lực gì nữa. Thấy như có cái đám mây nó che mờ cả con mắt, và trong một lúc quên mất cả những sự đau-đớn ở trong người, quên mất cả là mình còn sống nữa. Lúc tỉnh ra thời đêm đã khuya. Tư-tưởng càng rạng dần ra thời càng thấy êm-đềm khoan-khoái vô-cùng. Những việc lúc ban chiều tưởng như một giấc mộng. Cái cử-động thứ nhất của tôi lúc bấy giờ là ngửng mặt lên trời cám ơn Thiên-chúa đã ngăn cấm cho mình khỏi làm một sự đại-ác. Không bao giờ bầu trời tôi trông sáng-tỏ và đẹp-đẽ như đêm hôm ấy : có một ngôi sao lấp-lánh ở trước cửa sổ ; tôi nhìn mãi lấy làm khoái-lạc lắm, lại vừa cảm-tạ Thiên-chúa để cho tôi còn được cái thú ngắm ngôi sao như thế, tự nghĩ rằng dầu khổ như cái thằn thằng hủi nằm trong chốn ngục-thất này mà tạo-hóa cũng còn rành cho một cái tia sáng của ngôi sao trên trời, trong lòng riêng lấy làm an-ủi vậy.

Tôi trèo lên trên buồng thời thấy người đã bình-tĩnh hơn trước. Tự bấy giờ đến sáng tôi đọc thiên « Người nghèo » trong kinh Thánh-thư, thấy trong lòng có cái cảm-hứng cao-thượng, làm tiêu-tán cả những cái tư-tưởng hắc-ám hồi mới rồi. Hồi em tôi còn sống không bao giờ tôi qua những lúc ghê-thảm như vậy ; hễ lúc nào tôi nhớ trong dạ, biết rằng có em ở [illegible] thời bình-tĩnh được ngay ; [illegible] cái tình thương-yêu của em

tôi với tôi đủ làm cho tôi được an-ủi và vững lòng.

Hỡi ông hàng-xứ có bụng thương người! Tôi cầu Thiên-chúa cho ông không bao giờ phải ở một mình. Em gái tôi, người bạn của tôi nay không còn nữa; nhưng trời cũng sẽ cho tôi được đủ sức mạnh mà chịu đựng cho trọn cái đời này; tôi mong rằng trời sẽ giúp tôi vì tôi thành-tâm cầu trời như vậy.

Nhà võ-sĩ

Cô em hồi mất bao nhiêu tuổi?

Người nữ

Em tôi chưa đầy hai-mươi-lăm tuổi; nhưng đau-đớn phiền-não lắm nên coi ra dáng nhiều tuổi hơn. Tuy người vẫn có bệnh, sau đến chết vì bệnh, nét mặt hao-mòn, nhưng giá không có cái mầu da xanh ngắt, xanh đến coi dợn lên, thời cũng là con người đẹp: em tôi thật là hình-ảnh hiển-hiện của cái chết vậy; tôi không thể nhìn mặt mà không bật kêu-khóc lên được.

Nhà võ-sĩ

Thế thì cô em mất sớm quá thật.

Người nữ

Người vốn kiều-nhược mà bao nhiêu lật-bệnh phiền-não, chống làm sao nổi: đã được ít lâu, tôi xét ra nó tất chết mất, coi nó tiều-tụy cho đến nỗi tôi phải cầu-nguyện cho nó chóng được thoát-trần. Trông thấy mỗi một ngày một ốc-lả, một tiều-mòn đi, mà càng thấy gần đến ngày cùng-tận tôi lại càng như vui trong lòng, thật là cái vui kỳ-quái thay. Đã từ một tháng sức thấy càng yếu hơn mãi lên; t[illegible] cứ ngất người đi luôn, tưởng chết ngay trong giây-phút. Một buổi chiều (bấy giờ vào đầu tháng tám), tôi trông thấy người nó đã suy-đồi quá chừng, bên cạnh không muốn để [illegible] một mình; nó ngồi trong [illegible] vì đã mấy ngày nay không nằm giường được nữa. Tôi cũng ngồi bên cạnh, trong buồng tối mù-mịt, hai anh em nói chuyện với nhau, tức là lần nói chuyện sau cùng. Nước mắt tôi cứ giọt dài giọt vắn; tôi đã tự-liệu mà biết cái giờ quyết-biệt rồi, nên không thể cầm lòng được. Nó hỏi tôi: « Làm sao anh khóc thế? Anh phiền lòng làm gì, hở anh? Tôi chết tôi cũng không dời anh, những lúc anh đau-khổ bao giờ tôi cũng sẽ có đấy. »

Được ít lâu thời nó muốn tôi đem nó ra ngoài lầu, để ra cầu-nguyện ở dưới bụi cây dẻ là chỗ mùa ấm-tạnh nó thường ở luôn đấy xưa nay. Nó nói: « Tôi muốn nhìn lên trời mà chết. » Song tôi cũng chưa ngờ rằng đã gần tới giờ rồi. Tôi ẵm nó vào trong cánh tay để vực lên. Nó nói: « Anh đỡ tôi thôi, để tôi còn có sức đi được. » Tôi giắt nó đi từ-từ ra tới bụi cây dẻ; tôi lấy những lá khô chính tay nó đã vun lại đấy từ trước làm một cái gối cho nó nằm, lại lấy một cái vải che cho khỏi khí lạnh đêm, rồi ngồi bên cạnh, nhưng nó nói muốn nằm một mình để ngẫm-nghĩ cái khắc sau cùng: tôi bèn đi xa ra, nhưng vẫn để mắt trông. Tôi thấy cái vải che chốc chốc phập-phồng lên, rồi thấy hai cái bàn tay trắng dơ lên trời. Bấy giờ tôi vừa đi lại gần bụi cây, thời nó xin cho nước uống, tôi lấy nước vào cái cốc của nó, đem lại cho, thời nó sẽ nhắp môi vào đó mà không thể uống được. Nó ngoảnh mặt đi, bảo tôi rằng: « Tôi nghe đã đến giờ rồi đây; chỉ một chút nữa thì cái khát này sẽ tiêu vào chốn thiên-cổ. Anh đỡ tôi, anh ơi; đỡ em gái anh cho qua cầu thoát nạn. Anh đỡ tôi... Anh đọc bài nguyện lâm chung đi anh. » Đó là mấy lời sau cùng của nó nói với tôi. Tôi tựa đầu vào ngực nó; tôi đọc bài nguyện lâm-chung. Tôi bảo nó: « Em ơi, em siêu-thăng lên cực-

lạc, đi em; em bỏ thoát cõi đời này, đi em; em để cái xác thịt này trên tay anh, đi em. » Cái cuộc quyết-đấu cuối cùng của tạo-hóa ấy lâu tới ba giờ đồng hồ, trong ba giờ tôi cứ ngồi đỡ em tôi như thế; xong rồi từ-từ tắt nghỉ, hồn cứ tự-nhiên lìa xác mà giải-thoát ra ngoài cõi trần-hoàn.....

Người hủi kể đến đoạn cuối ấy thời lấy tay che mặt; nhà du-lịch cũng chạnh thương-tâm, không nói lên lời được. Ngồi im một lúc, rồi người hủi đứng lên, nói rằng: « Hỡi khách tha-hương, hễ khi nào ông thấy trong lòng sầu-muộn hay chán-nản, xin nhớ đến kẻ ẩn-độn ở thành A-ốc này; ông đã quá-bộ tới đây, có lẽ cũng không phải là một sự đi chơi vô-ích vậy. »

Hai người cùng đi ra cửa vườn. Lúc nhà võ-sĩ sắp về, thời mặc bao-tay vào bàn tay phải, rồi nói với người hủi rằng: « Người bình-sinh chưa từng bắt tay ai bao giờ; dám xin cho tôi cái hân-hạnh bắt tay tôi; đây là tay một người bạn rất có cảm-tình về cái thân-thế người vậy. » Người hủi lùi lại mấy bước, dường như kinh-hãi, rồi ngửng mặt đơ tay lên trời, kêu to lên rằng: « Ôi! đứng Thiên-Chúa vô-lượng, xin ngài giáng phúc cho cái người khách từ-tâm này! »

Khách du-lịch lại nói thêm rằng: « Nay tôi lại xin một cái hân-hạnh nữa. Tôi sắp phải đi xa; có lẽ còn lâu lắm cũng chưa được gặp nhau; vậy ta có thể một đôi khi viết thơ cho nhau, được không? Chắc khi viết thời sẽ giữ-gìn cho cẩn-thận, điều đó đã cố-nhiên rồi. Thư-trát vãng-lai như thế có lẽ cũng giải-phiền cho người được ít nhiều, và sẽ làm cho tôi được hân-hỉ lắm. »

Người hủi nghĩ giờ lâu, rồi trả lời rằng: « Thôi, tôi chẳng muốn tự-hoặc tôi làm chi. Tôi là một kẻ chỉ có một mình làm xã-hội, chỉ có Thiên-Chúa là bạn-bè; đôi ta rồi sẽ trùng-phùng ở nơi Thiên-Chúa. Hỡi khách tha-hương có lòng quảng-đại, tôi xin từ-biệt ngài, chúc cho ngài được sung-sướng... Xin từ-biệt ngài mãi-mãi vậy! »

Khách du-lịch bước chân ra. Người hủi đóng cửa, cài then, đi vào.

THƯỢNG-CHI *dịch*

Quelle est, entre les hommes de bonne foi et de bonne volonté, la difficulté de s'entendre, quand ces hommes représentent des peuples divers, des siècles de traditions contraires, des millions de « morts qui parlent », — et qui ne parlent pas la même langue !

ANDRÉ TARDIEU

Người ta chủng-tộc đã khác nhau, lịch-sử trái nhau, trước mình có mấy mươi muôn vàn ông tổ cách đời còn như văng-vẳng gọi mình, mà ông tổ mỗi giống nói một thứ tiếng khác nhau, thời dầu người lòng thành ý tốt cũng khó lòng mà hòa-hợp với nhau vậy.

LẤY CHỒNG DÊ (1)

(Thần-tiên tiểu-thuyết)

Có người đàn bà ở làng Thanh-khê, góa chồng, đẻ được hai con gái, cô bé đã gả chồng rồi, cô lớn độ 19, 20 tuổi. Không may mẹ mất, sứ nhạn tin ong, xôn-xao ngoài cửa, cô ta đều từ rằng : « Không may trời huyên khuất núi, con thảo là ai ? Nói chi những sự kết tóc se tơ, đã buồn cả ruột mà dơ cả đời. » Một mình trai-táng xong đâu vào đấy, tiếng rằng ở với chú họ, nhưng vẫn ở riêng, một mình một nhà, may thuê vá mướn, kiếm ăn lần hồi. Một ngày hai bữa cúng cơm, khóc rất thiết-tha, từ lễ *tốt-khốc* (là trăm ngày) cho đến *tiểu-tường* và *đại-tường*, đều khóc như vậy. Trong ba năm trời, giọt hoa lai-láng, vóc ngọc võ-vàng, ai trông thấy thế cũng động lòng thương, khen là người có hiếu. Ba năm hết chở, gặp tiết thanh-minh, mua vàng hương đi tảo-mộ, trong lòng riêng nghĩ rằng : « Ngày tháng thoi đưa, tăm hơi xa cách, xanh rì một nắm cỏ-khâu, biết rằng hồn mẹ nương đâu bây giờ ? Lấy ai quạt nồng ấp lạnh, lấy ai hầu hạ sớm khuya ?.. » Nói rồi lại khóc, khóc rồi lại thương, lời chưa hết lời. Vả chăng xuân xanh đã ngoại hai mươi, phận gái chữ tòng, chiếc lá có lẽ bơ-vơ mãi hay sao ? Vườn xuân sắp có người coi, sang năm lấy ai là kẻ thăm viếng mả-mồ ? Lấy ai kẻ nối giõi tông-đường, trăm chiều cay đắng, nghìn nỗi xót-xa.

(1) Bài này là di-cảo của ông Tuyết-trai, Trần Tân-Ngoan, là người ban giúp bản-chí hồi đầu, chẳng may mất sớm đã hai năm nay (Xem N. H. số 19 trang 52). — Mấy cái tranh in cùng với bài này là của một tay thanh-niên họ [illegible] ta, ông Nguyễn Văn-Thọ, hiệu Nam-sơn, năm nay mới có 21 tuổi, hiện tòng-sự ở sở Tài-chính ; tuổi còn trẻ mà nghề họa đã nổi tài, coi nét bút đã có tinh-thần lắm. Bản-chí [illegible] mỗi kỳ sẽ in mấy bức họa của ông cho các độc-giả thưởng-giám.

Xụt-xùi giọt vắn giọt dài,
Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân!

Trước mồ gạt lệ, thơ-thẩn ra về, bóng đà gác núi, chiêng đà thu không, giữa đường gặp bác dê con, lông trắng như tuyết, không biết dê nhà ai, lạc ở giữa đường, theo liền cô ta, dù đuổi cũng không đi. Về đến nhà nhẩy ngay vào

buồng. Cô ta yêu cái lông đẹp, lấy lá tre cho ăn, để tính sạch-sẽ, ăn xong nhẩy lên chỗ cao mà nằm, đêm thời vào góc buồng mà ngủ. Bỗng một đêm, hóa làm người con trai, trèo lên giường cô ta ngồi. cô ta trông thấy, lấy làm ngờ nhiên, có ý sợ-hãi nhẩy

mà nói to rằng : « Mày là quỉ đấy ư ? hay là yêu-tinh chăng ? Tao đã cho mày vào buồng tao, lại còn chưa thỏa, lại muốn tác-quái hay sao ? Lại muốn hại tao hay sao ? Tao có phải là phường công răn cắn gà đâu ? » Cô ta lấy thước may toan đánh.

Người con trai ung-dung đáp rằng : « Thưa cô, tôi không phải là quỉ, mà cũng không phải là yêu-tinh, tôi là người ngự xe của đức Ngọc-hoàng, không may sẩy chân đánh gẫy cành hoa vàng, đức Ngọc-hoàng nổi giận, đầy tôi xuống cõi trần mười năm, rồi sẽ được phục chức. Nhớ rằng ta vẫn thường gặp nhau

ở vườn hạnh-hoa, thế là ta vẫn có duyên xưa với nhau, vì thế tôi hóa làm dê để đi theo cô, cớ sao mà cô sợ ? »

Cô ta nghe nói hình như nhớ đến, đứng ngay mà nhìn, thời ngươi Tống-Ngọc vin hoa, chàng Phan-Nhạc dâng quả, cũng không đẹp bằng, hơi động lòng thương, tủm-tỉm mà nói rằng : « Duyên nợ kiếp trước, nào ai biết đâu ? Nghe lời chàng nói, thời bấy lâu tuyết ngọc giá trong, một đêm nhơ bẩn, tội này tại ai ? Nếu có phải duyên nợ tiền-sinh, sao không hóa hẳn làm người, sính-nghi đủ lễ, rồi sau ta ăn ở với nhau trăm năm, cớ sao ngày làm giống vật, tối lại vợ chồng, nếu mà mau-mắn chẳng hóa chồng dê lại đẻ con dê, để cho miệng thế kẻ chê người cười, cười rằng loạn mất giống nòi, cười rằng người ngọc lấy loài tả-dâm »

Chàng dê đáp rằng : « Ta là tinh vật, mình là chúa hoa, lấy tình mà ở với nhau, giống chi những kẻ trần-gian, chưa êm chăn gối đã mong bỉ hùng. » Cô ta nghe nói êm tai, mới lại gần cùng nhau ; lạ gì gái lớn, lại gặp tiên sa, tình thương yêu nhau, sánh với người thường, biết gấp mấy mươi lần mà kể.

Khác gì ả Chức chàng Ngâu,
Nửa đêm thất-tịch bắc cầu sông Ngân.
Khác gì khoác cổ liền chân,
Uyên-ương riu-rít muôn phần ái-ân.

Đêm là vợ chồng, ngày lại hóa làm dê, như thế được hơn ba năm.

Cô ta từ khi chịu được tinh dê, thêu-thùa một ngày một khéo, nhan-sắc một ngày một đẹp. Nào kẻ văn-nhân, nào phường khố-lụa, duyên ưa phận đẹp, thiếu gì yến anh, cô ta đều không thuận cả, mà từ chối rằng : « Ở vậy đi tu, để thờ cha mẹ. » Dù là mối lái tìm cách giỗ-dành, nói ngọt đến đâu cũng không lay nổi lòng vàng đá.

Cùng làng có một chàng trẻ tuổi, muốn lấy không được, nhân đêm lẻn đến, muốn ép cô ta phải lấy. Khi mới đến cửa dòm vào, thấy chàng con trai ngồi với cô ta, tưởng gian-phu, nhân thế có lòng oán giận, về đem người nhà định đến bắt trói, phá cửa xông vào, chỉ thấy cô ta ngồi với con dê, lấy làm lạ quá, thẹn mặt cút mất.

Một đêm, chàng dê ngồi lẩn-thẩn một mình, không chịu lên nằm, có ý buồn-bã ; cô ta cố ý hỏi mãi, chàng mới đáp rằng : « Ta vẫn định ở với mình ba mươi năm, để cho khí trong sương lạnh, mọc cánh lên tiên, cùng nhau vui thú cảnh nhà trời, không ngờ từ khi trích-giáng đến nay đức Ngọc-hoàng thương ta có công làm truyện sách *Xuân-thu* (1) bớt tội cho ta tháng kể làm năm, tuy ba mươi năm, chỉ phải ba mươi tháng thôi, thời được hết hạn, tính đốt ngón tay, đêm nay đêm mai, đến đêm ngày kia, là ngày chúng ta xa cách nhau lâu dài, lông trắng mởn này, không được hú-hí trong vườn hoa mình nữa đâu. Cảnh trời tuy vui thế thật, nhưng nghĩ đến tình ăn ở với nhau trong bấy nhiêu lâu, có thể nào quên được, vì thế ta buồn. »

Cô ta nghe nói vội-vàng ôm lấy tay chàng mà khóc rằng : « Thiếp nghe lời túc-trái, chịu tiếng bất-trinh, những là son sắt một lòng, mong cho vàng đá trăm năm, trước là đền ơn cha mẹ, sau là trọn nghĩa vợ chồng ; nếu mình bỏ mình đi, bước đi bước nữa, sao cho vẹn tiết, ở vậy một mình, khó giữ toàn-thân. Vì không có cách nào được ở cùng nhau

(1) Sách *Xuân-thu* có họ Cốc-dước [illegible]

no đời mãn kiếp, thà rằng thác đi, hồn ở với nhau còn hơn. »

Nói rồi gục vào lòng chồng, ngất đi một lúc. Chồng thời ngơ-ngẩn ngẩn-ngơ, bồi-hồi bồi-hồi, sẽ nàng nàng dậy, ghé tai mà gọi, giờ lâu mới tỉnh. Chồng lại bảo rằng : « Để tôi liệu xem có thể cho mình đi theo được không, việc gì đến nỗi như thế ? Ngặt vì lệnh đức Ngọc-hoàng, không thể chậm lại được nữa, dù mình có nghĩ đến tình xưa nghĩa cũ, đêm khuya vào trong buồng kín, đọc câu chú như sau này . « Làng mây mờ-mịt, đỉnh Giáp nhớ thương, hỡi chàng tiên lại, xin đứng Ngọc-hoàng, mảnh duyên gặp gỡ, chút ngãi cũ-càng, não-nùng lòng thiếp, biết chăng hỡi chàng ? », đọc ba lần như thế thời ta sẽ về. »

Dặn xong, lấy một viên thuốc trong lưng ra nuốt đi, rồi biến đi mất. Cô ta biết việc không thể ngăn lại được, đành gạt nước mắt, ngậm đắng nuốt cay cho qua ngày tháng. Nhưng lần nào đọc câu chú, cũng thấy nghiệm cả.

Được bốn tháng, cô ta phải đau, biết cơ thua rồi, gọi chú nói tỏ việc mình cho chú biết, thế là lời đáp lại với tiếng khóc lúc mới chôn rau.

Đến khi đưa cô ta ra cõi tiên-phật, thời thấy trong quan có tiếng động-đậy, mà người phủ quan thời không nhắc nổi, mở ra xem thời thấy con chim vàng-anh, mồm ngậm cành hoa bay thẳng lên trời . . .

∴

Ông Sơn-nam-thức bàn rằng : « Đọc truyện *Dương-phu* biết rằng loài bay, lặn nhảy, nằm, sinh trong trời đất đều là vật cả, nhưng chưa chắc đã là vật cả, cùng nhiều khi duyên xưa đã lỗi, ân cũ chưa đền, hoặc hóa làm vật để gặp nhau, hoặc chút lại hình mà ảo-hóa : như chim xanh là sứ-giả Tây-vương, lợn đen là tiền nhân Tần-Cối. Truyện giống thế, cũng còn nhiều nữa, ta nên xem xét cho kỹ, chớ nên trông thấy vật, mà đã vội cho là vật đâu. »

Tuyết-Trang

Dịch trong sách *Thánh-tôn di-thảo*

THỜI-ĐÀM

Đông-Pháp bao giờ vẫn là Đông-Pháp. — Đầu tháng này có tin điện bên Tây sang nói rằng có một ông Thượng-nghị-viên tên là GAUDIN DE VILLAINE diễn-thuyết ở Nghị-viện bàn nên nhượng thuộc-địa Đông-Pháp cho nước Anh hay là nước Mĩ để đỡ cho tài-chính trong nước khỏi quẫn-bách. Ông Nghị-viên Nam-kỳ OUTREY đã phản-đối lời bàn ấy kịch-liệt lắm. Quan Thuộc-địa Thượng-thư SARRAUT cũng đã thuyết-minh các lẽ và bài-bạc ở Nghị-viện.

Quốc dân ta được tin ấy lấy làm lạ lắm, và nhiều người ngờ rằng Đại-Pháp có ý muốn nhượng thuộc địa này thật. Phủ Toàn-quyền đã thông-cáo cho các báo-quán để tuyên-bố cho dân biết rằng sự ngờ ấy không phải và quí quốc không bao giờ có bụng như thế. Quí-quốc đã phí bao nhiêu công-của mới kinh-doanh được cõi đất này, dân ta cũng được nhờ ơn quí-quốc bảo hộ mà bấy lâu nay được an-cư lạc-nghiệp, mới rồi đây bên Âu-châu có việc chiến tranh ta đã ra sức giúp người giúp của, tỏ lòng kính mến quí-quốc biết dường nào; như vậy thời cái mối liên-lạc hai dân hai nước với nhau thật đã cố-kết vững-vàng lắm rồi, còn bao giờ rời dứt cho được. Dân ta một lòng một dạ nhờ quí-quốc khai-hóa cho, mong một mai có ngày mở mặt được ra với đời, công khai-hóa ấy nay đã bắt đầu kết-quả, có lẽ nào quí-quốc lại bỏ ta cho đành? Vả trong buổi liệt-quốc tranh-hùng này, cõi Á-đông là một cái trường-sở trọng-yếu: quí-quốc tất phải lấy đất Đông-Pháp này làm nơi căn-cứ cho cái thế-lực ở Á-đông vậy. Cho nên lấy quyền-lợi, lấy nghĩa-vụ mà xét, không có lẽ nào Đại-Pháp rời bỏ xứ này, dân ta cứ vững lòng, không nên ngờ-hoặc vậy.

Lời bàn của ông Nghị-viên GAUDIN DE VILLAINE chẳng qua là cái ý-kiến riêng của một người mà thôi. Vả quan OUTREY là đại-biểu Nam-kỳ ở Nghị-viện, quan SARRAUT là thay mặt Chính-phủ Pháp, đều đã phản-đối công-kích cả, thời đủ biết rằng lời bàn ấy không có giá-trị vậy. Ta lại phải biết rằng Đại-Pháp là một nước quyền ngôn-luận rất tự-do, và nghị-viện là nơi ai muốn bàn-bạc sự gì cũng được, nên lắm khi có người chưa cứu xét đến nơi đã tỏ ra những ý kiến trái với sự thực, hoặc bày ra những tư-tưởng không sác-đáng; nhưng miễn là phần nhiều người không ưng những tư-tưởng ấy, không theo những ý-kiến ấy là đủ. Ông GAUDIN DE VILLAINE chắc là người không biết việc Đông-Pháp, tưởng là một cái thuộc-địa thừa không có ích-lợi gì cho Mẫu-quốc, tự nghĩ trong bụng rằng hiện nay ở Mẫu-quốc lý-tài đương quẫn-bách mà ở ngoại dương lại có những thuộc-địa thừa, không nhượng đi thời để làm gì? Bởi thế ông mới khởi ra lời bàn như trên kia, nhưng lời bàn ấy không ai cho làm phải vậy. Ông tưởng một dân-tộc hai-mươi triệu con người có thể trao-đổi như một cái đồ-hàng được; ông lầm vậy.

∴

Một tờ báo mới: « Thực-nghiệp dân-báo ». — Ở Hà-nội mới xuất-bản một tờ báo mới, đặt tên là « Thực nghiệp dân-báo ». Báo này là của mấy nhà công thương ở Bắc kỳ hùn-hợp lại mà lập ra để làm cái cơ quan cho thực-nghiệp giới. Tự cái phong-trào tranh-thương năm ngoái, quốc-dân ta xem ra đã có ý khuynh-hướng về đường thực-nghiệp: báo này ra thật là hợp-thời vậy. Bản-chí có lời chúc mừng bạn đồng nghiệp sinh-tồn được lâu và phát-đạt được chóng để ra công giúp cho việc chấn-hưng thực-nghiệp ở nước nhà. Lại dám khuyên các nhà nông, công, thương ta nên đọc báo này cho đông, trước là giúp cho báo đạt được cái mục-đích như trên, sau là rộng được sự tri-

thức về đường thực-nghiệp và nhờ cái cơ quan của báo liên-lạc nhau thành một đoàn-thể to có thế-lực trong nước, sau này giúp cho sự tiến-hóa quốc-dân được nhiều vậy.

Báo xuất-bản mỗi tuần lễ ba kỳ, giá đồng-niên 6$00, báo-quán ở tại đường Bờ-hồ (Rue du Lac) số 43, Hanoi.

* * *

Hội-đồng tiền-tệ. — Ngày mồng 5 tháng 6 năm 1920, quan Toàn-quyền Đông-Pháp ký nghị định đặt một hội-đồng để nghiên-cứu về vấn-đề tiền-tệ. Hội-đồng ấy ngày 6 tháng 7 đã họp tại Sài-gòn, quan Thanh-tra Thuộc-địa BERRUE làm hội-chủ. Có chân hội-đồng là những ngài như sau này : DE KERATRY, chánh sở Kiểm-tra Tài-chính ; DÉTIEUX, Chánh sở Tài-chính ; BONNEAU, chánh sở Công-chính ; KIRCHER, chánh sở Thương-chính ; GARNIER, chánh sở Kinh-tế ; GUIGNES, chánh sở Kho-bạc Nam-kỳ ; LOCHARD, chánh sở Mỏ ; MAYER, nghị-viên hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ ; NGUYỄN VĂN-ĐỒNG, nghị-viên hội-đồng Quản-hạt ; DUCLOS HAUZY, hội-viên hội Thương-mại Sài-gòn ; GRAVITZ, hội-viên hội Thương mại Hà-nội ; VANEL, hội-viên hội Thương-mại Hải phòng ; BOREL, hội-viên hội Nông-nghiệp Bắc-kỳ ; LABASTE, hội-viên hội Nông-nghiệp Nam-kỳ ; MARC, hội-viên hội Nông-Thương Trung-kỳ ; BRAMEL, hội-viên hội Nông-Thương Cao-miên ; TRẦN TRINH-TRẠCH nghị-viên hội-đồng Quản-hạt, do quan Thống-đốc Nam-kỳ cử ; BÙI ĐÌNH-TÁ nghị-viên Tư-vấn Hội-nghị Bắc-kỳ ; TRẦN VĂN THÔNG, tuần-phủ do quan Thống-sứ Bắc kỳ cử ; CHÉA, nghị-viên Tư-vấn Hội-nghị Cao-miên ; THIOUN, Hộ-bộ Thượng-thư Cao-miên, do quan Khâm sứ Cao-miên cử ; UNG DINH, Tham-tri Bộ Hình, do quan Khâm-sứ Trung-kỳ cử. — Trong tháng 7, hội-đồng đã họp tới 14, 15 lần. Ngày 28 tháng 7, Chính-phủ có thông-báo cho các báo về công việc Hội-đồng như sau này :

« Hội-đồng tiền tệ cứu xét kỹ nguyên-nhân sự « khủng hoảng » (*crise*) về tiền-tệ ở Đông-Pháp từ xưa đến nay, và thâu-thập những ý-kiến của mọi người bày tỏ xong, đã quyết-nghị mấy khoản quan-trọng như sau này :

« Toàn-hội đều đồng-ý xin cải-lương tiền-tệ, bãi lệnh cưỡng-hành giấy bạc và xin phát-hành ra một thứ bạc làm bằng loài kim không thể hư-hỏng được.

« Toàn-hội đều đồng-ý bác những lời bàn của hội « Công-Thương Ủy-hội » (*Comité du Commerce et de l'Industrie*) bên Pháp.

« Toàn-hội đều đồng-ý xin đặt tiền bản-vị bằng vàng (*étalon d'or*) ở Đông-Pháp.

« Toàn-hội đều công-nhận rằng cái đối-giá của đồng-bạc hồi chuyển bạc cũ ra bạc mới phải ít ra là ngang bằng giá vàng của đồng-bạc 27 *grammes*.

« Bây giờ Hội-đồng chỉ còn phải định thể-thức để thực hành sự cải-cách như trên, thứ nhất là định trọng-lượng và suất-số của các bạc mới sau này. Không bao lâu nữa thời Hội-đồng sẽ xong việc vậy ».

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Việc dựng nhà. — Hội hiện còn đương nhờ một quan Tây xét lại cái kiểu nhà cho cẩn-thận, rồi mới khởi-hành đấu-giá. Chừng trong tháng tám tây này thời sẽ mở đấu-giá được.

Việc dựng nhà hội-quán là việc cần lắm ; có nhà hội-quán thời Hội ta mới là hoàn-thành. Tuy hiện nay tư-bản của Hội chưa đủ, nhưng tòa trị sự cũng cứ khởi công làm, rồi sẽ liệu. Vậy

xin các ngài hội-viên ngài nào chưa nộp tiền nhập-hội, hay là ngài nào đã có ký quyên vào việc hội-quán mà chưa nộp tiền, kíp gửi tiền về cho ông thủ-quĩ Hội là ông Lê-văn-Phúc thâu-nhận. Lại xin các ngài cố cổ-động cho Hội được nhiều hội-viên mới. Còn việc quyên tiền cho hội quán, không cứ người trong Hội, người ngoài ông nào có hảo-tâm quyên Hội cũng xin nhận cả.

— Có một ông ở Chợ lớn gửi ra 10$ (măng đa số 207090) để quyên giúp việc dựng nhà hội-quán, trong thơ ông viết không muốn đăng tên lên báo. Hội có lời cám ơn ông

***

Hội-viên mới. Trong tháng nay Hội ta thêm được hai quí quan vào Hội, là quan cai-trị VISAY, coi tòa kiểm duyệt báo quốc văn ở Phủ Thống-sứ; và quan Chánh Hội Nông-nghiệp Bắc-kỳ LAUMONIER.

— Ngày 6 tháng 7, tòa trị sự họp hội-đồng có công-nhận những ngài đã có tên đăng báo mấy kỳ trước hết hạn hai tháng không có ai dị nghị, được vào Hội bắt đầu từ tháng 7 này.

Vào chân chủ-trì. — Ông Đinh Duy-Kiện — Đinh Văn-Nhuệ — Hà Vũ-Giực — Nguyễn Đích-Tư Nguyễn Đức-Thăng — Nguyễn Thụy Bành — Nguyễn Trọng-Tước — Vũ Hữu-Thường — (Đã đăng tên trong báo số 33, trang 277 - 278).

Bùi Văn Quí — Hà Dương-Quang — Hoàng Huy Tường — Huỳnh Mai-Liễu — Koch — Lê Hữu-Tích — Lê Hữu Tiên — Mai Thạc — Ngô Tiến-Cảnh Nguyễn Hoàng-Thu — Nguyễn Như-Bằng — Nguyễn Triệu — Nguyễn Văn-Đồng — Phạm Văn-Mẫn — Phó Bá Thuận Trần Chấp-Trung — Vương Khả-Lâm (Đã đăng tên trong báo số 34, trang 375).

Vào chân thường hội-viên. — Ông: Hoàng Đình Liệu — Phan Bá Cần — Phan Trọng Thuận — Nguyễn Trọng-Nhiễm — Nguyễn Hữu Tiến — Tạ Duy-Tòng — Trần Ngọc-Hồ — Trịnh Ngọc-Trang (Đã đăng trong báo số 34 trang 376

***

Xin vào hội. — Có ba ông sau này xin vào chân chủ-trì, hạn trong ba tháng có ai dị nghị điều gì xin viết thơ về cho Hội.

1. — Brunwick dit Xự, surveillant des Travaux Publics à Gia lâm, Bắc ninh.

2. — Lưu Xuân Tô, entrepreneur à Yên-viên, Bắc ninh.

3. — Vũ Văn-Khang, surveillant des Travaux Publics à Bắc-ninh.

Ba ông này đều do ông hội-viên Ngạc Văn đồng giới-thiệu

HÍ-KỊCH CỦA MOLIÈRE

Tặng ông Nam-Minh

vì cái can-đảm đám công kích Molière

La Comédie de Molière ne projette aucun reflet infamant sur la vie. Elle est tout d'abord profondément conçue, et ne peut par conséquent être malsaine et vicieuse. Méditez cette proposition. Jamais homme ne mania fouet aussi cinglant contre le vice ; mais sa parfaite possession de soi-même n'est pas ébranlée tandis qu'il s'en sert. Tartufe et Harpagon, en réalité, sont chacun faits pour se fouetter, eux-mêmes et leur espèce, les faux piétistes et les avares déments. Molière ne fait que leur imprimer le mouvement. Il déshabille la folie jusqu'à la peau, étale son imposture et lui offre un meilleur costume avec la leçon que Chrysale lit à Philaminte et à Bélise. Il conçoit purement, et il écrit purement, dans le plus simple langage, les vers français les plus simples. La source de son esprit est la claire raison, c'est la source de ce sol et elle jaillit pour venger la raison, le sens-commun, la droiture et la justice : jamais dans un but inutile. L'esprit est d'essence tellement permanente qu'il donne à un calembour une signification et de l'intérêt. *Sa morale ne pend pas comme une queue, ni ne prêche par un personnage clignant incessamment de l'œil au public... ; mais elle est dans le cœur de l'œuvre, palpitant à chaque pulsation de sa structure organique.* Si la vie a quelque ressemblance avec les comédies de Molière, il n'y a nul scandale dans la comparaison.

* * *

Le rire de Molière dans ses plus pures comédies est éthéré, comme la lumière pour notre nature, comme la couleur pour nos pensées. Le *Misanthrope* et *Tartufe* n'ont qu'un rire imperceptible ; mais les caractères sont trempés dans l'esprit comique. Ils avivent l'esprit au moyen du rire qu'ils tirent de l'esprit même ; et l'esprit les accepte parce qu'ils sont de claires interprétations de certains chapitres du Livre ouvert devant nous tous.

GEORGE MEREDITH (1)

(Essai sur la Comédie)

(1) Danh-sĩ nước Anh đời nay.